

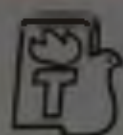


HOCTẬP VÀ LÀM THEO
TẤM GUƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH



THY NGỌC

VIỆT NAM ĐẸP NHẤT
CÓ TÊN BÁC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

3K5H5 28-01 /ĐKKH/Tre
TRE-2007

THY NGỌC
(sưu tầm - giới thiệu)

VIỆT NAM ĐẸP NHẤT
CÓ TÊN
BÁC HỒ

TÀI BẢN LÂN THỦ TƯ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289
Fax: 84.8.8437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn



LỜI NÓI ĐẦU

Giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách **“Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”** chúng tôi mong muốn cung cấp chút ít tư liệu tới các bạn thanh niên để các bạn tiện tra cứu nhanh khi cần thiết, những nét chính về thân thế và sự nghiệp của Bác Hồ, qua từng giai đoạn lịch sử.

Những công trình nghiên cứu, những pho sách đồ sộ viết về Bác Hồ đã có khá nhiều, cho nên việc làm này cũng chỉ là thêm một hạt muối bỏ biển; nhưng với tấm lòng kính yêu, ơn Bác đời đời, chúng tôi tự thấy đây là một dịp ôn lại những điều hiểu biết rất ít ỏi của mình để củng cố thêm vốn kiến thức còn đơn giản và phải luôn luôn được bổ sung, nhắc nhở.

Chúng tôi mạo muội mạn phép tác giả những tác phẩm có ghi ở “Phần tham khảo”, được lược trích hoặc một số dòng, hoặc một số trang, để hợp thành cuốn sách tư liệu này.

Chúng tôi trân trọng biết ơn.

THY NGỌC



SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- ❖ **Tử điển Hồ Chí Minh (Sơ giản) - Nhà xuất bản Trẻ - Ban Khoa học lịch sử Viện Khoa học xã hội - 1996**
- ❖ **Hồ Chí Minh toàn tập - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - 2000**
- ❖ **Hồ Chí Minh - Về giáo dục thanh niên - Nhà xuất bản Thanh Niên - 1980**
- ❖ **Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước - Thanh Đạm - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Nhà xuất bản Nghệ An - 1994**
- ❖ **Văn hóa Việt Nam - Tổng hợp 1989-1995 - Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương - 1989**
- ❖ **Hồ Chí Minh thời niên thiếu - Bùi Ngọc Tân - Nhà xuất bản Nghệ An - 1994**
- ❖ **Dị tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên - Trần Minh Siêu - Nhà xuất bản Nghệ An - 1994**
- ❖ **Những người thân trong gia đình Bác Hồ - Trần Minh Siêu - Nhà xuất bản Nghệ An - 1995**
- ❖ **Về quê Bác - Vương Lộc - Vương Kính - Nhà xuất bản Kim Đồng - 1970**
- ❖ **Chuyện kể từ Làng Sen - Chu Trọng Huyền - Nhà xuất bản Kim Đồng - 1980**
- ❖ **Nhớ ơn Bác Hồ - Nhà xuất bản Phụ Nữ - 1980**
- ❖ **Tìm hiểu truyện và ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh - GS Lê Tri Viễn - Nguyễn Văn Hấn - Sở Văn hóa và Thông tin Đồng Tháp - 1985**
- ❖ **Những vần thơ đẹp Hồ Chí Minh - Ban Khoa học Xã hội thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh - 1990**
- ❖ **Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc - Phạm Khắc Hòe - Nhà xuất bản Trẻ - 1996**



THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ

Những người thân trong gia đình Bác

Ngày nghỉ của tuần lễ đầu tháng 5 này, nhóm Sinh hoạt Thanh niên do Hòa phụ trách, gặp nhau thật đầy đủ. Hòa hiểu vì sao các bạn đúng hẹn như vậy. Mở đầu, Hòa có hồi hộp, nhưng thực hiện được ý định là hát trước mấy bài hay hát nhất nói về Bác Hồ, không khí bỗng nhiên thanh thoát, chân tình, gần gũi...

Trước đó, mỗi bạn khi tới đã trao nhau coi các ảnh, tranh vẽ, sưu tầm từ báo chí trong và ngoài nước, sắp xếp theo thời gian - từ thuở thiếu thời đến năm Bác Hồ mất - nên buổi sinh hoạt như đã được gọi lên bao nét chính.

- Có bạn nào chưa biết ngày, tháng, năm sinh của Bác không?

Câu hỏi bất ngờ của Hòa tưởng chừng có thể bị phản ứng, lại được tất cả trả lời cũng lướt:

- 19 tháng 5, năm 1890.

- Đúng quá. Nếu các bạn trả lời câu này nữa thì rất tuyệt: - Tên khai sinh của Bác Hồ là gì?

Một phút im lặng rồi nhiều câu trả lời khác hẳn nhau. Có bạn nói: - "Nguyễn Sinh Cung!". Có bạn nói:

- “Nguyễn Tất Thành!”. Có bạn lại nói gọn: - “Côn!”. Chưa kể một vài bạn khác nhắc khê “Anh Ba!”..., “Nguyễn Ái Quốc!”... hoặc một số bút danh mà Bác Hồ ký ở các bài báo.

- Mời bạn đã được phân công thuyết trình phần **“Thời niên thiếu của Bác Hồ”** cho ý kiến.

Thủy đứng lên với một tập giấy đựng trong bìa nhựa xanh trong suốt, hơi run tay cầm, lúc đầu giọng nói chưa được tự nhiên và hơi khê. Một thoáng sau, Thủy vào đề đã mạch lạc và rõ ràng, nhưng làm cho cả phòng họp vui hẳn lên với cách giải thích tên gọi “Côn”.

- Tôi xin nói trước về tên gọi là Côn. Có câu chuyện về cái tên ấy như sau: - Có lần khách đến thăm nhà hỏi tên mấy cậu con trai của ông Sắc. Chúng ta đều biết ông Nguyễn Sinh Sắc là thân sinh hai cậu Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung - tức là hai anh em Bác Hồ hồi nhỏ. Trả lời người hỏi, ông Sắc vui vẻ nói: - “Cu anh tên Khơm, cu em tên Côông”.

Thổ âm địa phương gọi “Khiêm” là “Khơm”, và “Cung” là “Côông”. Có thể từ thổ âm đó, nghe Cung là Có ông, âm Côông gần với âm “Côn” làm cho ta quen dần với từ “Còn” chẳng? Tên Bác Hồ thuở nhỏ là **Nguyễn Sinh Cung** thôi.

Sau khoa thi hội Tân Sửu (năm 1901) ông Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng, trở về làng Sen, làm lễ “vào làng” cho hai con trai. Chắc ông nghĩ đến mình, đến tương lai của con, bèn ghi lên Sinh Khiêm là Tất Đạt,

Sinh Cung là Tất Thành vào sổ làng. Từ đó Nguyễn Sinh Cung có thêm tên là **Nguyễn Tất Thành**.

Thủy thêm một chi tiết làm ai nấy cười bể bụng. Đó là khi ông Sắc trả lời tên con cho người hỏi, rồi ông nói thêm: "Khờm Côong mà!". Hiểu cách nói lái của người địa phương lúc đó, "Khờm Côong" tức là "không cơm!". Vừa vui vừa thâm thúy. Vì gia đình cậu bé Nguyễn Sinh Cung là một gia đình thanh bạch, ở một làng nghèo như làng Sen, mà nông thôn Nghệ An đã nghèo lại càng nghèo thêm từ khi mất nước.

Kể đến đây, Thủy nói vội:

- Chúng mình cũng nên kể luôn tên các anh chị em của Bác, theo thứ tự năm sinh như sau:

- Nguyễn Thị Thanh (năm 1884)
- Nguyễn Sinh Khiêm (năm 1888)
- Nguyễn Sinh Cung (năm 1890)
- Nguyễn Sinh Xin (năm 1900)

Người em út này mất sau đó một năm, trong thời gian ông Nguyễn Sinh Sắc từ quê hương vào Huế dự kỳ thi Hội năm Tân Sửu - 1901.

Cái chết của đứa em bé bỗng lại gieo vào tâm hồn thơ trẻ của Sinh Cung một nỗi buồn da diết. Nào đã lâu gì, mẹ vừa trút hơi thở cuối cùng ở Huế. Cung càng thấy thương Bà hơn, hàng ngày giúp Bà mọi việc trong nhà. Mấy chị em liu riu bên Bà và thấy bụi chuối, bờ dâu, vườn cau, gốc mít... đều là những bạn thân thiết.

- Có lẽ bạn Thủy nên kể chi tiết hơn về quê hương

và gia tộc của Bác Hồ thuở nhỏ. Nhân dịp này chúng mình hiểu kỹ, nhớ kỹ thêm.

- Thủy đã tìm ở một số cuốn sách và đã ghi được một số điểm chính. Thủy xin đọc nhanh và không bình luận gì.

- **Nam Đàn** là một huyện nhỏ nằm về phía nam tỉnh Nghệ An. Từ Vinh lên đến huyện lỵ Nam Đàn vừa đúng hai mươi cây số, nhưng đến quê Bác chỉ có mười ba cây. Quê nội Bác ở làng Kim Liên tức làng Sen. Quê ngoại Bác ở làng Hoàng Trù, tức làng Chùa. Hai làng cách nhau chừng hai cây số. Bên cạnh làng Sen và làng Chùa có ngọn núi Chung.

Núi Đụn tức Hùng Sơn chắn ngang phía bắc huyện Nam Đàn. Từ nguồn xa đổ về, con sông Lam, màu nước xanh như tên gọi, uốn quanh chân núi Đụn, rồi vượt qua những đồng lúa, bãi mía, nương dâu xanh ngắt. Thị trấn Nam Đàn nằm trên tả ngạn sông. Về phía tây, dãy núi Thiên Nhãn âm thầm chạy dài, là ranh giới thiên nhiên giữa hai huyện Đức Thọ, Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh và huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Núi Đại Huệ ở về phía đông. Bên kia là huyện Nghi Lộc, xứ sở của cam xã Đoài nổi tiếng. Dãy Hồng Lĩnh đứng sừng sững như bức thành, nhiều chóp cao vút lên trời.

Cảnh núi đồi núi, sông mở sông đã tạo cho Nam Đàn một vẻ đẹp riêng, một vẻ đẹp tươi mát mà hùng vĩ như câu ca dao:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ*

Nam Đàn giàu đồi núi nhưng ruộng đất lại nghèo. Xen giữa núi đồi là những cánh đồng hẹp, đất cát pha như đã vắt hết màu mỡ...

... Làng Kim Liên, tức làng Sen nằm trải ra như một lá sen giữa xã Kim Liên. Dừng như tên gọi, làng Sen có rất nhiều sen. Sen đội bùn, đội nước đứng lên, trải những tán lá rộng, xòe những cánh hoa màu trắng, màu hồng. Hương sen thơm dịu, tỏa khắp nơi.

Tới làng Sen, vào thăm nhà Bác, qua chiếc cổng tre sơ sãi kết bằng mấy thanh tre nhỏ, là khu vườn cau, chuối, chanh mọc lứa thưa. Nhà là một ngôi độc năm gian và một mái nhà ngang nhỏ, nền đất, phên nứa, mái tranh, giản dị bình thường. Chính ở đây, Bác Hồ đã lớn lên, sống quãng đời niên thiếu. Ngôi nhà này là do dân làng góp công, của dựng lên tặng ông Nguyễn Sinh Sắc, nhân dịp ông thi đậu Phó bảng, đem lại vinh dự cho dân làng.

Nhưng cậu Cung ở quê nhà không lâu. Cậu theo cha vào Huế. Từ đó cả gia đình bước vào cuộc đời lênh đênh cơ khổ suốt mấy chục năm ròng.

Ngôi nhà vắng chủ cũng không tránh khỏi số phận chìm nổi của nó. Túp nhà bên ngoài được dỡ đi từ lâu. Ngôi nhà năm gian ở làng Sen đã bán qua tay hai ba chủ. Đến năm 1955, trong cải cách ruộng đất, nhân dân địa phương mới chuộc lại và đem về dựng trên mảnh vườn cũ.

Mãi đến ngày 16 tháng 6 năm 1957, sau năm mươi hai năm xa cách, khi cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã trở thành **Chủ tịch Hồ Chí Minh**, người dân Nam Liên mới lại được hồ hởi đón Bác Hồ trở lại thăm quê nhà.

Tám giờ sáng, xe Bác về. Xe đậu cạnh một ngôi nhà gạch vừa mới dựng lên để tiếp khách. Một đồng chí Ủy ban xã mời Bác vào nhà khách uống nước. Bác không vào. Bác nói: "Nhà khách là để tiếp khách, còn tôi về nhà mà!". Thế rồi Bác về nhà.

Bấy giờ việc khôi phục lại ngôi nhà còn chưa đúng xưa kia. Cái ngõ trước đây ở phía trước, nay trở một bên. Bác không đi vào theo ngõ mới. Mặc dù ngõ cũ chưa có lối đi, bước chân Bác vẫn đi theo ngả đó. Nhà cũ năm gian lúc đó chỉ có ba gian. Nhà cũ phía sau thưng phen nay lại thưng gỗ. Bàn thờ ngày xưa là tấm liếp đan thưa trái chiều, lúc này lại lát gỗ. Bác ngó nhìn và góp ý suốt lượt.

Rồi Bác hỏi lời giếng Cốc, thăm lò rèn anh Điền. Giếng Cốc vẫn còn. Anh Điền đã là một cụ già trên bảy mươi. Cụ xúc động bước tới chào Bác. Còn đồng bào làng Sen thì mừng vui khôn xiết, xúm quanh để trả lời từng điều Bác hỏi về cảnh cũ, người xưa. Hơn 50 năm đi khắp đó đây, lo toan biết bao việc hệ trọng mà Bác Hồ vẫn nhớ từng gốc cây, ngọn cỏ, từng chiếc kèo, chiếc cột, nhớ đến chiếc vò đựng nước, chiếc gáo dừa múc nước, nhớ tiếng hò, giọng nói làng Sen.

Trước khi Bác về thăm làng, tỉnh Nghệ An có ý định khoanh một vùng thật rộng để xây dựng lại mảnh vườn nhà Bác. Bác về góp ý:



*Người thăm lại ngôi nhà quê ngoại ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên,
huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (12.1961)*

- Không nên. Nhà Bác vốn nghèo, vườn của Bác tất nhiên phải hẹp.

Địa phương lại muốn xây nhà khách thật to. Bác nhắc:

- Chỉ nên làm vừa đủ tiếp khách.

Bà con muốn rào vườn bằng nữa, Bác cười:

- Vườn thì chỉ nên rào cây bông bụt, vừa không hư, vừa có lá nuôi bò.

Bà con xin Bác cho trồng hoa trong vườn để được đẹp mắt. Bác gật nhưng nói:

- Muốn trồng hoa cũng được nhưng chỉ được trồng hoa khoai.

Ngày trở lại quê hương lần ấy, Bác đã nói chuyện với họ hàng và nhân dân địa phương ở một bãi đất rộng. Mọi người lắng nghe từng lời Bác nói:

..."Tôi là một người con, một người em của nhân dân đi xa nhà hơn năm mươi năm.

*Ôn sâu, nghĩa nặng, tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình!*

Người ta nói gặp nhau thì mừng mừng tủi tủi, nhưng tôi thì mừng chứ không tủi, vì khi tôi đi đồng bào còn bị nô lệ, nay tôi về đồng bào đã được tự do, thoát khỏi ách thực dân phong kiến...”

Bác còn dặn bà con nhiều điều, căn dặn mọi người ra sức thi đua về mọi mặt và hứa nếu thi đua giỏi, Bác sẽ về thăm nhà lần nữa. Các cháu nhỏ được Bác cho hai gói kẹo. Bác biếu các cụ già ba gói trà. Bác chúc sức khỏe bà con lần nữa rồi mới lên xe đi. Xe từ từ ra khỏi làng. Bà con đứng nhìn theo cho đến khi xe khuất phía đường xa.

Lần thứ hai Bác Hồ về thăm quê là ngày 9 tháng 12 năm 1961. Lần này Bác nhắc nhở:

“... Xã ta hay có phái đoàn nước bạn đến thăm. Nếu hợp tác xã mà tốt, nếu các cô các chú và đồng bào làm tốt mọi việc, có phái về vang cho Kim Liên không? Tốt đây không phải là làm nhà to, nước trà cho nhiều. Hãy làm những điều Bác vừa nói đó: củng cố và phát triển hợp tác xã cho tốt, làm cho ngày công nhiều, xã viên thu nhập cao, văn hóa tốt, trật tự trị an tốt...”

Bác nhấn mạnh:

“... Muốn có nhà ở thì phải trồng cây lấy gỗ, muốn đời sống no ấm thì phải sản xuất nhiều lúa, nhiều khoai...”

Cả hai lần về thăm quê, Bác Hồ đều căn dặn bà con trồng thật nhiều cây.

Trong Đại hội Đảng toàn quốc năm 1960, gặp đại biểu đoàn Nghệ An, hỏi tình hình trồng cây, Bác trao cho đồng chí Bí thư Đảng ủy xã Kim Liên một gói hạt phượng vĩ và dặn: "Về nhân nó ra!". Vâng theo lời Bác, đến nay Kim Liên đã có những vườn ương hàng triệu cây con...

Thủy đã trình bày xong phần nghiên cứu của mình. Tới lượt Sơn. Không hiểu do cách nói của Thủy hấp dẫn hoặc do cách lựa chọn tư liệu được rõ ràng, hợp lý, mà Sơn cứ xếp lại những trang viết Sơn đã gài phăng phiu. Mãi Sơn mới vào đề:

- Bạn Thủy chỉ cần mở rộng một vài chi tiết nữa thì phần trình bày của Sơn - về hai vị thân sinh của Bác Hồ cùng tuổi thơ của Bác, Sơn đỡ phải nói thêm.

- Nếu Thủy có nói thì Sơn vẫn có thể nhắc lại, bọn mình càng được dịp học hỏi thêm, không sợ trùng lặp đâu.

- Vậy Sơn xin được giới thiệu đôi nét:

Theo gia phả họ Nguyễn Sinh, thì Nguyễn Sinh Sắc là con trai út ông Nguyễn Sinh Vượng và bà Hà Thị Hy. Sinh năm 1862, cậu bé Nguyễn Sinh Sắc lên ba tuổi đã mồ côi cha và lên bốn tuổi lại mồ côi mẹ.

Lớn lên, Sinh Sắc phải lao động vất vả và không được học hành như bạn bè cùng lứa tuổi. Bởi thế cậu rất khát khao học tập. Những khi đất trâu ra đồng, ngang qua lớp học của thầy đồ Vương Thúc Mậu, Sinh Sắc thường buộc thùng trâu vào gốc tre, mãi mē đứng

xem thầy giảng bài. Hễ có thi giờ rảnh, cậu lại hí hoáy tập viết vào nền đất hay lá cây. Tính siêng năng chăm lụng và niềm say mê học hành của Sinh Sắc được bà con trong làng, ngoài xã khen ngợi.

Ngày xưa ở làng Chùa có thầy giáo Hoàng Đường hay qua lại thăm bạn là Vương Thúc Mậu ở làng Sen. Vào dịp xuân Mậu Thìn (1878) trên đường qua làng Sen, thầy chợt thấy một cậu bé đang say sưa đọc sách trên lưng trâu, trong khi các đám trẻ thì reo hò, chạy nhảy. Sau khi hỏi tên tuổi và gia cảnh cậu bé, thầy động lòng thương và nảy ra ý định xin Sinh Sắc về nuôi dạy. Người anh cùng cha khác mẹ của Sinh Sắc là Nguyễn Sinh Trợ cảm động trước lòng cao cả của thầy, đã đồng ý. Từ đấy Sinh Sắc được gia đình thầy Hoàng Đường nuôi cho ăn học.

Sinh Sắc ngày càng được mọi người yêu mến, vì anh vừa học giỏi, vừa có lễ độ. Đối với Sắc, làng Chùa là quê hương thứ hai và cụ Hoàng Đường là người cha đỡ đầu vô vàn kính yêu.

Gia đình cụ Hoàng Đường cũng vào hạng trung lưu. Cụ bà cùng hai người con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An làm ruộng và dệt vải - Ngôi nhà gỗ năm gian, hai chái, lợp tranh. Hai gian ngoài được dành làm nơi dạy học của cụ ông. Do có lớp học trong nhà, cụ bà và hai con gái cũng biết ít chữ nghĩa.

... Năm sáu năm sau ngày về làng Chùa, Nguyễn Sinh Sắc trở thành một chàng trai khôi ngô, Hoàng Thị Loan, cô gái đầu lòng của cụ Hoàng Đường, cũng

dã khôn lớn. Cụ Hoàng bàn với cụ bà chọn Sắc làm con rể. Năm 1883, lễ thành hôn cho đôi trẻ được tổ chức tại làng Chùa. Đôi vợ chồng trẻ được ở riêng trong ngôi nhà tranh ba gian xinh xắn mới dựng bên cạnh nhà cha mẹ. Căn nhà đơn sơ nhưng bao giờ cũng ngăn nắp nhờ bàn tay chăm chỉ của người vợ trẻ. Hai người chung sống ở đây những ngày đầm ấm, với cảnh:

Sáng trắng trải chiếu hai hàng

Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.

Hoàng Thị Loan kế thừa được những đức tính quý báu của cha mẹ. Cô siêng năng, giản dị, chăm lo làm tròn phận sự người con, người vợ.

Còn Nguyễn Sinh Sắc ngày đêm “dùi mài kinh sử” để đi thi. Dự kỳ thi Hương lần đầu ở Nghệ An, Sinh Sắc trúng nhị trường, lại học và đồng thời tìm nơi dạy học để có thêm điều kiện dạy dỗ con cái. Không khí trong gia đình đang ấm cúng thì cụ Hoàng Đường lâm bệnh qua đời.

Để an ủi mẹ già và đỡ đần vợ con, Nguyễn Sinh Sắc mở lớp học dạy ngay tại nhà và vẫn ôn luyện văn chương để chuẩn bị đi thi Hương lần thứ hai.

Khoa thi Hương Giáp Ngọ (1894) ông đậu Cử nhân. Bà con, họ hàng nội ngoại bàn việc tổ chức ăn mừng, nhưng ông viện cớ gia đình còn chịu tang để từ chối. Ông chỉ biện trầu rượu để báo tin mừng cùng làng xã. Đối với ông Cử Sắc, kỳ thi này là kỳ thi “báo hiếu” ân nhân của ông. Ông còn cố gắng học nữa để đậu cao

hơn cho thỏa vong linh người đã khuất và đền đáp công ơn vợ hiền.

Giữa năm 1895, ông Cử Sắc vào kinh đô Huế dự kỳ thi Hội khoa Ất Mùi, song không đậu. Ông xin vào học trường Quốc tử Giám. Vì học bổng ít ỏi, ông phải trở về quê bán với vợ cùng vào Huế để tạo điều kiện giúp đỡ ông học tập.

Lúc bấy giờ bà Hoàng Thị Loan đã có ba con, lớn nhất là cô chị Thanh mới 11 tuổi. Thanh ở lại với bà ngoại, để cho hai em trai là Khiêm và Cung, lớn mới 7 tuổi, bé vừa 5 tuổi, theo cha mẹ vào Huế.

Đó là lần “trẩy kinh” lần thứ nhất của cậu bé Nguyễn Sinh Cung.

Con đường ngàn dặm từ Vinh vào Huế quanh co hiểm trở, xuyên rừng, vượt núi. Đối với gia đình nghèo như gia đình ông Cử Sắc thì chỉ có phương tiện duy nhất là đi chân. Bà Loan phải vất vả lắm mới theo kịp mọi người. Bé Cung chạy lon ton theo sau anh Khiêm, nhưng chỉ được từng quãng, đành chịu để cha công. Núi đồi trập trùng, non xanh nước biếc, sông dài, cát trắng, biển bao la... phải đi bộ nửa tháng trời mới vượt được 400 kilômét.

Nhờ người quen giúp đỡ, ông Cử Sắc mượn được một gian nhà của trại lính bỏ trống từ lâu trong thành nội, tuy chật chội nhưng cũng đủ chỗ cho bà Loan đặt khung cử và chỗ học hành của cả ba cha con. Cuộc sống của cả gia đình trông nhờ vào bàn tay đảm đang và tần tảo của bà Loan.

... Tháng tám năm Canh Tý (1900), ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi làm sơ khảo ở trường thi Hương Thanh Hóa. Anh Khiêm được cùng đi với cha.

Sinh Cung ở lại với mẹ tại Huế. Trong lúc ông Sắc vắng nhà, bà Loan sinh thêm người con thứ tư là Nguyễn Sinh Xin. Bà lâm bệnh nặng. Nhiều người đã hết lòng giúp đỡ mẹ con bà Loan. Nhưng bà đã mất vào trưa ngày 22 tháng chạp năm Canh Tý (1901)....

Chỉ còn một tuần lễ nữa là đến Tết Nguyên đán, cậu Cung phải bế em đi xin sữa. Có những đêm bé Xin thiếu sữa, gào khóc thất thanh, làm Cung cũng khóc theo.

Được tin vợ mất, ông Nguyễn Sinh Sắc lập tức trở vào Huế. Không thể sống được với cảnh "gà trống nuôi con" giữa đất kinh thành, ông lại dắt diu, bế ẵm các con trở về xứ Nghệ...

Không bao lâu, kỳ thi Hội đã đến. Được sự động viên của bà con làng xã, ông Sắc lại vào Huế dự thi lần nữa. Trong thời gian này, bé Xin ở nhà bị ốm rồi mất.

Phần tư liệu Sơn ghi được đến đây là chấm dứt. Hòa đã chuẩn bị phần tiếp nối nên Sơn vừa ngừng, Hòa đã nói ngay. Có khác, chính là cách nói của Hòa. Dù rất thận trọng, Hòa vẫn thích nói tự nhiên hơn là đọc từ giấy. Tuy nhiên, Hòa vẫn không rời tập tư liệu đã chuẩn bị.

- Dự kỳ thi Hội lần này (năm Tân Sửu - 1901) ông Nguyễn Sinh Sắc đậu **Phó bảng**. Đó là một học vị dưới Tiến sĩ. Cùng đậu Phó bảng khoa này có ông Phan Châu Trinh.

Dân làng nô nức chuẩn bị trống cờ, vòng lọng đi rước quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy vinh quy bái tổ. Ông Nguyễn Sinh Sắc dự hội thi đổi tên là Nguyễn Sinh Huy, nhưng dân làng không quen tên mới vẫn gọi là Nguyễn Sinh Sắc.

Khi dân làng kéo đến cầu Hữu Biệt cách làng Chùa khoảng 4 kilômét thì gặp quan Phó bảng đi bộ từ Vinh trở về. Mọi người nổi trống, giương cờ lọng, mời quan Phó bảng lên vòng cho dân làng rước, nhưng ông một mực từ chối.

Tiền dự kiến tổ chức ăn mừng ông Phó bảng của xã là 200 quan. ông Sắc chỉ xin nhận 10 quan để mua trâu nước. Số còn lại, ông nhờ Hội đồng kỳ mục đem chia cho những gia đình nghèo trong làng Sen làm vốn sinh nhai. Lòng thương dân nghèo của ông làm cho mọi người khâm phục và kính nể.

Theo phép nước lúc bấy giờ, những vị đã đậu đại khoa, sau một thời gian về quê “vinh quy bái tổ” phải trở lại kinh đô chờ lệnh bổ nhiệm. Nhưng ông Sắc vẫn nấn ná ở quê nhà. Cái nhục mắt nước và cái cảnh nhốn nháo của quan trường làm cho lương tâm ông cắn rứt. Ông tìm cách “cáo ốm” với bề trên.

Năm Giáp Thìn - 1904, bà ngoại của ba chị em cô Thanh, cậu Khiêm, cậu Cung, cũng bệnh nặng và qua đời.

Mãi đến cuối tháng 5 năm 1906, không thể lần nữa mãi được, ông Nguyễn Sinh Sắc phải có mặt ở Bộ Lại của triều đình Huế. Bà con làng Sen rủ nhau đến chúc

mừng và chia tay ông. Ông nói: "Tôi đi, chưa chắc đã làm quan, mà nếu có làm quan chẳng nữa cũng chưa dám nói là lâu hay chóng!"

Ông giao cho con gái là cô Thanh chăm sóc vườn tược cửa nhà, còn hai con trai được chuẩn bị hành lý để cùng cha vào Huế.

Ba cha con ông Phó bồng vắn phải đi bộ.

Mười năm về trước, cậu bé Nguyễn Sinh Cung vào Huế, suốt chuyến đi gần như được cha công. Chuyến đi này cậu đã suýt soát một thanh niên. Đi đường, Cung luôn hỏi cha và anh mọi chuyện, nhất là lịch sử các triều đại, nào thời Trưng Trắc chống nhà Hán, nào thời Triệu Thị Trinh chống nhà Ngô... Hai anh em lại còn thi nhau đọc các áng hùng văn, "Hịch tướng sĩ", "Bình Ngô đại cáo", những bài thơ tứ tuyệt của Lý Thường Kiệt, của Trần Quang Khải...

Nghe con hỏi về Nguyễn Trãi, ông Nguyễn Sinh Sắc bao giờ cũng nghĩ suy, đôi mắt như hướng về khoảng không gian vô tận. Nguyễn Trãi, một thiên tài sáng ngời nhân nghĩa như vậy mà cuối đời lại bị bọn nịnh thần dẫn đến tai họa "tru di tam tộc".

Lên tới đèo Ngang, ba cha con dừng lại khá lâu trước cảnh núi non, biển cả vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng. Bài thơ vịnh cảnh nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan, chấm phá thật tài tình, nêu bật thiên nhiên, câu nào cũng tuyệt bút, nhưng chàng trai Nguyễn Tất Thành ứng nhất hai câu:

*... Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia...*

Còn người cha im lặng, trầm ngâm với hai câu kết:

*... Dừng chân đứng lại, trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta!*



NHỮNG NĂM HỌC QUAN TRỌNG NHỮNG NGÀY TRẦN TRỞ

Trình bày đến đây, Hòa xin phép nghỉ giây lát. Hòa nói: **"Không phải tôi mệt, mà vì đoạn sắp tới nói về cuộc đời học sinh thật quan trọng đã khiến người thanh niên Nguyễn Tất Thành nhìn ra con đường cần đi tới của anh là gì... mà lúc ấy anh cũng chỉ trạc tuổi chúng ta lúc này thôi, lại rất đơn độc, rất thiếu thốn, rất bơ vơ!"**. Ngừng một lát, Hòa thật sự xúc động, nói tiếp, giọng nói trầm hẳn, nhưng anh chị em lại nghe rất thấm thía. Hòa nói: **"Tại sao Nguyễn Tất Thành có thể có đôi mắt sáng như vậy được? Đúng là một thanh niên xuất chúng!"**... "Các bạn cho Hòa mạn phép bộc lộ tình cảm mạo muội. Hòa đọc tư liệu đến những trang về cuộc đời đi học và dạy học của chàng trai Nguyễn Tất Thành, thì Hòa không khỏi không liên hệ đến chúng ta lúc này..."

- Vào tới Huế, tạm thu xếp cho nơi ở xong, ba cha con đi viếng mộ bà Hoàng Thị Loan. Bao nỗi nhớ thương, đau xót...

Nơi ở chật hẹp, nhưng Tất Thành vẫn thấy thiếu khung cửa dệt vải của mẹ xưa kia, nhất là bông dăng mẹ ngồi dệt khuya đêm với tiếng đều đều của những đọt thoi đưa.

Ông Phó bảng lo xin cho các con vào học trường tiểu học Pháp-Việt Đông Ba vào tháng 9 năm 1906, ở Thừa Thiên. Chợ Đông Ba đã dời ra ngoài bãi từ năm 1899, cái đình chợ được tu bổ để làm trường học.

Lúc ấy học trò đến lớp đều phải mang lính kình cả bút sắt lẫn bút lông và nghiền mực nho vì nhà trường vẫn cho học mỗi tuần mấy giờ chữ Hán, ngoài chữ Pháp và quốc ngữ. Càng lên lớp trên, chữ Hán càng thưa dần, chữ Pháp tăng hẳn lên.

Hai anh em Tất Thành có ưu thế về chữ Hán. Còn chữ Pháp thì dĩ nhiên họ khó mà giỏi hơn các bạn con những quan to hay công chức của Pháp.

Tuy vậy, vốn thông minh, lanh lợi, khi thầy giáo bảo cả lớp dịch câu tiếng Pháp: "Ô chat! Ô chat! Ô chat! Voulez-vous manger le rat, montez sur la poutre" (Ý là: Này mèo, này mèo, này mèo, muốn ăn chuột thì trèo lên xà nhà). Tất Thành đã sử dụng vốn dân ca của quê hương phụng vái dịch thành câu lục bát như sau:

Con mèo! Con mèo! Con meo!

Mày muốn chén chuột thì leo lên xà

Vần điệu rất đúng mà ý rất hóm hỉnh qua việc dùng dấu cho mấy chữ "mèo, mèo, meo" chữ không để nguyên một từ "mèo" là "chal" của tiếng Pháp.

Học hết giờ ở lớp, Tất Thành còn chịu khó tới nhà thầy xin học thêm tiếng Pháp. Kỳ thi tốt nghiệp niên khóa 1906-1907, Tất Thành là một trong những thí sinh có điểm cao.

Lần vào Huế thuở nhỏ, cậu bé Sinh Cung phải giúp

me, trông em, tâm trí đau mà nghĩ đến kinh thành. Lần này có thời giờ hơn, anh học trò Tất Thành mới chú ý đến vẻ đẹp của Huế.

Dòng Hương Giang trong xanh, êm đềm, như giải lụa giữa lòng kinh đô, mặt nước in hình đồi núi, phố xá đẹp như bức tranh thủy mặc.

Huế lại còn núi Ngự Bình, sánh với dòng sông Hương, tạo nên một thắng cảnh thiên nhiên thơ mộng. Cách núi Ngự Bình không xa, về phía tây có núi Ba Tàng, nơi người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lập đàn Nam Giao làm lễ lên ngôi Hoàng đế Quang Trung (25 tháng 11 Mậu Thân - 1788) rồi xuất phát từ Phú Xuân, hành quân thần tốc ra Thăng Long, đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược vào đầu năm 1789.

Huế còn đẹp bởi cung điện, đền đài, miếu mạo, thành quách nguy nga mang sắc thái Phú Xuân của nền văn hóa Việt Nam. Phía hữu ngạn sông Hương là khu vực các lâu đài kiến trúc âu tây và khu dinh thự hành chính của chính quyền "bảo hộ" Pháp...

Nhưng trong các cung điện vàng son, lầu vàng gác tía kia, cô biết bao chuyện phế lập rồi ren, phức tạp mà ngay một lúc chàng trai Tất Thành không sao hiểu được.

Năm Tất Đạt ra đời (1888) chính là năm vua Hàm Nghi bị bắt và bị giặc đày sang Algeria vì ông cự tuyệt mọi thủ đoạn dụ dỗ của chúng.

Còn suốt thời gian ấy đến 1906 là dưới triều vua Thành Thái, một ông vua yêu nước mang tâm trạng u

uất đã 18 năm trời vì luôn luôn phải sống trong tình trạng bị Tòa Khâm sứ Pháp kiểm chế.

Vào Huế lần này, mới mấy tháng mà Tất Thành đã biết nhiều chuyện về vị vua này, nhà vua đã từng nuôi dưỡng cả một đội quân mới trong thành, bao gồm cả đội nữ kỵ binh, ngày ngày tập tành, múa đao, phi ngựa, bắn súng.

Có câu chuyện về cầu Trường Tiền lúc mới khởi công bắc qua sông Hương, lão khâm sứ cười bảo vua Thành Thái: "Bao giờ cái cầu này gãy thì Nhà nước bảo hộ sẽ trả lại xứ An nam cho bề hạ". Ai dè bốn năm sau khi cầu hoàn thành, một trận bão xô ngã nhিপ cầu đầu tiên. Nhà vua hỏi tên khâm sứ: "Thế nào? Cái cầu nó gãy rồi đấy, thưa ngài". Lão khâm sứ tái mặt...

Nhưng rồi một hôm, Tất Thành được thân phụ báo tin bất ngờ: - Vua Thành Thái đã bị truất ngôi và bị đưa đi đày biệt xứ! Người ta bảo vì nhà vua bị điên!

Ông Nguyễn Sinh Sắc hiểu rằng các con quan tâm đến các sự kiện đã xảy ra, không bàn luận gì thêm, chỉ nhắc các con cần giữ thái độ bình thường và cứ tiếp tục học hành.

Riêng ông, từ khi nhận việc ở Bộ Lễ, tuy bề ngoài vẫn giữ vẻ hòa nhã với mọi người, nhưng thực lòng rất buồn phiền.

Với Nguyễn Tất Thành, mùa hè năm 1907 là một kỳ nghỉ hè để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc. Phong trào kháng Pháp, duy tân đất nước đang nẩy lộc đâm chồi.

Phong trào Đông du của Phan Bội Châu đang cuốn hút những trái tim yêu nước từ Bắc chí Nam. Thơ văn của ông như xoáy vào gan ruột mọi người dân hừng hực lửa căm thù, có sức cổ vũ mãnh liệt tinh thần đoàn kết, quyết tâm cứu nước, cứu nhà. Phan Bội Châu tiêu biểu cho xu hướng bạo động. Ông chủ trương dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài để đánh đuổi giặc Pháp.

Cũng trong thời điểm này (1906-1907) một xu hướng khác nảy sinh: đó là xu hướng ôn hòa, đứng đầu là Phan Châu Trinh, người đẩu đồng khoa với ông Nguyễn Sinh Sắc. Ông Phan Châu Trinh phản đối chủ trương bạo động của ông Phan Bội Châu, nên đã cùng các sĩ phu tiến bộ khác như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... dấy lên một cuộc vận động duy tân ở Trung kỳ, bao gồm nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đồng thời với hai phong trào kể trên, ở Bắc kỳ vào tháng 3-1907, trường Đông kinh Nghĩa thực được thành lập và nhanh chóng nhân ra nhiều tỉnh ở Bắc kỳ, thu hút đông đảo quần chúng. Đông kinh Nghĩa thực không chống lại chủ trương bạo động của Phan Bội Châu, hơn thế, còn tích cực vận động cho phong trào Đông du.

Thời gian ấy ở Huế có rất nhiều thơ văn yêu nước cổ động duy tân đất nước của cả ba phong trào đó. Nguyễn Tất Thành được đọc nhiều bài hấp dẫn, gây xúc động lớn. Nhờ hỏi ở làng Sen, anh tập làm bài phú "săn cuốc" cũng có nhiều ý giống bài "Cuốc kêu" mà anh rất thích.

*"Nước Việt Nam có con cuộc cuộc,
Cả mùa hè kêu suốt ngày đêm
Kêu nòi giống, gọi anh em
Dựng xây quốc thái, báo đền gia hưng,
Cuộc! Cuộc! Cuộc! Chạy cùng sông núi
Kêu quốc hồn và gọi quốc dân
Nhấn nhe nòi giống xa gần
Có thương nhau hãy quây quần lấy nhau..."*

Từ những phong trào đó nảy sinh bao nhiêu cuộc tranh luận sôi nổi trong giới trí thức, học sinh. Tất Thành hằng say bàn tán, tìm hiểu, có khi quên ngủ, quên ăn về những điều mới lạ đó. Anh lại đọc được nhiều sách quý. Ở Huế, từ vài năm qua xuất hiện nhiều sách báo như Tân thư, Tân văn, chứa đựng nhiều kiến thức mới, bao gồm những tri thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Năm học 1907-1908, hai anh em Tất Đạt, Tất Thành thi vào trường Quốc Học Huế và cùng trúng tuyển. Đây là trường Quốc Học đầu tiên và lớn nhất ở xứ Trung kỳ. Yêu cầu số một về kiến thức là phải nắm vững ngữ pháp tiếng Pháp để làm công việc hành chính.

Nguyễn Tất Thành không thể ngờ được rằng, ông đốc học của trường, tên là Loghiu lại có tiền án là tù binh của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám. Hàng ngũ giáo viên lại lắm kẻ thô bạo với học sinh. Tên Louis Péchaud, dạy môn khoa học thường thức có hôm mắng học sinh là "cochon" (đồ lợn), lập tức cả lớp đứng dậy phản

đối, bỏ giờ không học. Lần ấy, y bị cấp trên khiển trách.

Mặc dầu trong trường có những chuyện đáng buồn, Tất Đạt, Tất Thành vẫn tuân theo lời cha, cố gắng học hành chăm chỉ. Tất Thành còn mượn nhiều sách báo về để mở mang kiến thức.

Nhưng làn sóng duy tân đang dâng lên trong kinh thành Huế đã cuốn hút tâm trí Nguyễn Tất Thành.

Ông Nguyễn Sinh Sắc không những không ngăn cản con tham gia cuộc vận động duy tân, mà chính ông rất tán thành mặt tích cực này của ông Phan Châu Trinh.

Thực dân Pháp bắt đầu sợ phong trào Duy Tân và Đông kinh Nghĩa thực.

Tháng 11-1907, trường Đông kinh Nghĩa thực Hà Nội bị đóng cửa. Nhưng ba tháng sau, một phong trào nông dân dữ dội đã bùng ra ở Trung kỳ. Riêng tỉnh Quảng Nam, nông dân bị hà hiếp quá đã nổi lên biểu tình "xin xâu" (xin giảm ngày làm phu). Từ Quảng Nam, phong trào tràn vào Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và cuốn ra Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh. Tại Huế, lúc ấy học sinh trong các trường chỉ mong chóng tan học để đổ ra đường phố.

Khi Nguyễn Tất Thành cùng một toán học sinh nhập vào đoàn biểu tình thì được chứng kiến cảnh tên phủ doãn Trần Trăm khập khểnh đang bị điệu đi đầu đoan, rồi bọn lính khố xanh xộc đến dùng gậy nện lới tấp lên đầu mọi người để giải vây.

Mấy hôm sau các cuộc biểu tình vẫn tiếp tục. Thực

dân Pháp bắn chết và làm bị thương nhiều dân vô tội. Có người liều mạng lao vào bọn lính, ôm lấy chúng rồi cùng lăn xuống sông Hương mà chết.

Sau vụ biểu tình ở Thừa Thiên, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đày biệt xứ. Ở Nha Trang, giặc Pháp xử chém ông Huấn đạo Trần Quý Cáp, một nhà nho thanh cao, ai cũng kính phục, sau 24 tiếng đồng hồ kể từ khi chúng bắt ông. Chúng còn lợi dụng dịp này, để trừ khử các nhà ái quốc Việt Nam. Rất nhiều người bị đày ra Côn Đảo.

Cuộc khủng bố dã man của thực dân Pháp trong phong trào Duy Tân và phong trào chống thuế ở Trung kỳ gây ấn tượng sâu sắc đối với Nguyễn Tất Thành. Anh nhận thức được bao điều mới mẻ. Anh thấy rõ sức mạnh hợp quần của nhân dân. Hành động của dân chúng đã vượt ra ngoài tầm lãnh đạo của các sĩ phu tiến bộ. Vậy phải làm thế nào cho các cuộc đấu tranh của nông dân không dẫn tới chết chóc, tù đày, làng xóm khỏi bị triệt phá tan hoang? Đó là câu hỏi làm cho Tất Thành nhiều đêm trăn trở.

Cuối tháng 6-1908, vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội mở đầu cho cuộc mưu đánh úp Hà Nội của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám bị vỡ lở. Thực dân Pháp điên cuồng đàn áp, xử chém một số người, bêu đầu dọc đường... Qua sự kiện này, Nguyễn Tất Thành thấy rõ ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam.

Hàng ngày tới lớp học, Nguyễn Tất Thành cũng trông thấy hai hàng chữ Pháp ở hai bên vách lớp:

Une âme saine dans un corps sain (một tâm hồn trong sáng trong một thân thể tráng kiện).

Liberté, Égalité, Fraternité (Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái)

Câu trên dễ hiểu đối với anh, còn mấy tiếng “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” đã làm rung động trái tim anh ngay từ hồi mới bước chân vào trường tiểu học Pháp-Việt. Học lịch sử nước Pháp, nghe thầy giáo nhắc đến ba từ thiêng liêng đó, Nguyễn Tất Thành càng muốn đi sâu vào tìm hiểu nguồn gốc phát sinh và ý nghĩa sâu xa của nó. Từ đó, anh rất ham học lịch sử thế giới và để ý nghiên cứu kỹ nhất là cuộc cách mạng nước Pháp năm 1789. Anh còn bỏ công tìm cho ra những tác phẩm của các nhà văn, nhà triết học Pháp của thế kỷ Ánh sáng: như Voltaire, Montesquieu, Rousseau. Đọc những tác phẩm của họ, anh thấy toát lên tinh thần phê phán chế độ chuyên chế, lòng thiết tha yêu tự do, khát khao đời sống bình đẳng, bác ái. Tuy vậy, còn nhiều vấn đề làm anh khó hiểu. Anh phải mượn các loại sách chữ Hán, chữ Pháp và quốc ngữ để đối chiếu mong hiểu được những luận điểm cơ bản của các nhà khai sáng Pháp.

Thu hoạch đáng kể đầu tiên của Nguyễn Tất Thành là ý thức chống phong kiến, phủ nhận vua, vốn đã nhú mầm trong anh, được phát triển. Hơn nữa, thái độ căm giận của thân phụ anh đối với những ông vua “lôi tớ giặc” và thái độ lên án mạnh mẽ triều đình nhà Nguyễn của Phan Châu Trinh làm cho anh đi dần đến chỗ đoạn tuyệt với chế độ phong kiến.

Càng tìm hiểu những gì ẩn giấu đằng sau những từ

“Tự do, Bình đẳng, Bác ái”, Nguyễn Tất Thành càng đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào, càng băn khoăn day dứt về vận mệnh dân tộc Việt Nam.

Lê nào con Lạc cháu Hồng phải chết mòn, chết dần dưới gót giày đình của thực dân Pháp?

Không, không thể được!

Nhưng làm thế nào đây?



BÁC RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Câu hỏi ở phần cuối của đoạn tư liệu, tưởng như cũng là câu hỏi chung cho tất cả các bạn đang lắng nghe. Các bạn nhìn nhau rồi vẫn dán mắt vào Hòa, nửa định trả lời, nửa muốn nghe ngay phần tiếp.

Hòa nâng ly nước nhưng cứ cầm mà chưa uống.

Phần tiếp theo, thấy Hòa ghi nét viết đỏ **“Ra Đi Tìm Đường Cứu Nước”** thật nắn nót và tô thật đậm.

Tháng 5 năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia cuộc biểu tình của nông dân 6 huyện tỉnh Thừa Thiên đòi giảm phu đài tạp dịch sưu cao thuế nặng. Rồi anh không học ở trường Quốc Học nữa. Anh bắt đầu nung nấu một hoài bão lớn: tìm ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam.

Con đường của hai người tiêu biểu đang đi là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Hai người đều là bạn thân của thân phụ anh và đều mến anh. Từ bé, anh vốn rất kính trọng và muốn noi gương hai ông.

Ông Phan Châu Trinh là bạn đồng khoa với thân phụ anh. Ông cũng từng giữ chức thừa biện bộ Lễ. Anh

tán thành thái độ chí trích thẳng thừng của ông đối với vua tôi nhà Nguyễn. Một điều nữa làm cho Nguyễn Tất Thành hâm mộ ông Phan Châu Trinh, đó là cuộc vận động duy tân do ông khởi xướng. Chính anh đã hằng hái tham gia phong trào đó.

Nhưng cái thuyết “Ý Pháp cầu tiến bộ” tức là “dựa vào Pháp để tiến bộ” của ông thì anh thấy còn ngờ ngợ, phân vân. Sau những cuộc đàn áp đẫm máu của Pháp đối với phong trào Duy Tân, Đông kinh Nghĩa thực và phong trào chống thuế, bọn thực dân kết án ông vào tội tử hình, sau nhờ có sự can thiệp của một lãnh tụ đảng Xã hội Pháp mà chuyển thành án tù đầy đi Côn Đảo.

Còn ông Phan Bội Châu, người đồng hương thân thiết của gia đình anh, người đã lừng lẫy tiếng tăm, vào nam ra bắc, đưa hàng trăm thanh niên đi du học để mưu tính công cuộc giải phóng Tổ quốc - kỳ vọng của ông là dựa vào Nhật. Chủ thuyết của ông là “danh giặc phục thù, mà thủ đoạn là bạo động”.

Về thuyết “bạo động”, Tất Thành tin là đúng, nhưng anh không tin ở chủ trương dựa vào một ông “Hoàng” và nhờ sự giúp đỡ của Nhật Bản.

Đối với Phan Bội Châu, ông Nguyễn Sinh Sắc có thể giao phó hai con mình cho bạn dìu dắt. Nhưng khi ông Phan Bội Châu cho người về nước đưa Nguyễn Tất Thành sang Nhật, anh Thành đã từ chối.

Cách nhìn của Nguyễn Tất Thành nhanh chóng được chứng minh là đúng: ông Phan Bội Châu bị “ông

anh cá đa vãng” mưu toan bán rẻ cho Pháp. Giữa năm 1908, cảnh sát Nhật đột nhiên xộc vào trường “Đồng Văn thư viện” nơi học sinh Việt Nam đang học. Họ ghi tên tuổi, quê quán của từng người rồi tuyên bố: “Theo lời yêu cầu của Công sứ Pháp, mỗi học sinh phải tự tay viết một bức thư gửi về nhà, do cảnh binh Nhật đem bỏ bưu điện. Nếu không, cảnh binh Nhật sẽ đem học sinh Việt Nam nộp cho Công sứ Pháp”.

Bị phản bội bất ngờ, ông Phan Bội Châu tìm kế tri hoãn, không cho học sinh về nước. Tháng 10-1908, chính phủ Nhật ra lệnh giải tán trường Đồng Văn thư viện, hạ lệnh trục xuất Cường Để phái rời nước Nhật trong 24 tiếng đồng hồ và Phan Bội Châu trong một tuần.

Phong trào Đông du lâm nguy, thì nghĩa quân Hoàng Hoa Thám cũng bị tấn công dồn dập. Cuộc chiến đấu kiên cường suốt 20 năm rốt cuộc bị thất bại.

Còn ông Nguyễn Sinh Sắc thì bị chuyển đi nhận một công việc khác ở Bình Khê, một nơi trước đây là đất Tây Sơn đầy nghĩa, sau khi vua Quang Trung mất thì Nguyễn Ánh đã tàn phá vùng này. Dân có truyền thống thương võ, song không ít phản tử lực lâm giang hồ.

Ông Nguyễn Sinh Sắc không bị bất ngờ đối với hình phạt này, thừa hiểu “Nhà nước” chỉ mong có dịp để tri ông.

Nguyễn Tất Thành cùng anh Tất Đạt lên Bình Khê thăm cha. Anh càng thương cha hơn nhưng không thể ở lại cùng cha được.

Sau khi chia tay cha, Nguyễn Tất Thành ở nhà ông Phạm Ngọc Thọ, chuẩn bị cho một chuyến đi xa. Nguyễn Tất Thành định ra đi sớm hơn nhưng ông Thọ bàn với anh nên chậm lại chờ ông đi vào Nam một thể. Ông đã có lệnh chuyển từ trường Pháp Việt ở Bình Định vào dạy học ở Phan Thiết.

Đến thị xã Phan Thiết, ông Phạm Ngọc Thọ chia tay với người bạn đường về trường mới. Còn Tất Thành nhờ có sự giới thiệu của ông Trương Gia Mô và ông Hồ Tả Bang (bạn cũ của ông Phó bắng) anh được vào dạy học ở trường Dục Thanh.

Trường Dục Thanh được xây dựng năm 1908 ở trung tâm thị xã Phan Thiết. Xưa kia, nơi đây là xóm ngư dân, cây cối um tùm. Trường nằm trong vùng nhà đất của cụ Nguyễn Thông, một nhà thơ yêu nước, đồng thời là nhà nghiên cứu giáo dục, lịch sử, địa lý.

Trường Dục Thanh dạy theo lối mới, kiểu Đông kinh Nghĩa thực, coi trọng quốc ngữ, đồng thời có dạy chữ Pháp và chữ Hán. Học sinh được giáo dục toàn diện cả về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, thể thao, thể dục, văn nghệ. Do đó trường Dục Thanh được coi là một trường tư tiến bộ nhất ở miền Trung nước ta thời bấy giờ.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành được phân công dạy Hán văn và quốc ngữ ở lớp nhì. Là giáo viên trẻ nhất trường, thầy còn được phụ trách thể dục buổi sáng và hướng dẫn học sinh tham quan thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

Mỗi buổi sáng, khi trời vừa rạng đông, thầy Thành đã gọi học sinh ra sân tập thể dục. Tiếng hô vang dậy một vùng.

Thầy Nguyễn Tất Thành luôn luôn khích lệ các em đọc sách, nhất là những loại sách giáo dục nhân cách và lòng yêu nước thương dân.

Đối với những học trò lớn tuổi, thầy cho đọc những tác phẩm văn học nổi tiếng của Pháp.

Ngoài những lúc dạy học, thầy Thành còn tiếp xúc với mọi người, góp tiền xây dựng tủ sách nhà trường và vận động học sinh góp thêm sách cho thư viện.

Thầy là một tấm gương về tình thương yêu học sinh và lòng say mê học hỏi.

Trong trường, ban ngày càng nhộn nhịp vui vẻ bao nhiêu thì đêm khuya càng vắng lặng, tĩnh mịch bấy nhiêu. Phía sau nhà cụ Nguyễn Thông có hồ sen, hương thơm man mác làm cho Nguyễn Tất Thành lại xốn xang nhớ làng Sen, nhớ Huế...

... Thế rồi, một sáng mùa xuân năm 1911, thầy trò trường Dục Thanh không còn nghe tiếng còi tập thể dục của thầy giáo Nguyễn Tất Thành nữa. Thầy đã ra đi từ bao giờ... Trong phòng chỉ còn lại vài dòng tạm biệt. Thế là thầy đã đi xa.

Trong khi thầy trò trường Dục Thanh đang bàng khuâng vì nỗi chia ly bất ngờ, thì Nguyễn Tất Thành đã đặt chân lên xứ "Nam kỳ trực trị".

Đến thành phố Sài Gòn. Nguyễn Tất Thành bắt

đầu làm quen với những điều mới lạ của đất “trực trị” thuộc Pháp. Nhịp sống hối hả, căng thẳng.

Đời sống cực khổ dưới ách cai trị trực tiếp của thực dân Pháp làm cho tinh thần quật khởi của đồng bào Nam kỳ càng thêm mạnh mẽ.

Để sống và tìm cách đi ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành phải làm nhiều công việc lao động chân tay trên đất Sài Gòn. Nơi anh thường tạm trú và qua lại nhiều là vùng cảng Nhà Rong. Đó là cảng sông. Gọi là “Nhà Rong” vì ở đây, trên nóc ngôi nhà của Sở đại lý hàng hải Pháp có đắp hai con rồng chầu mặt trời.

Nguyễn Tất Thành rất chú ý đến các hàng tàu. Có hai công ty tàu biển lớn chạy đường Pháp - Đông Dương. Đó là hãng Messagerie Maritime còn gọi là hãng “Đầu ngựa” và hãng Chargeurs Réunis còn gọi là hãng “Năm Sao”. Hãng Năm Sao có dán nhiều quảng cáo in bằng hai thứ tiếng Pháp và Hán, ghi hành trình: Sài Gòn, Tourane, Hải Phòng, Singapore, Colombo, Djibouti, Port Said, Marseille, Bordeaux, Le Havre, Dunkerque...

Nguyễn Tất Thành còn biết một điều hấp dẫn là hãng Năm Sao có tuyển “bồi An Nam” để phục vụ khách trên tàu.

Trưa ngày 2 tháng 6 năm 1911, Tất Thành ra bến Nhà Rong. Tàu của hãng Năm Sao từ Tourane vừa cập bến. Anh lên thẳng tàu Amiral Latouche Tréville, xin việc làm. Anh gặp ba người Việt Nam làm việc ở phòng ăn. Anh thấy họ cười và nói nhỏ với nhau điều gì đó.

Anh đoán họ nghĩ: “Một người mảnh khảnh như thế thì có thể làm được công việc gì trên tàu?”. Nhưng một người đã ân cần vỗ vai anh và bảo: “Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn cậu đến gặp chủ tàu. Có lẽ ông ta sẽ có việc cho cậu làm”.

Thấy anh, chủ tàu tên là Louis E. Michell hơi ngần ngại vì đứng trước mặt ông là một chàng trai cao gầy, có dáng học trò hơn là một người lao động, nhưng vẻ mặt rất khôi ngô. Ông ta hỏi:

- Anh có thể làm việc gì?
- Tôi có thể làm bất cứ việc gì!

Nghe câu trả lời dứt khoát, cả quyết, đầy tự tin của chàng trai, chủ tàu hứa:

- Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp, sáng mai anh đến đây nhận việc.

Tảng sáng hôm sau, ngày 3 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành với tên mới là Văn Ba được nhận vào làm việc trên tàu. Viên chủ tàu đã giữ lời hứa, giao cho Văn Ba làm phụ bếp.

Là phụ bếp, mỗi ngày anh phải thức dậy trước 4 giờ sáng và từ đó đến 9 giờ tối, anh phải làm quần quật hết công việc này đến công việc khác; suốt ngày, người đầm mồ hôi và bụi than. Tuy làm việc quá sức nhưng anh vẫn ôn tồn, nhẫn nại và vui vẻ. Sau chín giờ tối, công việc xong, mọi người tùm tùm đánh bài, còn anh Ba lại miệt mài đọc và viết đến khuya...

Ngày mùng 5 tháng 6 năm 1911, sau khi điểm

danh đủ 72 thủy thủ và nhân viên trên tàu và xin dấu chứng nhận vào sổ tàu, con tàu **Amiral Latouche Tréville** được phép kéo một hồi còi dài, rời bến Nhà Rồng đi Singapore... sang Pháp.

Nguyễn Tất Thành nhìn đắm đắm vào bờ như muốn khắc sâu vào tâm trí hình ảnh cuối cùng trước giây phút tạm biệt quê hương muôn vàn yêu dấu!



NHỮNG NĂM THÁNG BÁC Ở NƯỚC NGOÀI

Từ phần này - Hòa nói - chúng ta sẽ nghe anh Huỳnh trình bày những gì anh thấu tóm qua những trang sách biên soạn thật hệ thống, hoặc rất mới về **những năm tháng “Người thanh niên Nguyễn Tất Thành ở các nước; và những chặng đường Người trở về Tổ quốc”**.

*Có điều gì chúng ta cần trao đổi về toàn bộ cuộc sinh hoạt này, hoặc từng phần, chúng ta sẽ bố trí nhiều dịp khác nữa; vì càng nghiên cứu kỹ, chúng ta càng học tập muôn vàn điều hữu ích, giúp chúng ta sống, làm việc theo gương Bác Hồ vĩ đại, để được xứng đáng là thế hệ con, cháu **Người**, xứng đáng là thanh niên **Việt Nam** kiên cường, sáng tạo, bất khuất.*

Anh Huỳnh là sinh viên khoa Sử. Anh thường tham gia viết nhiều bài báo. Điều mà anh cho là may mắn hơn các bạn trẻ khác là được tham khảo, nghiên cứu đều đặn các tài liệu, sách báo, được làm bài trong lớp học, được viết bài cho báo chí. Anh nói: “Nhưng về “Hồ Chủ tịch” thì nghiên cứu bao nhiêu tài liệu cũng chưa đủ, phát biểu bao nhiêu suy nghĩ cũng chẳng thấm vào đâu. Các bạn cho tôi thêm một dịp may là

ôn tập các bài tôi đã học thôi. Mỗi chúng ta cần luôn luôn đọc thêm nhiều sách, báo, nghe thêm nhiều cuộc trình bày và cùng nhau trao đổi về từng điểm từ cuộc sống của Bác. Nếu có được một tủ sách báo, tài liệu riêng về Bác thì quý lắm”.

Anh cầm luôn cuốn **“Từ điển Hồ Chí Minh”**, mở phần đã gài sẵn dấu trang cần trình bày, nói tiếp:

- Tàu Amiral Latouche Tréville của hãng Năm Sao rời cảng Nhà Rồng ngày **5 tháng 6 năm 1911** để sang Pháp. Người thanh niên Nguyễn Tất Thành bắt tay ngay vào công việc không để dang chút nào đối với anh, một thanh niên gầy, mảnh, chưa hề quen sóng gió biển khơi. Phụ bếp có nghĩa là làm đủ mọi việc mà người bếp trưởng cần, từ xúc than vào lò lửa, từ rửa chén đĩa, đến nhặt rau, mổ cá, chặt thịt, đến bày bàn, bưng bê các món ăn, rót rượu... lên lên xuống xuống cầu thang, vội vã, nhanh nhẹn, không làm đổ vỡ, rây rột... đúng giờ, đúng việc, lúc nào cũng cần mẫn, tươi tỉnh, sạch sẽ, gọn gàng, lanh lợi.

Khi đã có chí, đã quyết tâm, mọi khó khăn đều có thể vượt qua, mà nhất định phải vượt được. Phải sang tới Pháp. Quyết không vì một sơ sẩy nào để bị đuổi lên một bến bờ không định trước. Mục tiêu là nước Pháp kia!

Có lẽ mấy câu mà thanh niên chúng ta không ai là không khắc sâu trong tâm khảm:

*“Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền*

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên"¹⁾

đã thấm sâu trong lòng Bác là từ hồi anh thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, này chăng?

Hơn một tháng sau, ngày 6 tháng 7 năm 1911, tàu cập bến Marseille. Khó có ai đi cùng chuyến tàu ấy hiểu nổi người phụ bếp có tên "Ba" gầy gò nhường kia lại thắng nổi sóng gió đại dương, vất vả, cực nhọc hàng tháng lênh đênh, lại tỉnh táo đến vậy khi thấy một bến bờ lạ hoắc.

Anh lần mò đến thị trấn Saint Adresse, gần Le Havre, tìm được một chân làm vườn. Cuộc đất, trồng rau vốn dĩ quen tay hơn nghề phụ bếp trên tàu biển. Nhưng đó cũng chỉ là một cách đối phó trong thời gian đầu nơi đất khách. Chỉ tháng 9 năm ấy, Nguyễn Tất Thành đã tới được Paris, thủ đô nước Pháp. Nhưng xin vào học trường Thuộc địa không được, anh lại đành hỏi việc làm ở hãng tàu Năm Sao, lênh đênh biển cả một chặng dài nữa, đi qua bao hải cảng một số nước châu Âu, châu Phi. Chuyến đi ấy không vô ích. Tiếp xúc với những người ngoại quốc trên tàu, anh đã học thêm ngôn ngữ. Tới một bến bờ xa lạ, anh có dịp biết thêm dân cư và địa phương, nhất là những người bản xứ cùng khổ của các cảng châu Phi, tích lũy thêm

1. Trung tuần tháng 5-1950, trên đường đi chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm một đơn vị thanh niên xung phong đang làm đường phục vụ chiến dịch, Người đã làm bài thơ này tặng thanh niên.

nhiều hiểu biết về con người, về tập tục, các chế độ chính trị... Thời gian này, Nguyễn Tất Thành có dịp đi vòng quanh châu Phi, ghé nhiều bến cảng một số nước như Algérie, Tunisie, Congo, Dahomey, Sénégal, đảo Réunion... Cho nên sau đó, trong thời gian hoạt động tại Pháp (1917-1923) Người rất quan tâm đến đời sống các dân tộc ở các nước thuộc địa châu Phi.

Năm 1914, Nguyễn Tất Thành sang nước Anh, cư ngụ tại nhà số 8 phố Stephen Tottenham, London, cũng có lúc Người ở tại nhà số 10 Quảng trường Orchard, Southampton. Thời gian này, Người rất vất vả với cuộc sống tự lập nơi xa lạ về mọi mặt. Những việc làm nặng nhọc và đơn điệu như quét tuyết, Người nhận với trường học ở London. Đã làm việc đốt lò, phụ bếp ở tàu biển, Người sẵn sàng nhận các công việc đó ở khách sạn Trayton Court và khách sạn Carlton. Cuộc sống cực kỳ khó khăn nhưng người thanh niên đầy chí khí ấy không ngừng theo dõi tình hình chính trị, quân sự của các nước châu Âu, nhất là ở châu Á và Việt Nam. Người dự đều các cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị, triết học và còn tham gia **Hội những Người Lao động Hải ngoại**.

Tháng 6 năm 1917, Người trở lại Pháp, tạm trọ ở khách sạn một thời gian, trước khi đến ở tại nhà của luật sư Phan Văn Trường, số 6 đường Villa des Gobelins, có thể là từ cuối năm 1917.

Luật sư Phan Văn Trường - sinh năm 1887 - lúc đó làm luật sư ở Paris, là người cùng hoạt động với Phan Châu Trinh, có uy tín trong giới Việt kiều yêu nước ở



*Bến cảng Nhà Rồng đầu thế kỷ XX,
nơi Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước.*

Pháp. Tháng 9 năm 1914, Phan Văn Trường bị chính quyền Pháp bắt giam một thời gian vì cho rằng ông âm mưu tổ chức nổi dậy ở Đông Dương.

Nguyễn Tất Thành quen biết Phan Văn Trường từ trước năm 1914. Qua thư gửi từ Anh sang Pháp cho Phan Châu Trinh năm 1914, Nguyễn Tất Thành có hỏi thăm Phan Văn Trường. Trở lại Pháp năm 1917, sau khi ở trọ khách sạn, Nguyễn Tất Thành đã tới ở tại nhà Phan Văn Trường. Người được Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và một người nữa có tên Khánh Ký giúp đỡ về vật chất. Năm 1919, khi soạn thảo bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" để gửi đến hội nghị Versailles, Người đưa ra những ý kiến yêu cầu nhờ Phan Văn Trường viết hộ vì lúc bấy giờ Người viết tiếng Pháp chưa được chuẩn. Cho đến năm 1920, Phan Văn Trường còn giúp đỡ Người sửa chữa Pháp văn những bài viết cho báo. Phan Văn Trường và Người có nhiều liên hệ cho đến khi Người rời nước Pháp (1923). Sau

khi về nước. Phan Văn Trường ra tờ báo "An Nam" ở Sài Gòn và cho trích đăng nhiều bài của báo "L'Humanité" (cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp), đăng toàn văn "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" của Marx và Engels. Ông Phan Văn Trường mất năm 1934.

Nguyễn Tất Thành dời đến ở trong một căn buồng ở nhà số 9 hẻm Compoin ngày 14 tháng 7 năm 1921, sống bằng nghề thợ ảnh. Cuộc sống vẫn thanh đạm, thiếu thốn. Có những ngày mùa đông quá lạnh, Người phải hơ nóng gạch quán ngoài bằng báo hay giấy mảnh để ủ người hoặc gói đầu.

Ngày 14 tháng 3 năm 1923, Người lại rời sang ở tại trụ sở Hội Liên hiệp Thuộc địa, số 6 đường Marché des Patriarches cho tới khi rời nước Pháp.

Hồi đầu mới tới Paris, Người đã tích cực hoạt động trong những hội Việt kiều ở đây. **"Hội Người Việt Nam Yêu Nước"** được lập năm 1917 và Người giữ chức vụ **Tổng thư ký**. Người nhanh chóng trở thành linh hồn của phong trào **Việt kiều yêu nước tại Pháp**.

Năm 1919, khi đại biểu của các nước đồng minh tham chiến trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất họp hội nghị ở **Versailles** (gần Paris), Người lấy tên là **Nguyễn Ái Quốc**, thay mặt "Hội Người Việt Nam Yêu Nước" soạn thảo và gửi đến Hội nghị "bản yêu sách của nhân dân An Nam". Bản yêu sách gồm 8 điểm, đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Người còn gửi bản yêu sách đến các nhà hoạt động chính trị có tên tuổi, gửi đăng báo và in để phát trong



Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người tham gia sáng lập Đảng Công sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (12.1920)

các cuộc họp và gửi về nước. Bản yêu sách có tiếng vang lớn trong nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân Pháp.

Trong thời gian này, ngoài những lúc phải làm việc để kiếm sống bằng nghề làm ảnh hoặc vẽ tranh trên quạt, trên chup đèn, Người thường đến đọc sách tại Thư viện Quốc gia Pháp hoặc Thư viện Sainte Geneviève và tham gia những buổi thảo luận tại Câu lạc bộ Ngoại ô. Cuối năm 1918, Người gia nhập **Đảng Xã hội** Pháp. Sau này, khi nhắc lại việc đó, Người bảo rằng khi ấy Người còn biết rất ít về các vấn đề chính trị nhưng Người muốn Tổ quốc được giải phóng, các dân tộc

thuộc địa được giải phóng, có những người trong Đảng Xã hội đồng tình với Người, vì vậy Người tham gia Đảng Xã hội.

Khi ấy rất ít người Pháp, ngay cả những người tiến bộ, quan tâm đến các vấn đề thuộc địa vì thực dân Pháp bưng bít những việc làm của chúng ở đây. Để tuyên truyền trong nhân dân Pháp, Người bắt đầu viết bài cho báo chí tố cáo tội ác của bọn thực dân.

Những bài báo đầu tiên ký tên **Nguyễn Ái Quốc** xuất hiện từ tháng **8-1919**. Người còn viết quyển **"Những người bị áp bức"** năm 1920, nói lên sự đau khổ của nhân dân các nước thuộc địa Đông Dương và sự tàn bạo của thực dân Pháp. (Rất tiếc bản thảo quyển này đã bị mất trước khi đưa in).

Trong khoảng năm 1919-1920, một vấn đề được đưa ra bàn luận nhiều trong các buổi họp của Đảng Xã hội là Đảng Xã hội nên ở lại Quốc Tế II hay tham gia Quốc Tế III của Lênin. Tuy nhiên, điều Người muốn biết hơn cả lại không được thảo luận: đó là Quốc Tế nào bênh vực nhân dân các thuộc địa?

Khi Người nêu câu hỏi này lên, một vài đảng viên Xã hội cho Người biết đó là Quốc Tế III và họ giới thiệu với Người bản "Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin được đăng trên báo L'Humanité ngày 16 và 17 tháng 7 năm 1920. Tác phẩm này của Lênin đề cập đến các vấn đề Người đang khao khát tìm hiểu, đã giúp Người nhìn rõ hướng đi của nhân dân các nước thuộc địa, tìm

thấy con đường cách mạng đúng đắn để giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc bị áp bức khác.

Trong Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tours vào cuối năm 1920, Người đã cùng các đảng viên Xã hội tiến bộ bỏ phiếu tán thành việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc Tế III.

Như thế, **Người là một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp, là chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Việt Nam.**

Đây là bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt trong nhận thức tư tưởng và lập trường của Người. **Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, con đường kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.**

Tháng 10 năm 1921, Người cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các thuộc địa Pháp khác thành lập "**Hội Liên hiệp Thuộc địa**" để đoàn kết các dân tộc thuộc địa trong một mặt trận chung đấu tranh chống thực dân. Người được bầu làm ủy viên thường trực Ban Chấp hành Trung ương và đã khởi thảo bản Tuyên Ngôn của Hội. Cuối năm 1921, Người dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Pháp, họp tại Marseille từ 25 đến 30 tháng 12-1921, và đã đề nghị thành lập Ban Nghiên cứu Thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp. Ban này được lập vào năm 1922 và Người là Trưởng tiểu ban về Đông Dương. Trở lại Paris, Người

cùng một số hội viên Hội Liên hiệp Thuộc địa chuẩn bị xuất bản tờ báo **Người Cùng Khổ** (Le Paria) - Người vừa làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, vừa là quản lý, người phát hành, người bán báo. Số báo đầu tiên ra ngày 1 tháng 4 năm 1922. Báo Người Cùng Khổ đã vạch trần chính sách dân áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc và truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, thức tỉnh các dân tộc thuộc địa. Báo được bán ở Pháp, một phần quan trọng được gửi đến Đông Dương và các thuộc địa của Pháp ở châu Phi. Người đã viết, dịch ít nhất 38 bài, lại còn vẽ nhiều tranh cho báo trong suốt thời gian tồn tại của báo **Người Cùng Khổ**.

Cũng trong năm 1922, thực dân Pháp tổ chức Hội chợ Thuộc địa Marseille và đưa Khải Định sang dự. Người đã viết nhiều bài báo đả kích, lên án ông vua bù nhìn này, đặc biệt là vở kịch "**Con Rồng Tre**" vở kịch được Câu lạc bộ Ngoại ô trình diễn tại thị trấn Garches ngày 18 tháng 6-1922, trong ngày hội hằng năm của báo Nhân Đạo. Tháng 10 năm đó, Người tham dự Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Pháp lần thứ 2 họp ở Paris. Trên diễn đàn Đại hội, Người phát biểu ý kiến yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp quan tâm hơn nữa đến các thuộc địa!

Ngay từ khi Người trở lại Pháp năm 1917, cơ quan mật thám Pháp đã theo dõi và gây khó khăn cho những hoạt động của Người. Sau khi Người gửi bản Yêu sách tám điểm cho Hội nghị Versailles, chúng càng ráo riết theo dõi. Tuy nhiên vào tháng 6 năm 1923, Người đã thoát khỏi sự theo dõi của tất cả bọn

chúng. bí mật rời Pháp sang Đức, rồi từ đó sang Liên Xô....

Nói một mạch khá dài, anh Huỳnh chợt mỉm cười xin lỗi các bạn vì đã không ngừng nghỉ ít phút. Nhưng ý kiến chung lại muốn anh Huỳnh cứ nói.

Trước khi sang phần mới, anh Huỳnh tạm tóm tắt những gì vừa trình bày bằng một vài nét nổi bật cho dễ nhớ. Anh nói:

- Theo tài liệu anh đọc, thì suốt ba mươi năm đảng đảng ở nước ngoài, con đường muôn dặm của Bác Hồ có thể chia làm ba chặng lớn:

- Chặng 1: từ 1911 đến 1919

- Chặng 2: từ 1919 đến 1924

- Chặng 3: từ 1924 đến 1941

Chặng đường thứ nhất bắt đầu từ khi người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu Amiral Latouche Tréville ngày **5 tháng 6 năm 1911**. Suốt chặng đường này, cái tên từ quê hương: - **Nguyễn Tất Thành**, được dùng phổ biến trong các giấy tờ, thư tín, cho nên có thể gọi đây là "**chặng đường Nguyễn Tất Thành**".

Chặng đường thứ hai bắt đầu từ **tháng 6 năm 1919**, khi Bác Hồ của chúng ta nhận danh nhóm "Người Việt Nam yêu nước" ký tên **Nguyễn Ái Quốc** vào bản "Yêu sách của nhân dân Việt Nam" gửi các đoàn đại biểu dự Hội nghị Versailles, yêu cầu các nước Đồng minh vừa thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất, trong đó có nước Pháp, hãy tôn trọng quyền tự do bình đẳng của nhân dân Việt Nam. Cho nên có thể gọi chặng đường này là "**chặng đường Nguyễn Ái Quốc**".

Còn chặng đường thứ ba không thể mệnh danh bằng một cái tên về người. Theo nội dung hoạt động thì có lẽ đúng hơn hết gọi là **“chặng đường về nước”** mặc dù các nơi Người tới, Người đi từ 1924 đến 1941 không phải là ít. Nhưng **mục tiêu lớn nhất** luôn đặt ra trước mắt Người là **“Về nước”** để thực hiện thành công mục tiêu cao cả, **giành lại chủ quyền cho đất nước**.

Có thể nói mở đầu cho chặng đường thứ ba này là vào **ngày 25 tháng 9 năm 1924**, văn phòng Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản đã ra quyết định điều động **Nguyễn Ái Quốc** đi Quảng Châu đúng theo nguyện vọng của Người.

Con tàu viễn dương nhổ neo, rời bến cảng Vladivostock một buổi sáng mùa đông năm 1924, hướng về phía nam Trung Hoa.

Tính từ ngày 30 tháng 10 năm 1923, Người **đặt chân lên nước Nga tại Petrograd**. Cuối năm 1923, Người vào học tại trường **Đại học Phương Đông ở Moskva**, nơi bồi dưỡng chủ nghĩa Mác-Lênin cho các chiến sĩ cách mạng của các nước thuộc địa.

Ngày 21 tháng 1 năm 1924, Lenin từ trần. Người kể lại sự kiện đau buồn đó như sau: “Vào một ngày tháng giêng năm 1924, chúng tôi đang ăn buổi sáng tại quán cơm ở tầng dưới khách sạn thì được tin Lenin mất. Không ai muốn tin điều đó, nhưng khi ngoảnh lại, chúng tôi thấy lá cờ của Xô Viết Moskva đã bỏ rũ. Lenin đã mất. Thế là tôi chưa được gặp Lenin, và đó là một điều ân hận lớn trong đời tôi. Khi tôi đến nước

Nga, Người đã ốm nặng và đang chữa ở Gorki, cho nên không đến thăm được”.

Tháng 3-1924, khi trả lời phỏng vấn phóng viên báo “Đoàn Kết” (Unita) của Đảng Cộng sản Italia, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài đã học được”.

Ngày 1 tháng 5 năm 1924, Người tham dự và phát biểu tại cuộc mít tinh kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động ở Quảng trường Đỏ Moskva.

Từ ngày 17 tháng 6 đến ngày 8 tháng 7 năm 1924, với tư cách là đại biểu tư vấn, Người **dự Đại hội lần thứ 5 của Quốc tế Cộng sản** tổ chức tại điện Kremli ở Moskva. Tại Đại hội, Người đã phát biểu ý kiến ba lần vào các ngày 23 tháng 6, ngày 1 và ngày 3 tháng 7 năm 1924, nêu lên vị trí và tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa. Người cho rằng “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc phần lớn vào các thuộc địa”. Người thẳng thắn phê bình một số đảng Cộng sản còn coi nhẹ cách mạng thuộc địa. Người kêu gọi các đảng Cộng sản cần thực hiện di huấn của Lênin về vấn đề thuộc địa, không chỉ bằng lời nói mà bằng hành động thực tế.

Chỉ trong tháng 7 và tháng 8 năm 1924, Người dự tới 4 Đại hội quan trọng ở Liên Xô là các **Đại hội lần thứ 4 của Quốc tế Thanh niên**, Đại hội lần thứ 3 của Quốc tế Phụ nữ, Đại hội Quốc tế Công đoàn, Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế Cứu tế đỏ.

Người được cử làm ủy viên Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản.

Cuối năm 1924, lấy tên là **Lý Thụy**. Người từ Liên Xô đến **Quảng Châu** (Trung Quốc) công tác trong **phái đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô** bên cạnh Chính phủ Tôn Dật Tiên do Borodin làm Trưởng đoàn, kết thúc thời kỳ đầu tiên sống, hoạt động và học tập ở Liên Xô.

Sau một thời gian hoạt động ở Quảng Châu, cuối tháng 4 năm 1927, khi vụ phản biến của Tưởng Giới Thạch nổ ra ở đây, Người đến Hồng Kông rồi lên Thượng Hải tìm đường đi Liên Xô. Ngày 25 tháng 6 năm 1927, sau khi đến Moskva với tư cách là đại biểu Việt Nam trong Quốc tế Cộng sản, Người gửi thư cho chi bộ Đảng Cộng sản của Trường Đại học Phương Đông và Ban Bí thư La tinh của Quốc tế Cộng sản về việc thành lập một nhóm Cộng sản Việt Nam gồm 5 người do Lý Quý (tức Trần Phú) làm bí thư và yêu cầu chi bộ nhà trường cử cán bộ phụ trách giáo dục cộng sản cho nhóm.

Tháng 8 năm 1927, Người đến nghỉ tại nhà nghỉ mang tên Lenin ở Krúm (miền Nam Liên Xô). Cũng trong thời gian này một số bài viết của Người đăng trên tạp chí "**Thư tín Quốc tế**", như "Những tội ác ghê tởm của đế quốc Pháp ở Đông Dương" (ngày 28 tháng 9), "Sự thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương" (ngày 15 tháng 10).

Đầu năm 1928, Người được Quốc tế Cộng sản cử đến **Berlin** giúp vào việc thành lập Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc ở Đức. Ngày 25 tháng 2 năm 1930 trong thư gửi một số bạn Liên Xô, Người cho biết ý định viết một cuốn sách dưới dạng "Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi" để giới thiệu nước Nga cách mạng cho nhân dân Việt Nam. Ý định đó sau này có lẽ được Người viết thành cuốn "**Nhật ký chìm tàu**" (1930).

Sau khi bị đế quốc Anh bắt giam trái phép ở Hồng Kông và được trả tự do vào mùa xuân 1933, bắt được liên lạc với Quốc tế Cộng sản, mùa xuân 1934, Người đáp tàu thủy rời Thượng Hải đi Vladivostok rồi về Moskva, mở đầu thời kỳ mới trong cuộc đời hoạt động của Người trên đất nước Liên Xô: học tập với trau dồi lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngày 1 tháng 10 năm 1934 với tên mới là **Linốp**, Người được Quốc tế Cộng sản giới thiệu vào trường Đại học Lênin - Trường Đảng cao cấp đào tạo cán bộ lãnh đạo cho các Đảng Cộng sản và công nhân các nước trên thế giới - nhà số 25 đường Voropskovo ở Moskva. Cuối 1934 sau khi học hết chương trình trong trường Đại học Lênin, Người vào lớp nghiên cứu sinh Ban Sử của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Ngày 16 tháng 1 năm 1935, Người gửi thư cho Bộ Phương Đông, phản ánh tóm tắt trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên một số nước thuộc địa và đề nghị một số biện pháp nhằm bồi dưỡng lý luận Mác-Lênin cho họ.

Từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 20 tháng 8 năm

1935, với tư cách là đại biểu của Bộ Phương Đông. Người dự **Đại hội 7 của Quốc tế Cộng sản** tại Moskva. Người tham gia thảo luận các chuyên đề ở các tiểu ban, đồng thời giúp đoàn đại biểu Đoàn Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Đại hội. Ngày 25 tháng 9, Người dự **Đại hội 6 Quốc tế Thanh niên** tổ chức tại trụ sở Công đoàn Liên Xô ở Moskva. Năm 1936, Người công tác tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc thuộc địa. Người cũng theo dõi và giúp đỡ nhóm học sinh Việt Nam đang theo học ở đây. Năm 1937 Người là nghiên cứu sinh thuộc Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa cho đến đầu năm 1938.

Cuối tháng 10 năm 1938, Người rời Liên Xô để tìm đường về Việt Nam, trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng ở đây.

Dù xa Liên Xô nhưng Người vẫn không quên những ngày sống, làm việc và học tập ở đây và nhất là không quên được chính Cách mạng tháng Mười Nga và Lênin đã chỉ ra cho Người thấy con đường làm cách mạng để cứu nước cứu dân.

Và mùa thu năm 1938, người ta đã thấy Nguyễn Ái Quốc tại một biệt thự trong khu vườn táo (Diên Viên) phía Đông Bắc thành phố Diên An, tỉnh Thiểm Tây - Trung Quốc.

Diên An là trung tâm căn cứ địa của Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm ba tỉnh Thiểm Tây - Cam Túc - Ninh Hạ sau khi Đảng tiến hành cuộc vận lý trường

chinh cực kỳ gian khó từ miền Nam lên miền Bắc Trung Hoa năm 1935-1936. Đến năm 1938, căn cứ địa Thiểm - Cam - Ninh đã vững mạnh. Diên An trở thành “thủ đô cách mạng” của những người Cộng sản, là nơi phát ra mọi đường lối chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Từ Moskva, ông Nguyễn vượt một chặng đường dài vạn dặm, qua sa mạc Gobi, lối Tân Cương, qua Tây An rồi đến Diên An.

Ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc là khách của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, với tư cách là người của Bộ Phương Đông, được sự giới thiệu của Quốc tế Cộng sản để các đồng chí Trung Quốc giúp đỡ liên hệ với Đảng Cộng sản Đông Dương, tìm đường về Việt Nam.

14 năm về trước, khi ông Nguyễn từ Moskva tới Quảng Châu, nhờ sự giúp đỡ của chính phủ cách mạng Trung Hoa Dân quốc và sự giúp đỡ của phái bộ cố vấn Borodin cùng với các đồng chí Cộng sản Trung Quốc mà ông Nguyễn liên hệ rất thuận lợi với các nhà cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu, Hàng Châu, Thượng Hải, Hồng Kông... Người làm phiên dịch cho phái đoàn Borodin với bí danh là Lý Thụy. Borodin giúp đỡ Người trong việc lựa chọn gửi thanh niên Việt Nam sang học trường Đại học Phương Đông ở Moskva. Borodin giới thiệu nhiều giảng viên Liên Xô đang công tác tại viện Quân chính Hoàng Phố đến giảng cho các lớp huấn luyện chính trị do Lý Thụy tổ chức tại Quảng Châu... Đó là từ hồi 1924.

Bây giờ, mùa thu 1938, đã khác. Diên An và cả vùng căn cứ Thiểm-Cam-Ninh bao la không có cơ sở nào của cách mạng Việt Nam.

Từ năm 1936, đường lối đoàn kết kháng Nhật của Đảng Cộng sản Trung Quốc được nhân dân Trung Quốc hưởng ứng. Chính phủ Tưởng Giới Thạch tuy rất căm ghét Đảng Cộng sản, vẫn phải chấp nhận sự hợp tác với Đảng Cộng sản trong công cuộc chống xâm lược Nhật Bản. Các đạo quân Cộng sản Tân tứ quân và Bát lộ quân trước kia là đối tượng truy quét và tiêu diệt của Tưởng thì nay trở thành đội quân cứu nước hợp pháp mà chính phủ Tưởng Giới Thạch phải thừa nhận, công khai đặt "Biện Sự xứ" ở các tỉnh, các thành phố thuộc khu vực hoạt động của mình. Trong hoàn cảnh đó, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tạo điều kiện cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc gia nhập biên chế Bát lộ quân do tướng Diệp Kiếm Anh chỉ huy, chuyển dân xuống miền Nam Trung Hoa, để tìm cơ hội bắt mối liên lạc với cách mạng Việt Nam.

Với bí danh mới là **Hồ Quang**, cuối năm 1938, ông Nguyễn làm việc trong **Biện sự xứ Bát lộ quân** đóng ở ngoại thành Quế Lâm, một thành phố tương đối lớn thuộc tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc.

Biện sự xứ này có hàng ngàn người, đóng rải rác hai bên đường sắt dẫn vào thành phố. Hồ Quang được xếp đặt làm việc trong Phòng Cửu vong đóng tại thôn Lộ Mạc. Phòng này có chức năng giáo dục văn hóa, chính trị cho cán bộ, nhân viên trong Biện sự xứ và hoạt động như một câu lạc bộ. Công tác của phòng

được phân cho các ủy viên: văn hóa, thể thao, báo tường, vệ sinh và tài chính. Hồ Quang là ủy viên vệ sinh kiêm ủy viên báo tường. Không ai biết Hồ Quang là người từ đâu đến. Chỉ thấy ông già gần 50 tuổi này ở chung một buồng với Trưởng phòng Hà Khải Quân. Hàng ngày ông dậy sớm, quét dọn nhà cửa sạch sẽ, tập thể dục rất đều đặn, làm việc rất nghiêm túc, chi tiêu rất tiết kiệm. Đối với anh em chung quanh ông thương thân mật gợi ý viết bài lên bích báo. Ai vi phạm trật tự, vệ sinh đều được Hồ Quang nhắc nhở một cách nhẹ nhàng...

Chỉ có trưởng phòng Hà Khải Quân được đồng chí Giám đốc Biện sự xứ Lý Khắc Nông rỉ tai dặn dò phải đối xử khiêm tốn, lễ độ với đồng chí Hồ Quang. Công việc kiểm tra vệ sinh và làm báo tường chỉ chiếm một phần nhỏ thời gian. Hồ Quang dành hết phần còn lại để đọc sách báo, tìm hiểu đường lối kháng Nhật cứu nước, xây dựng quân đội, xây dựng kinh tế văn hóa trong chiến khu và những kinh nghiệm hoạt động của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời theo dõi thời sự Trung Quốc và thế giới, mong tìm thấy những tin tức về Việt Nam.

Ông đã nhờ Lý Khắc Nông - người duy nhất trong Biện sự xứ biết ông là ai - kiếm cho một cái máy chữ tiếng Pháp để làm việc. Lý Khắc Nông ủy thác việc này cho Lý Bội Quân, một cán bộ giao thông liên lạc của Bát lộ quân, thường đi lại trên đường Quế Lâm - Hải Phòng - Hồng Kông.

(Sau này, Lý Bội Quân đã viết hồi ký: "Đồng chí Hồ

Quang nhận được máy chữ do tôi mua từ Hải Phòng về thì hết sức mừng rỡ. Hồi ấy cuộc sống của mọi người hết sức khó khăn, thế mà ông Hồ đã thết tôi một bữa tại hiệu ăn Quế Lâm. Bữa “thết” chỉ có hai món xào nấu, một bát canh và hai chén rượu, nhưng linh cảm thì rất chân thành, phấn khởi...”)

Ông Hồ đã tìm lại địa chỉ của tờ Notre Voix (Tiếng nói chúng ta), tờ báo công khai của phong trào mặt trận Dân chủ Đông Dương xuất bản tại Sài Gòn. Và từ Phòng Cửu vong của Biện sự xứ Bát lộ quân, với chiếc máy chữ “Hermès Baby” xách tay, ông thường viết bài gửi về tòa báo **Notre Voix** với bút danh **P.C.Lin** để hướng dẫn anh em trong nước về phương thức hoạt động cũng như giới thiệu một cách khéo léo những kinh nghiệm cách mạng Trung Hoa. **Đầu năm 1939**, Hồ Quang rời Biện sự xứ Quế Lâm chuyển sang **trường huấn luyện cán bộ du kích ở Nam Nhac** thuộc thành phố **Hoành Dương, tỉnh Hồ Nam**, cách Quế Lâm mấy trăm cây số.

Trường huấn luyện này được tổ chức với sự hợp tác Quốc Cộng. Khi quân Nhật đã chiếm lĩnh nhiều vùng trên đất Trung Hoa, Tưởng Giới Thạch thấy cần truyền bá những kinh nghiệm đánh du kích của Bát lộ quân ở vùng sau lưng địch, nên ông ta yêu cầu Đảng Cộng sản cử cán bộ đến giảng dạy cho trường huấn luyện Nam Nhac.

Ở đây đồng chí Diệp Kiếm Anh giữ chức Phó giáo vụ trưởng và Hồ Quang là bí thư chi bộ của các giáo viên và cán bộ Cộng sản trong nhà trường, đồng thời kiêm

chức hiệu thỉnh viên giữ đài radio, bảo đảm thông tin liên lạc giữa nhà trường với Biện sự xứ Bát lộ quân ở Quế Lâm.

Khóa huấn luyện thứ nhất mở từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1939. Sau đó Diệp Kiếm Anh được điều động đi phụ trách công tác Cục Hoa Nam thì Hồ Quang vẫn còn ở lại tham gia khóa hai, từ tháng 6 đến tháng 9-1939.

Hồ sơ lý lịch của ông còn lưu lại phòng bảo tàng Bát lộ quân, ghi rõ:

Họ và tên: Hồ Quang

Chức vụ: Thiếu tá, đài viên đài tin tức

Tuổi: 38 tuổi (ghi sứt hấn 10 tuổi)

Đơn vị: Tập đoàn quân 18 (tức Bát lộ quân)

Tốt nghiệp trường: Đại học Linh Nam

Lý lịch công tác: Từng làm giáo viên trung học và hiệu trưởng trường ngoại ngữ.

Khóa thứ ba lớp huấn luyện du kích phải rời đi nơi khác, vì thành phố Hoành Dương bị phát xít Nhật oanh tạc nặng nề. Danh sách Hồ Quang vẫn còn trong trường huấn luyện, nhưng trên thực tế ông đã trở lại Quế Lâm...

... Từ những bài báo của P.C.Lin gửi đăng báo "Tiếng nói chúng ta", những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận được một thông tin quan trọng: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc hiện đang ở Trung Hoa.

Dùng đường dây bí mật, thông qua Đảng Cộng sản Pháp, các đồng chí Việt Nam nhấn tin nhờ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tìm kiếm Nguyễn Ái Quốc.

Hồ Quang đang làm việc trong phòng hiệu chỉnh viên trưởng huấn luyện du kích thì nhận được bức điện văn tắt từ Biên sự xứ Quế Lâm gửi tới:

“Về gấp nhận công tác mới”

Từ Hoành Dương trở lại Quế Lâm, vừa tới đầu thôn Lò Mạc, ông Hồ đã gặp chàng thanh niên Lý Bội Quân với nét mặt hân hoan, phấn khởi.

- Đồng chí Hồ, tôi lại sắp được giúp đỡ đồng chí một việc quan trọng nữa đây. Cái máy chữ ngày nọ tôi mua cho đồng chí vẫn dùng tốt đấy chứ?

- Máy chữ thì tốt đồng chí ạ. Mỗi lần đánh máy tôi lại nhớ đến sự giúp đỡ của đồng chí. Chẳng hay lần này sẽ có việc gì tốt đẹp cho chúng ta lại hợp tác với nhau?

- Thưa đồng chí, việc đó xin đồng chí gặp thủ trưởng Lý Khắc Nông. Ông Lý đang chờ đồng chí đây.

Lý Bội Quân từ trước chỉ biết Hồ Quang là một đồng chí lớn tuổi quê ở Quảng Đông, thạo nhiều ngoại ngữ, được cơ quan lãnh đạo Biên sự xứ rất coi trọng. Gần đây anh mới được Lý Khắc Nông cho biết Hồ Quang là một yếu nhân Quốc tế Cộng sản người Việt Nam, đang cần đi Long Châu, một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, giáp tỉnh Lạng Sơn - Việt Nam để gặp người của Đảng Cộng sản Đông Dương đang chờ ở đó.

(Hồi ký của Lý Bội Quân ghi tiếp: "Vào khoảng tháng 10, 11 năm 1939, tôi lại nhận nhiệm vụ từ Quế Lâm qua Việt Nam đến Hương Cảng. Trước khi lên đường, đồng chí Lý Khắc Nông tìm tôi nói chuyện, cho tôi biết lai lịch của đồng chí Hồ Quang; đồng thời giao cho tôi nhiệm vụ đưa đồng chí Hồ Quang đi Long Châu... Tôi hộ tống đồng chí Hồ Quang qua Liễu Châu, Nam Ninh rồi xuống Long Châu. Dọc đường tôi hết sức cẩn thận. Sau khi tới Long Châu chúng tôi ở lại quán trọ nhỏ cạnh bờ sông. Nhưng đợi luôn ba ngày vẫn không thấy bóng một đồng chí Việt Nam nào đến liên lạc với đồng chí Hồ Quang. Ông Hồ đành phải quay trở về Quế Lâm, còn tôi thì tiếp tục nhiệm vụ của mình từ Long Châu sang Việt Nam để đi Hương Cảng... Mãi về sau này, khi cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc đã thành công, tôi mới biết được sự trục trặc hồi ấy là do đồng chí liên lạc viên của Đảng Cộng sản Đông Dương bị người ta lừa gạt mất hết tiền phải trở về nước ba ngày trước khi tôi đưa ông Hồ tới Long Châu).

Trở về Quế Lâm, đồng chí Hồ Quang không hề thất vọng. Đường dây liên lạc tuy còn trục trặc, nhưng không chông thì chảy sẽ phải chấp nối được...

... Ngày ấy, những người Cộng sản Việt Nam đi tìm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đã trải qua nhiều chặng đường ngoắt ngoéo.

Cụ Đặng Văn Cáp (lừng là cán bộ đưa đường, bảo vệ và thầy thuốc bên cạnh Hồ Chủ tịch thời kỳ 1940-1945), kể lại trong hồi ký của mình:

“Tôi và anh Phùng Chi Kiên mua vé lên đường vào một ngày cuối tháng 9. Qua Hương Ninh đến Thiệu Quang, chúng tôi vào Biện sự xứ của Bát lộ quân gặp đồng chí chủ nhiệm Cổ Đại Tôn. Đồng chí nói: “Ba lần ông cụ tìm người đón để về nước mà không gặp. Ông cụ trước ở biên khu phía Nam Hoành Dương thuộc lĩnh Hồ Nam, có lẽ bây giờ đã đi Trùng Khánh rồi”.

Chúng tôi tức tốc đi Hoành Dương hỏi thăm. Người ta cho biết ông cụ đã đi Quế Lâm. Chúng tôi lại đi Quế Lâm, tìm đến Biện sự xứ, ông cụ đã đi Quý Dương. Bây giờ đang cuối tháng mười. Ngày Quốc khánh Liên Xô mừng 7 tháng 11, chắc đến kịp sẽ gặp ông cụ ở đó. Chúng tôi bảo nhau tức tốc đi ngay. Rủi thay khi đi đường anh lái xe ô tô khách xếp hành lý thế nào để thất lạc chiếc va li của một tên quan Quốc dân đảng. Hấn tuyên bố nếu không tìm ra va li cho hấn thì sẽ nhốt tuốt cả lũ vào doanh trại. Thế là xe bị giữ lại ở huyện Độc Sơn một tuần lễ. Mãi tới mừng 10 tháng 11 chúng tôi mới tới Quý Dương, tìm vào Biện sự xứ Bát lộ quân, gặp đồng chí Viên Siêu Tuấn. Anh ta cho biết: “Đồng chí Hồ Quang đã rời đây đi ba ngày rồi. Có thể đồng chí ấy đi thẳng Côn Minh, mà cũng có thể sẽ quay lại Quý Dương. Mấy ngày nay bọn Tưởng đang chuẩn bị họp tại thị trấn này, chúng rất để ý đến chúng ta, các đồng chí ở lại đây không tiện, nên đi thẳng Côn Minh. Nếu đồng chí Hồ Quang trở lại đây tôi sẽ báo cho đồng chí ấy biết để đi ngay gặp các đồng chí. Chúng tôi liền mua hai vé xe đi Côn Minh. Nhưng vì xe đến 5 giờ sáng mai mới khởi hành, chúng

tôi đi dạo chơi các phố. Phong cảnh ở đây rất đẹp, rất hấp dẫn. Chúng tôi đang đi thơ thẩn thì bỗng có một người đang đứng xem báo, chợt nhận ra chúng tôi, chạy lại chào hỏi. Đó là ông Hồ Học Lãm, một nhân vật kỳ cựu trong lớp Đông du, đã từng giúp đỡ anh em cách mạng ở Nam Kinh, trong đó có chúng tôi. Tay bắt mặt mừng sau bốn năm xa cách, ông Lãm nói:

“Chúng ta gặp nhau như trong giấc mộng vậy”.

Nói xong, ông kéo chúng tôi về nhà chơi cách đó không xa, ông nói: “Có cơ hội tôi cũng muốn về nước đóng góp một việc gì, dù lớn hay nhỏ. Con rể tôi là Lê Thiết Hùng hiện đang phụ trách giao thông của binh đoàn ở Quán thảo điểm, tỉnh Hồ Nam, cũng sẽ về đây, gặp nhau rồi các ông đi cùng chưa muộn. Hoặc là một người đi trước, một người ở lại chờ xem sao”. Chúng tôi suy tính: Nếu bán được một vé xe sẽ có thêm một trăm bạc, người đi Côn Minh thì còn ít tiền để tiêu pha, mà người ở lại Quý Dương may ra gặp được đồng chí Hồ Quang cũng rất hay. Đúng như chúng tôi bàn tính, sau khi anh Phùng Chí Kiên đi Côn Minh được 7 ngày, đồng chí Hồ Quang có trở lại Quý Dương. Có điều không may cho tôi là ngày hôm đó lại chính là ngày “hội sư” của Tưởng Giới Thạch với các tướng tá đủ loại binh chủng, nên chúng giới nghiêm tất cả các ngã đường, nhất là đường từ bến ô tô vào Biện sự xứ Bát lộ quân. Đồng chí Hồ Quang đến bến xe Quý Dương mà không biết tôi đang đón ở thị trấn này, nên cứ đi thẳng xuống Côn Minh”.

... Tới Côn Minh, đồng chí Hồ Quang được các đồng

chí Trung Quốc xếp đặt ở một căn gác nhỏ số 67 đường Hoa Nam Sơn. Đây là Nhà xuất bản "Độc thư sinh hoạt", tầng dưới có hiệu bán sách Tân Hoa.

Hồi ký của cụ Vũ Anh kể rõ giờ phút gặp gỡ hồi hộp này: "Tôi đang ngồi ở hành lang của hiệu đầu cù là Vinh An Đường xem sách, bỗng nghe một người Trung Quốc hỏi bác công nhân ngoài cổng:

- Anh cho tôi hỏi, ở đây có ai là Trịnh Đông Hải không?

Tôi vội vàng gấp sách lại, chạy ra. Trước mặt tôi là một người đàn ông ăn mặc sang trọng áo vét, cổ cồn, cà vạt, giày da. mũ phớt... Lại một khách hàng muốn nhờ vả xe cộ gì đây... Tôi đến bên ông trả lời cũng bằng tiếng Trung Quốc.

- Tôi là Trịnh Đông Hải đây. Ông hỏi tôi có việc gì?

Người khách đưa mắt thoáng qua phía người công nhân, rồi sát lại gần tôi, nói nhỏ bằng tiếng Việt Nam:

- Tôi là Trần. Tôi có nhận được thư của các anh.

Nói lời đây ông im lặng nhìn thẳng vào tôi, chờ đợi. Còn tôi thì hồi hộp, chưa sao nói được.

Thấy tôi có vẻ hồi hộp, ông Trần nói ngay:

- Bây giờ nếu rồi việc, anh em ta ra ngoài công viên nói chuyện.

Tôi đưa ông Trần ra công viên ở phía tây thành phố Côn Minh. Ông đi rất nhanh, bước dài và khỏe. Đến một ghê đá, ông bảo tôi ngồi xuống và nhìn ra phía con đường phố chính, hỏi:

- Hiện nay tình hình Văn Nam như thế nào, anh có nắm được không?

- Ở Văn Nam hiện nay có anh Mạnh Văn Liễu, tức là Phùng Chí Kiên đã thành lập Ban Hải ngoại của Đảng. Anh Kiên là người chỉ đạo, phụ trách tờ báo Đồng Thanh ở cơ quan bí mật, cách Vinh An Đường khoảng ba cây số. Tôi lái xe cho hiệu Vinh An Đường, lấy tiền chi phí công tác cho Đảng, vừa làm đầu mối giao thông đi các nơi. Thỉnh thoảng rồi việc tôi giúp anh Kiên in báo. Bên cạnh Ban Hải ngoại còn có chi bộ Văn Quý, bao quát hai tỉnh Văn Nam và Quý Châu, do tôi làm bí thư.

Hôm nay họp mặt với toàn Ban Hải ngoại của Đảng, đồng chí Hồ Quang rất vui. Bao nhiêu thời gian đã trôi qua, kể từ năm 1931 bị bắt ở Hồng Kông đến nay, thấm thoát đã 8 năm, ông mới gặp lại một tổ chức của Đảng đang trực tiếp công việc của cách mạng Việt Nam.

Phùng Chí Kiên báo cáo với Hồ Quang tình hình anh em cán bộ cách mạng ở vùng Hoa Nam từ ngày Tưởng Giới Thạch làm đảo chính tháng 4 năm 1927. Hồ Quang không giấu nét thương cảm khi biết trong số những người học trò cách mạng của ông ở Quảng Châu đã có mấy đồng chí hy sinh nơi tù ngục của thực dân Pháp như Trần Phú, Lê Hồng Sơn, Nguyễn Sĩ Sách, Đặng Thái Huyền, Lý Tự Trọng v.v... Có người đã ngã xuống khi sát cánh với các ban Trung Quốc chiến đấu chống bọn phản động Trung Quốc như Liêu Quốc Long, có người đang bị giam cầm tra tấn nơi ngục

từ ở Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Võ Tùng, Trương Văn Linh, v.v...

Việc liên lạc với Trung ương ở trong nước, Phùng Chí Kiên trình bày:

- Hai tháng sau khi nổ ra chiến tranh thế giới, Trung ương ở trong nước đã họp hội nghị lần thứ sáu. Chúng tôi cũng được thông báo về chủ trương thành lập "Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương" thay cho "mặt trận dân chủ Đông Dương" trước đây. Điều kiện liên lạc khó khăn, việc truyền đạt của Trung ương không được thường xuyên, chúng tôi hoạt động ở đây chỉ dựa trên tinh thần chung của Đảng rồi xuất phát từ tình hình địa phương mà độc lập đề ra chủ trương cụ thể. Gần đây anh Hoàng Văn Thụ viết thư ra giới thiệu hai anh Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp là hai cán bộ trí thức của Đảng hoạt động thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương đã bị lộ...

- Họ đã sang đây rồi chứ?

- Vâng. Chúng tôi đã bố trí hai anh ở một nơi an toàn.

- Các đồng chí bố trí để chúng ta cùng gặp hai anh ấy...

(... Về sau Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại trong hồi ký của mình: "Một tuần sau khi đến Côn Minh, chúng tôi chuyển sang nhà một đồng chí Trung Quốc cho ở nhờ... Nhớ đến lời anh Hoàng Văn Thụ nhắn trước khi ra đi là sang đây sẽ gặp đồng chí Vương, tôi tin rằng đồng chí Vương là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Một hôm anh Phùng Chí Kiên rủ chúng tôi đi Thủy Hồ. Đến đây, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi gầy gò, có đôi mắt rất sáng, mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt. Tôi nhận ra ngay đúng là đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà tôi đã thấy trong ảnh ngày trước. Nếu so với ảnh thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều...

Một lần Bác bảo anh Đồng và tôi:

- Các đồng chí sẽ đi Diên An, lên trên ấy vào trường Đảng học tập chính trị, cố gắng học thêm quân sự...)

Sau khi hai anh Đồng và Giáp lên đường đi Quý Dương được khoảng ba tuần lễ thì báo chí đăng tin Pháp thất thủ Paris ngày 20 tháng 6 năm 1940.

Các anh trong Ban Hải ngoại từ Côn Minh lên tới Quý Dương thì vừa gặp các anh Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Cao Hồng Lĩnh. Anh Đồng lấy tên mới là Lâm Bá Kiệt và anh Giáp là Dương Hoài Nam.

- May quá - Dương Hoài Nam nói - bọn chúng tôi đang chuẩn bị sắm đồ rét để lên Diên An thì các đồng chí ở Biện sự xử thông báo cho biết Bác đánh điện lên báo chúng tôi hãy ở lại chờ.

- Thật là ăn khớp - Phùng Chí Kiên nói - Pháp đầu hàng Đức. Bác chủ trương chúng ta phải gấp rút về nước để nắm thời cơ phát động phong trào giành lại độc lập... chúng tôi đến đây để đưa các anh sang Quảng Tây. Chúng ta sẽ chờ Bác ở Liễu Châu để bàn định công việc.

... Trong cuộc họp, đồng chí Hồ Quang nói:

- Phải giữ vững danh nghĩa của mình là những người yêu nước Việt Nam, hợp tác với Đồng Minh, cùng nhân dân Trung Quốc đánh Nhật cứu nước.

Có người nêu ý kiến:

- Hồi 1935-1936, ở Nam Kinh, chúng tôi dựa vào ông Hồ Học Lãm và đã tán thành một sáng kiến của ông, lập ra một tổ chức là "Việt Nam độc lập đồng minh hội", gọi tắt là "Việt Minh" để có danh nghĩa hợp pháp mà hoạt động. Ông Lãm là cán bộ cao cấp trong bộ tham mưu của Tưởng nên đã xin đăng ký tổ chức Việt Minh một cách thuận lợi và nhanh chóng...

Sau khi kể thêm một số tình tiết có liên quan đến tổ chức "Việt Minh" anh Huỳnh nói đến **cuộc gặp mặt của đồng chí Hồ Quang với hai người khách lạ**. Hai người khách đó là đồng chí Hoàng Văn Thụ, ủy viên thường vụ Trung ương, Bí thư Xứ ủy Bắc kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương, và đồng chí Bùi Minh Đức, người giao thông liên lạc mấy năm nay từng qua lại Vân Nam, Quảng Tây nhiều lần để tìm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Lần đầu tiên sau nhiều năm, đồng chí Hồ Quang mới được trực tiếp nghe một người lãnh đạo Đảng từ trong nước ra báo cáo tình hình. Ông lắng nghe chăm chú và đặt ra nhiều câu hỏi để được hiểu sâu về tình hình địch, ta, về cuộc sống của nhân dân, về hoạt động của Đảng ở trong nước. Ông đặc biệt chú ý đến hai cuộc khởi nghĩa trong năm 1940 ở Bắc Sơn và ở Nam kỳ do Đảng bộ địa phương lãnh đạo, và gần nhất

là cuộc khởi nghĩa Đô Lương ở Nghệ An do Đội Cung tổ chức ngày 13 tháng 1 năm 1941....

Đồng chí Hoàng Văn Thụ nói:

- Thưa đồng chí, mấy năm nay Trung ương mong mỗi được gặp đồng chí để xin ý kiến. Các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong đều đã hy sinh. Đồng chí Hà Huy Tập, Bí thư Trung ương từ Đại hội Ma Cao đang bị giam ở Sài Gòn; còn đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư kế tiếp cũng đã bị bắt ở Sài Gòn hồi tháng 6 năm ngoái. Tình hình trong Nam kỳ và Trung kỳ chúng tôi chưa được biết. Ngoài Bắc kỳ chỉ còn tôi, anh Trường Chinh và các anh Hạ Bá Cang, Trần Đăng Ninh v.v... Cuộc hội nghị Trung ương lần thứ 8 nhất định phải họp trong năm 1941 này, rất cần có sự hướng dẫn của đồng chí với tư cách đại diện của Quốc tế Cộng sản. Chúng tôi đang chấp đường dây liên lạc để triệu tập các đồng chí trong Nam kỳ và Trung kỳ...

Đồng chí Hồ Quang lắng nghe rồi nói với Hoàng Văn Thụ:

- Đồng chí Thụ, công cuộc giải phóng dân tộc trong giai đoạn này phải đoàn kết toàn dân thật rộng. Bất cứ ai, miễn là có lòng muốn đánh Pháp, đuổi Nhật chúng ta đều phải đoàn kết. Ai chưa hiểu thì hết sức tuyên truyền giải thích cho họ hiểu để lôi kéo vào công cuộc đấu tranh...

Kết thúc hai ngày làm việc, Hồ Quang đề nghị Hoàng Văn Thụ:

- Bây giờ đồng chí về nước, bàn với anh em chuẩn

bị nội dung hội nghị Trung ương sắp tới, và chỉ thị cho Đảng bộ Cao Bằng chuẩn bị cơ sở để chúng tôi về nước càng sớm càng hay, góp sức với anh em phát động phong trào, gây dựng căn cứ địa.



BÁC HỒ VỀ NƯỚC BÁC LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN

*Tập tư liệu của Huỳnh đã tới những trang cuối cùng. Giọng Huỳnh vui vẻ hẳn lên. Huỳnh nói: “**Chặng đường về nước**” của người thanh niên Nguyễn Tất Thành - lúc đó đã là đồng chí Nguyễn Ái Quốc - mà các đồng chí cộng sản đã quen gọi vừa kính yêu, vừa gần gũi bằng một từ “Bác”; chặng đường đã tới cột mốc biên giới có số 108.*

Những ngày về nước đầu tiên ấy, ghi từ những trang hồi ký của đồng chí Lê Quảng Ba, tóm tắt như sau:

Có năm đồng chí là: Phùng Chí Kiên, Thế An, Cáp, Lộc và Lê Quảng Ba từ Nam Quang theo **Bác Hồ về nước, ngày 8 tháng 2 năm 1941.**

Trước đó, ngày 27 tháng 1 năm 1941, một lớp huấn luyện cho 43 anh em từ Tỉnh Tây về làng Nam Quang vừa làm lễ mãn khóa trong khu rừng vắng vẻ. Dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, mọi người ngồi quanh một ông già mặc bộ áo chàm dân tộc Nùng, có chòm râu đen điểm vài sợi bạc. Ông già đó chính là đồng chí Hồ Quang. Cạnh đó còn có các anh Phùng Chí Kiên, Lâm Bá Kiệt và Dương Hoài Nam, là các giảng viên của lớp.

Các học viên được phân công trở về các làng bản có cơ sở của mình để gây dựng phong trào. Anh Lê Quảng Ba ở lại để chuẩn bị đưa lãnh tụ về nước.

Ngày 7 tháng 2 năm 1941, đồng chí Thế An, liên lạc viên từ Cao Bằng sang gặp Lê Quảng Ba báo tin cơ sở đã chuẩn bị xong. Đồng chí Hồ Quang quyết định sáng mai lên đường về nước.

Tất cả mọi người ăn cơm sớm, đi chào từ biệt bà con.

Mặc bộ áo quần chàm Nùng, Bác như gầy hơn. Gương mặt sạm sừng gió, trông Người vẫn đáng vẻ ung dung điềm tĩnh. Người cầm một cây gậy nhỏ, chỉ khi xuống dốc mới chống, còn trên suốt những con đường mòn lượn giữa các nếp núi tiếp nối nhau ở vùng biên giới hướng về Cao Bằng, Người bước mau lẹ, dẻo như thanh niên.

Qua chín giờ, mặt trời đã ló hần giữa nền trời xanh. Đi một chặng nữa thì gặp một làng nhỏ khoảng năm sáu mái nhà sàn. Đó là làng Pò Ván, một làng có cơ sở cách mạng của ta và Trung Quốc.

Vượt lên một đoạn dốc ngắn rồi xuống một sườn núi dài lởm chởm đá, mọi người nhìn ra cây si mọc không xa cột mốc 108, trông giống một tấm bia.

Đồng chí Hồ Quang đứng lại. Người cúi đọc những chữ Pháp và chữ Hán khắc sâu ở cả hai mặt đá. Người hướng tầm mắt nhìn vọng hồi lâu về giải đất Tổ quốc trùng điệp. Thấp thoáng dưới xa một cụm nhà nhỏ trong lũng ngô, và hoa đào, hoa mai, hoa biếc cả

trắng thơm mùi huệ... và cây si, cây bàng, cây bưởi, cây ổi, chuối rừng.

Rồi một dãy ghế đá thiên nhiên đủ hình dáng. Người đứng đó, nhìn thật lâu khoảng trời đất của Tổ quốc biết bao đẹp đẽ, nhưng cũng đầy đau thương. Người đang nghĩ những gì trong giây phút lịch sử đó. Ai nấy lặng yên chờ đợi...

Tối trưa thì đồng chí Lê Quảng Ba dẫn mọi người tới nhà ông Máy Li, người dân tộc Nùng, một cơ sở cách mạng của ta...

Như một người nhà vừa đi xa về, Bác ngồi uống nước, trò chuyện thân mật với ông Máy Li. Chợt Bác quay sang đồng chí Lê Quảng Ba nói nhỏ:

- Ta nhiều người, nên ở trong núi thôi.

Máy Li nghe rõ, năn nỉ:

- Cụ và các bác ở nhà đây tiện hơn, không sao đâu mà.

Bác cảm ơn chủ nhà, nhưng nói dứt khoát:

- Thôi, sáu sán (ở rừng)

Ông Máy Li đành phải chỉ tới một cái hang kín đáo, thường chỉ tới đó nếu có thổ phỉ tới đây. Ông Máy Li đi trước dẫn lối.

Leo lên một đoạn đá lởm chởm, chẳng xa lắm, là tới cửa hang. Nắng rọi qua kẽ lá, lấp loáng trong hang. Dù nhỏ, hang đủ chỗ cho mấy người. Phía trong, kế vách hang là một tháp đá thiên nhiên cao hơn đầu người. (Chỉ mấy ngày sau, mới ở đó, Bác đã tạc như đá này thành tượng Các Mác).

Gió khô lạnh lạnh vi vút cửa hang. Hang thông ra một con đường kin đáo, dẫn sang bên kia biên giới. Người địa phương gọi tên hang là Cốc Bó, có nghĩa là "đầu nguồn".

Hi hục tiếp đó ông Máy Li mang tới bốn tấm ván dài khắp khểnh và một tấm cột rách. Ván kê lên chỗ lồi phía trong để Bác nằm. Còn mọi người lót cột, cắt lá mây tếp làm đệm nằm cho đỡ lạnh và đỡ đau lưng, ở phía ngoài nền hang bằng phẳng.

Xong rồi Bác gọi các đồng chí Phùng Chí Kiên và Lê Quảng Ba cùng đi xem địa thế quanh hang. Bác nhanh nhẹn, tươi tỉnh, tưởng như từ sáng tới lúc đó chưa trải qua một cuộc hành trình vất vả. Mọi người rửa mặt bên một ngọn suối. Bỗng nhiên Bác nói:

- Minh vừa nảy ra cái ý hay: dòng suối này của ta đẹp quá, trong xanh như ngọc, lại bắt nguồn từ đây, nên đặt tên là **Suối Lenin**. Còn ngọn núi hùng vĩ phía sau, bên phải kia, chúng ta gọi là **núi Các Mác**, các đồng chí thấy có được không?

Ai nấy cùng cười tán đồng ý kiến của bác. Rồi Bác vượt sang bên kia suối. Nơi cửa khe cạn có một phiến đá chông chênh. Bác ngồi ướm vào một hòn đá thấp, hai khuỷu tay đặt lên đá. Bác nói:

- Phiến đá chông chênh mà vững như bàn thạch, dùng làm bàn viết được đây.

Sau đó ông Máy Li cho mượn chiếc nồi gang cùng mấy cái bát sành. Anh Lộc nấu bữa cơm đầu tiên ở bờ suối, cách hang không xa.



Tượng Cây Mắc, do Nguyễn Ái Quốc tác ở hang Cốc Bò, Cao Bằng



Sư tử Lăn, do Nguyễn Ái Quốc đặt tên ở Pác Bò, Cao Bằng

Đêm ấy nhiều sương. Ngoài trời giá lạnh.

Đêm đầu tiên trở về Tổ quốc sau ba mươi ba năm bôn ba, trong hang Cốc Bó này, Bác Hồ đang nghĩ đến bao điều, đang suy tính một chương trình hành động cho nước nhà sớm giành lại Độc lập, Tự do...

Có lẽ Hòa và Huỳnh đã phân công từ trước nên Huỳnh trình bày đến đây, Hòa tiếp luôn phần những ngày đầu tiên trở về nước và ở Pác Bó của Bác Hồ. Tuy nhiên Hòa trần giọng xin lỗi các bạn rằng thời gian sắp xếp các tư liệu quá gấp rút nên có thể chỉ nêu được một số nét tiêu biểu và không khỏi không thiếu sót. Các bạn nói ngay là những buổi sinh hoạt bổ ích như thế này sẽ còn tổ chức nhiều lần tiếp theo, có thiếu gì sẽ bổ sung sau. Hòa trình bày luôn:

Ngày 8 tháng 2 năm 1941, sau hơn ba mươi năm hoạt động ở các nước ngoài, Bác Hồ đã qua cột mốc 108 biên giới Việt-Trung trở về Tổ quốc, đến ở tại Pác Bó, Trường Hà huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Người trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng đoàn thể cứu quốc ở Cao Bằng, mở các lớp đào tạo cán bộ. Từ 10 đến 19 tháng 5 năm 1941, Người thay mặt Quốc tế Cộng sản, triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương nở ra bước ngoặt lớn cho cách mạng Đông Dương và cách mạng Việt Nam. Tại Hội nghị, Người xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương lúc đó.

Nơi họp Hội nghị là Khuổi Nặm, khu rừng ngay Pác Bó. Cũng tại Cao Bằng, theo sáng kiến của Người, đã

thành lập Mặt trận Việt Minh và ra đời tờ báo Việt Nam Độc Lập.

Tháng 4 năm 1942, Người xuống khu căn cứ Lam Sơn thuộc địa phận hai huyện Hòa An và Nguyên Bình. Đến tháng 7 năm 1942, Người chỉ thị mở căn cứ cách mạng Cao Bằng, nối liền các khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và chỉ thị cho các lực lượng cách mạng Việt Nam thực hiện việc phát triển lực lượng về phía Nam.

Pác Bó là một làng nhỏ nằm sát biên giới Việt Trung. Khi mới về, Người ở tại hang Cốc Bó, sau đó chuyển sang **lán Khuổi Nặm**, một chiếc lán đơn sơ, sàn nửa, vách quây lá đao rừng. Gần lán là hang Sĩ Liếng, nơi cất giấu truyền đơn và tài liệu bí mật. Bên trái hang là bãi đất Còi Rạo, địa điểm mở lớp quân chính khóa I. Trong những ngày ở Pác Bó, bữa ăn của Người rất đạm bạc, chỉ có rau măng, cháo bẹ, cá suối hoặc ít thịt rang mặn với ớt nhưng Người vẫn say sưa làm việc suốt ngày.

Với bí danh **"Già Thu"**, Người trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng các đoàn thể cứu quốc ở Cao Bằng, ở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, lược dịch quyển "Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô".

Để liên lạc với các lực lượng cách mạng ở Trung Quốc, ngày 13 tháng 8 năm 1942, Người từ Cao Bằng sang Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Nam Độc lập Đồng minh và Phân bộ Quốc tế chống xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế. Khi đến Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, tỉnh

Quảng Tây) Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam ngày 29 tháng 8 năm 1942. Trong hơn một năm, Người lần lượt bị giải qua khoảng 30 nhà tù của 13 huyện ở tỉnh Quảng Tây.

Trong thời gian này, Người đã viết tập thơ “**Ngục trung Nhật ký**” (Nhật ký trong tù) bằng chữ Hán. Tập thơ gồm hơn 100 bài, được ghi vào một cuốn sổ tay, bìa màu xanh, trang đầu có vẽ hình hai cánh tay bị xích kèm theo 4 câu thơ:

*Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại,
Dục thành đại sự nghiệp
Tinh thần cánh yếu đại*

(dịch là:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao,
Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao).*

“Ngục trung Nhật ký” là một tác phẩm văn học lớn, lên án chế độ nhà tù hà khắc của Tưởng Giới Thạch và thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tinh thần lạc quan cách mạng và tình cảm nhân đạo của tác giả.

Mãi đến ngày 13 tháng 9 năm 1943, chính quyền Tưởng Giới Thạch mới trả tự do lại cho Người.

Tháng 7 năm 1944, sau một thời gian được tự do và

hoạt động ở Trung Quốc, Người về lại Cao Bằng, ở tại Pác Bó. Trong thời gian này Người chỉ thị hoãn cuộc khởi nghĩa do liên tỉnh Cao-Bắc-Lạng dự định tổ chức và chỉ thị lập đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng Sam Cao thuộc tổng Hoàng Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, Cao Bằng.

Sau đó Người đi Côn Minh, Trung Quốc và về lại Pác Bó vào đầu năm 1945. Từ tháng 5 năm 1945, Người rời Cao Bằng về **Tân Trào, Tuyên Quang** chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

Tân Trào ở Hà Tuyên là một thung lũng nhỏ, xung quanh có núi cao và rừng cây. Tại đây diễn ra Hội nghị toàn quốc lần thứ hai của Đảng (ngày 13 tháng 8 năm 1945) để quyết định Tổng khởi nghĩa và Đại hội Quốc dân (ngày 16 tháng 8 năm 1945) bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng... Trong thời gian này, Người ở tại nhà của Chủ tịch Việt Minh xã, sau đó chuyển đến Nà Lửa, khu rừng cách làng 1km. Người ở trong một lán nhỏ bên sườn núi dài 4m, lợp lá cọ, bên trong đặt chiếc chõng tre. Người thường mặc quần áo màu chàm, chống gậy đi thăm đồng bào và được mọi người gọi là “đồng chí già”.

(Hiện nay, khu di tích cách mạng Tân Trào, đình Hồng Thái địa điểm làm việc của Trung ương Đảng và Chính phủ trong kháng chiến chống Pháp, còn cây si và cây đa lịch sử cùng những di tích về hoạt động của Người).

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Tổng khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội. Cách mạng tháng Tám nổ ra, mặc dù lúc đó đang ốm, Người quyết tâm trở về thủ đô để kịp cùng Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam quyết định những vấn đề lớn về nội trị và ngoại giao của đất nước sau khi Tổng khởi nghĩa thắng lợi. Trên đường về Hà Nội, Người còn rất yếu, có lúc phải dùng拐杖. Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Người về đến làng Gạ, Phú Gia, huyện Từ Liêm, nghỉ tạm trong gia đình một nông dân. Đây là lần đầu tiên Người đến Hà Nội. Ngày 26 tháng 8, Người vào nội thành.

Ngày mừng **2 tháng 9 năm 1945**, Người thay mặt Chính phủ Lâm thời và nhân dân cả nước đọc bản **Tuyên Ngôn Độc Lập** lịch sử tại cuộc mít tinh của hơn 50 vạn nhân dân tổ chức tại Quảng Trường Ba Đình Hà Nội.

Với lời tuyên bố đồng đạo trước thế giới của Người:

"...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập"..., ngày 2 tháng 9 đã trở thành ngày **Quốc Khánh** của nước **Việt Nam**, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc **Việt Nam**, kỷ nguyên của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đó là thành quả vĩ đại của nhân dân **Việt Nam** trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, mà **Người - Chủ tịch Hồ Chí Minh** - với tư cách một lãnh tụ, một công dân - đã vạch ra con đường vinh quang ấy.

Người dân Hà Nội dự ngày Quốc Khánh mừng 2

tháng 9 năm 1945, thường nhắc lại từng chi tiết quang cảnh chung và nhất là hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và tiếng nói của Người trong ngày thiêng liêng đó của Tổ quốc.

Một phụ nữ Thủ đô kể lại như sau:

"....Đồng bào ngoại thành từ năm cửa ô kéo về lấp nập. Các cô dân quân khăn vuông mỏ quạ, áo nâu, quần đen, nai nịt gọn gàng, đi trong tiếng hô. Đoàn phụ nữ nội thành, áo dài đủ màu, quần trắng tha thướt. Đội nữ du kích ở chiến khu về, khăn áo màu chàm, vai đeo súng, nom rất hùng dũng. Các em thiếu nhi, quần xanh, áo trắng, tiến theo tiếng trống ếch nhịp nhàng. Các đội tự vệ, thanh niên đầu đội mũ calô, vai vác gươm, vai vác gậy, bước đi hiên ngang. Rồi đến đoàn các vị sư sãi mũ ni, áo cà sa màu vàng, màu nâu; đoàn các vị cha cố, bà xơ, toàn một màu đen hoặc trắng. Gần năm mươi vạn người vui mừng kéo tới quảng trường Ba Đình dự ngày lễ lịch sử trọng đại.

Quảng trường chật ních người, cờ, khẩu hiệu, tưng bừng náo nhiệt. Lễ đài đặt trên bục gỗ cao, bên dưới là đội danh dự bông súng hướng vào quảng trường.

Giờ khai mạc đã đến. Đoàn đại biểu của Chính phủ Cách mạng Lâm thời bước lên lễ đài. Nhạc Tiến quân ca nổi lên hùng tráng. Lá cờ đỏ sao vàng từ từ lên cao rồi tung bay cuộn cuộn trước gió thu lồng lộng, trong ánh nắng vàng rực rỡ.

Bác Hồ bước ra giữa tiếng hoan hô vang lừng cả

quảng trường. Bác giơ tay vẫy chào đồng bào và ra hiệu cho mọi người giữ trật tự rồi bắt đầu đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập:

... “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do...”

... mọi người ngẩng nhìn Bác, vừa ngạc nhiên, vừa xúc động. Bác gầy quá. Người mặc bộ quần áo kaki giản dị.

Quen sống ở Hà Nội ai nấy cứ tưởng vị Chủ tịch nước sẽ phải trịnh trọng trong bộ âu phục sang trọng, thắt ca-vát, đi giày véc-ni bóng nhoáng.

Giọng Bác rất ấm, tiếng Bác khi thì danh thép tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp trong 80 năm cai trị nước ta; lúc lại xót xa với những khổ cực mà nhân dân ta phải chịu đựng.

Bất ngờ, Bác hỏi:

“Tôi nói đồng bào có nghe rõ không?”

Cả biển người ở quảng trường đồng thanh: “Có!”. Nghe Bác hỏi, mọi người rưng rưng một niềm xúc động.

Bác kết thúc bản Tuyên ngôn bằng một lời tuyên bố:

...“Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập.

Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Cả quảng trường vang lên tiếng hô: “Việt Nam độc lập muôn năm!” “Ủng hộ mặt trận Việt Minh!” “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!”

*
* *
*

Khai trường năm học 1945-1946 ấy, trong không khí tung bừng nhộn nhịp niềm vui của những ngày Cách mạng tháng Tám thành công và vừa được dự lễ Quốc Khánh đầu tiên tại quảng trường Ba Đình Hà Nội, nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập lịch sử, thì học sinh cả nước đã nhận được **“Thư gửi các học sinh”** nhân ngày khai trường của Bác.

Các em học sinh,

Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi đã tưởng tượng thấy trước mắt cái cảnh nhộn nhịp tung bừng của ngày tựu trường ở khắp các nơi. Các em hết thấy đều vui vẻ vì sau mấy tháng nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường, các em lại được gặp thầy, gặp bạn. Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này giờ đi các em bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam. Trước đây cha anh các em, và mới năm ngoài cả các em nữa, đã phải chịu nhận một nền học vấn nô lệ, nghĩa là nó chỉ đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho một bọn

thực dân người Pháp. Ngày nay các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em.

Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hy sinh của biết bao đồng bào các em. Vậy các em nghĩ sao? Các em phải làm thế nào để đền bù lại công lao của người khác đã không tiếc thân và tiếc của để chiếm lại nền độc lập cho nước nhà.

Các em hãy nghe lời tôi, lời của một người anh lớn lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các em được giỏi giang. Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn. Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.

Đối riêng với các em lớn, tôi khuyên thêm một điều này: chúng ta đã đánh đuổi bọn thực dân, chúng ta đã giành được độc lập. Nhưng giặc Pháp còn lăm le quay lại. Chúng ỷ vào kẻ khác mạnh hơn mà gây sự với ta. Tất nhiên chúng sẽ bị bại, vì tất cả quốc dân ta đoàn kết chặt chẽ và một lòng chiến đấu cho giang sơn Tổ quốc. Phải sẵn sàng mà chống với quân giặc cướp nước, đấy là bổn phận của mỗi công dân. Các em lớn chưa hẳn phải đến tuổi gánh vác những công việc nặng nhọc

ấy, nhưng các em cũng nên, ngoài giờ học ở trường, tham gia vào các Hội cứu quốc để tập luyện thêm cho quen với đời sống chiến sĩ và để giúp đỡ một vài việc nhẹ nhàng trong cuộc phòng thủ đất nước. Tôi đã thành thực khuyên như các em. Mong rằng những lời nói của tôi được các em luôn luôn ghi nhớ.

Ngày hôm nay, nhân buổi tụ trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các em thân yêu
HỒ CHÍ MINH⁽¹⁾

Vừa nghe đọc xong bức thư Bác Hồ gửi các em học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên năm 1945, cả nhóm sinh hoạt thanh niên bỗng muốn nói lên điều gì đó. Hòa vui vẻ chỉ định. Một bạn giơ tay nói ngay: “Bọn tôi có mấy ý kiến. Tôi xin trình bày cảm tưởng đầu tiên này. Đó là đoạn... Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không...” Hòa đỡ lời: “Vâng, tôi xin đọc toàn văn đoạn viết đó:

“Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

Toàn văn câu mà bạn vừa nhắc đó bọn tôi đã từng được nghe nhiều lần, biết là của Bác Hồ, nhưng bây giờ mới biết chắc chắn xuất xứ là ở bức thư nhân ngày khai trường năm 1945. Như vậy, đúng là lời dặn dò lịch sử và sớm nhất của Bác Hồ cho thiếu nhi học sinh Việt Nam, phải không ạ?

- Đúng, rất đúng!

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.32-33.

Dội các bạn lắng dần, Hòa nói:

- Ở thư gửi học sinh năm 1945 này, Bác Hồ có báo sớm cho tuổi trẻ chúng ta một điều cần cảnh giác. Tôi đọc trước các bạn, tôi xin được nêu lên. Đó là câu...“Nhưng giấc Pháp còn lăm le quay lại..”. Quả thế, ngay trong tháng 9, ngày 23, cuộc chiến đấu chống giấc Pháp được đế quốc Anh ủng hộ, đã phải tiến hành ở Sài Gòn.

Hòa liếp: - Các bạn có thể có nghe một số câu như thế này qua một bài ca hồi đó:

“Tiếng súng vang sông núi miền Nam
Âm đất nước Việt Nam
Tiếng súng vang dội khắp non sông,
Giục ta ra tranh đấu...”

Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp khởi hân tại miền Nam bắt đầu ngày 23, thì ngày **26 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh** đã có thư gửi đồng bào Nam Bộ, như sau:

“Hỡi đồng bào Nam Bộ!

“Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong 4 năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa.

Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp: “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”.

Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng.

Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam Bộ một lời: "Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: Chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước.

Nước Nam độc lập muôn năm

Đồng bào Nam Bộ muôn năm

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 1945

HỒ CHÍ MINH⁽¹⁾

Thủy tiếp Hòa đọc một số trang viết, thuật lại những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến.

Nghe theo lời kêu gọi của Bác, của Chính phủ, thanh niên nam nữ bừng bừng khí thế "Nam tiến". Chiều chiều, trên sân ga Hàng Cỏ của Hà Nội rộn rịp cảnh tiễn đưa những đoàn tàu

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.27-28.

chờ những người con yêu quý vào Nam giết giặc, giữa những lời ca:

*... "Ta muốn băng mình tới phương Nam,
Xé xác quân tham tàn..."*

Còn thời gian ấy thì Hà Nội đi vào cuộc đấu tranh chính trị phức tạp, quyết liệt với giặc ngoài, thù trong... Bác ra chỉ thị: mọi người phải bình tĩnh, không để bọn chúng khiêu khích, phải chờ thời cơ, đợi lệnh của chính phủ...

Đầu năm 1946, bà Nguyễn Thị Định, trong Ban Chấp hành đoàn Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Bến Tre, kể lại:

... "Tôi được cử đi trong phái đoàn Nam Bộ ra miền Bắc báo cáo với Hồ Chủ tịch và Chính phủ về tình hình sau Hiệp định Sơ bộ 6-3 năm 1946, và xin vũ khí trang bị cho Nam Bộ. Đoàn chúng tôi theo đường biển đi từ Bến Tre đến Phú Yên. Từ Phú Yên chúng tôi ngồi xe lửa ra Hà Nội. Bước chân xuống đất Hà Nội, lòng tôi xôn xao, náo nức. Tôi là con gái miệt vườn, gần 26 tuổi đầu chưa đi ra khỏi tỉnh Bến Tre. Ngày nay nhờ cách mạng, tôi được đến Thủ đô của Tổ quốc, bờ ngõ đủ thứ, chỉ có một điều làm tôi quen ngay là tình cảm đầm ấm ruột thịt của đồng bào Hà Nội, đồng bào miền Bắc.

Chiều tháng Năm, nắng hè rực rỡ. Chúng tôi đang ngồi chuyện trò thân mật tại nhà anh Đặng Thai Mai, hồi đó là Bộ trưởng Bộ Giáo dục, thì nghe tiếng ô tô đậu trước cổng. Một ông già phúc hậu, người dong dong cao, thoăn thoắt bước vào. Dừng là Bác rồi! Giống hệt như trong ảnh mà tôi đã thấy. Tôi đứng im



*Dại biểu học sinh Trường trung học Trưng Vương,
Hà Nội chúc mừng sinh nhật Người (19.5.1956)*

nhìn Bác! Ôi! Ước mơ của tôi ngỡ đâu sớm thành hiện thực. Lần đầu tiên gặp Bác một cách rất bất ngờ, tất cả chúng tôi hết sức cảm động bởi đôi mắt của Bác, đôi mắt sáng ngời, đầy ý chí kiên quyết, nhưng đồng thời cũng thân thương trìu mến, hiền hậu vô biên. Bác ung dung tươi vui trong bộ quần áo kaki giản dị. Bác cười niềm nở và bắt tay từng người rồi ngồi bên cạnh tôi.

Gặp Bác! Chúng tôi vừa xúc động trước tấm lòng thương yêu chăm sóc của vị Cha già dân tộc, vừa sửng sốt và bối rối về sự thiếu sót của đoàn. Khi vừa ở chiến khu ra, chúng tôi nghĩ ngay rằng trong chương trình của đoàn ở Thủ đô, một việc phải làm trước tiên

là đến chào Hồ Chủ tịch. Sau một chuyến đi đường dài vất vả, chúng tôi vừa đến Hà Nội hôm trước, chưa kịp đến nơi Bác, thì Bác đã đến thăm chúng tôi. Bác hỏi thăm sức khỏe từng đồng chí trong đoàn. Tất cả đều nghẹn ngào... Những ngày đi đường, anh chị em trong đoàn bàn nhau chuẩn bị gặp Bác sẽ báo cáo những gì. Riêng tôi cũng sắp xếp trong óc những điểm về tình hình của phụ nữ Nam Bộ để báo cáo với Bác. Nhưng đến lúc Bác cho tôi được nói trước thì bao điều đã chuẩn bị để báo cáo với Bác biến đi đâu mất. Thấy tôi vẫn chưa hết xúc động, Bác cười vui và gợi từng ý để tôi có thể nhớ mà báo cáo lại. Bác nói dịu dàng, lòng tôi như ấm lên. Tôi bình tĩnh dần và lắng nghe từng câu hỏi cặn kẽ của Bác mà trả lời Bác.

Bác chăm chú nghe chúng tôi báo cáo. Bỗng hai giọt nước mắt chảy trên gò má Bác. Ôi! Suốt đời tôi không bao giờ quên những giọt nước mắt ấy. Những giọt nước mắt của Bác đọng lại mãi mãi trong tâm hồn tôi. Tôi nghĩ đó là một tình thương bao la của Người dành cho đồng bào Nam Bộ.

Bác nhìn chúng tôi rất trầu mến, và giọng Bác ấm áp: "Đồng bào và chiến sĩ đang ra sức khắc phục khó khăn, thiếu thốn để kháng chiến. Chính phủ và đồng bào cả nước hết sức cùng chiến sĩ và nhân dân Nam Bộ hiện đang anh dũng đấu tranh để giữ vững độc lập dân tộc. Chúng ta nhất định thắng lợi, vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa".

Giọng Bác càng xúc động: "Các cô, các chú về báo với nhân dân miền Nam thân yêu rằng: Lòng già Hồ.

lòng nhân dân miền Bắc lúc nào cũng ở bên cạnh đồng bào Nam Bộ". Nói xong Bác khóc. Chúng tôi đều khóc..."

Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi.

Câu nói thốt lên từ đáy lòng Bác Hồ khi Bác chuẩn bị qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, khẳng định chân lý tuyệt đối và xuyên suốt cuộc đời người công dân Việt Nam số 1.

Ngày 1 tháng 6 năm 1946, từ Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã gửi đồng bào Nam Bộ tâm thư:

"Cùng đồng bào yêu quý Nam Bộ,

Được tin lời cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ đều lấy làm bâng khuâng. Bâng khuâng vì chưa biết tương lai của Nam Bộ sẽ ra thế nào?

Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào rằng Hồ Chí Minh không phải là người bán nước.

Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh tranh đấu mấy tháng trường, để gìn giữ non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ. Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!

Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người

thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ừ hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang.

Giấy vắn tình dài, trước khi lên đường đi Pháp, tôi xin gửi lời chào thân ái tất cả đồng bào Nam Bộ.

HỒ CHÍ MINH⁽¹⁾

Điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi trong thư: ... “Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang...” đã thể hiện rất rõ từ những ngày đầu khi tiếp Bảo Đại vừa trao lại ngôi vua cho chính quyền cách mạng, ra Hà Nội làm cố vấn Vĩnh Thụy. Sức cảm hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh bao la như biển cả, đến độ chỉ mới qua cuộc tiếp xúc ngắn ngủi của Người, mà Vĩnh Thụy viết thư về cho mẹ là Từ Cung Thái hậu có những câu: “Cụ Hồ tốt lắm! Con ra đây được cụ thương lắm! Cụ thương con như con! Ắ (tức là mẹ) cứ yên tâm. Không phải lo chi cho con cả”.

Cùng ngày 31 tháng 5 năm 1946, trong cuộc mít tinh tổ chức trước quảng trường Nhà hát thành phố Hà Nội, **Bác Hồ nói chuyện với đồng bào cả nước** về chuyến đi này. Bác nói:

1. Hồ Chí Minh toàn tập, 1.4, tr.246-247.

"Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân... Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ đeo đuổi một mục đích là làm cho ích quốc lợi dân. Vậy lần này tôi xin hứa với đồng bào rằng: "Tôi cùng anh em đại biểu sẽ cố gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân".

Đồng bào dự mít tinh hôm đó đều chăm chú lắng nghe lời Bác và cùng hiểu tấm lòng của Bác.

Những ngày cuối năm 1946, cả Hà Nội ráo riết chuẩn bị chiến đấu. Các chi bộ luôn nhóm họp bất thường để nhận định tình hình, thảo luận chủ trương công tác đối phó hàng ngày với địch.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, tiếng súng nổ ran cả Thủ đô, mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc. **Bác Hồ truyền "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến":**

"Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến! Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

HỒ CHÍ MINH⁽¹⁾

Giặc Pháp tưởng rằng chỉ đánh một ngày là chiếm xong Hà Nội. Chúng đã lầm to. Nhân dân ta chiến đấu rất dũng cảm, cầm cự với chúng ở tất cả các khu phố nội thành.

Tết âm lịch (năm 1947) ăn Tết trong vòng vây của địch, đúng đêm giao thừa các chị giao liên đã vượt qua muôn ngàn khó khăn, nguy hiểm đem lời cho **các chiến sĩ Cẩm tử quân Thủ đô bức thư chúc Tết của Bác Hồ** và quà của đồng bào hậu phương.

Thư Bác viết: “... Các em là đợt cẩm tử. Các em cẩm tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.480-481.

linh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau...

Ngày 17 tháng Tám năm 1947, chỉ còn hai ngày nữa là kỷ niệm hai năm ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dịp **Hội nghị Thanh niên Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh có "Thư gửi các bạn thanh niên"**.

Bác gọi các thanh niên là "các bạn". Thư Bác viết:

... "Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ của tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó.

Chúng ta phải nhận rằng thanh niên ta rất hăng hái. Nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng phong trào thanh niên ta còn chật hẹp, mặc dầu từ ngày Cách mạng tháng Tám đến nay, thanh niên có cơ hội để phát triển một cách mau chóng và rộng rãi hơn.

Vậy nên nhiệm vụ của các bạn là phải tìm đủ mọi cách để gây một phong trào thanh niên to lớn và mạnh mẽ.

Theo ý tôi muốn đạt mục đích đó, thì mỗi thanh niên, nhất là một cán bộ, phải kiên quyết làm bằng được những điều sau này:

a. Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (liên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).

b. Các việc đáng làm, thì có khó mấy cũng cố chịu quyết làm cho kỳ được.

c. Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

d. Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.

đ. Quyết tâm làm gương về mặt: siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

e. Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc. Nói ít làm nhiều, thân ái đoàn kết.

Như thế thì ai cũng phải yêu mến kính phục thanh niên và phong trào thanh niên nhất định sẽ ăn sâu lan rộng.

Hiện nay thanh niên không thiếu gì nơi hoạt động, không thiếu gì công việc làm: nào ở bộ đội, dân quân du kích, nào mở mang bình dân học vụ, nào tăng gia sản xuất, v.v..

Có chí làm thì quyết tìm ra việc và quyết làm được việc.

Tôi lại khuyên các bạn một điều nữa là chớ đặt những chương trình, kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai, nhưng không thực hiện được.

Việc gì cũng cần phải thiết thực, nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ chỗ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành được hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được.

Đó là kinh nghiệm của một người bạn có lịch duyệt thật thà đem bày tỏ với các bạn. Mong các bạn gắng sức và thành công.

Chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 17 tháng 8 năm 1947

HỒ CHÍ MINH⁽¹⁾

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.185-186.

Thanh niên luôn luôn được Bác Hồ nhắc tới. Bác khen ưu điểm nổi bật của tuổi trẻ như “hăng hái, giàu tình thần xung phong”, nhưng Bác cũng vạch rõ khuyết điểm phổ biến là “ham chuộng hình thức, thiếu thực tế, bệnh cá nhân, bệnh anh hùng”.

Thông qua nhận xét về huy hiệu Đoàn, Bác Hồ nói rất cụ thể ý nghĩa của huy hiệu là **“Tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên”** với những lời chỉ bảo thật ngắn gọn nhưng thật đầy đủ và rõ ràng về những gì mà đoàn viên thanh niên cần lưu ý thực hiện: *“... Ý nghĩa của nó là thanh niên phải xung phong làm gương mẫu trong công tác, trong học hỏi, trong tiến bộ, trong đạo đức cách mạng. Thanh niên phải thành một lực lượng to lớn và vững chắc trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc, đồng thời phải vui vẻ và hoạt bát*

Bác mong rằng toàn thể các cháu nam nữ thanh niên cố gắng làm tròn nhiệm vụ để cho xứng đáng với cái huy hiệu đẹp và vẻ vang ấy”.

Hòa trình bày luôn một số nét chính về **Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**. Đang tiện dịp ôn những điều học hỏi ở Bác Hồ, thì nhắc kỹ về Đoàn là phù hợp không khi học tập, càng nhận thức sâu sắc thêm.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức tiên tiến của thanh niên Việt Nam có giác ngộ lý tưởng Cộng sản. Trải qua những chặng đường lịch sử của mình, từ lúc chuẩn bị đến khi thành lập và phát triển, Đoàn đều gắn liền với hoạt động của Bác.

Từ tháng 6 năm 1925 tại Quảng Châu - Trung

Quốc, Người cùng nhóm thanh niên Việt Nam yêu nước “Tâm tâm xã” thành lập “Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội”, trong đó có tổ chức trung kiên “Cộng sản đoàn” được Người lập ra trước đó 4 tháng để làm nòng cốt. Ngay sau khi thành lập Hội, Người quan tâm đến việc tổ chức đoàn thể riêng của thanh niên cách mạng do Hội lãnh đạo. Người chọn 8 thanh niên Việt Nam đưa sang Quảng Châu huấn luyện, bồi dưỡng thành “hạt nhân” cộng sản của Đoàn. Trong số các thanh niên đó có Lý Tự Trọng là người đoàn viên đầu tiên của Đoàn Thanh niên Cộng sản ở Việt Nam.

Sinh thời, Bác Hồ từng đánh giá rất cao những thành tích của Đoàn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Nhân dịp **Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ hai**, họp từ ngày 25 tháng 10 đến ngày 4 tháng 11 năm 1956, **Người đến dự và phát biểu vào ngày 2 tháng 11-1956**. Theo Người: “Hai năm qua, trong mọi công tác, thanh niên ta đã cố gắng nhiều và đã có thành tích khā. Song vì những sai lầm khuyết điểm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, Đảng và Đoàn đã chịu những tổn thất lớn. Cho nên hiện nay, Đảng và Chính phủ đặt công tác sửa chữa sai lầm là công tác quan trọng đột xuất”. Người nhắc nhở các đại biểu “Phải củng cố tổ chức của Đoàn, phải đoàn kết nội bộ thật chặt chẽ và phải đoàn kết rộng rãi với các tầng lớp thanh niên”. Người cũng khuyên tất cả các đoàn viên “Phải giữ vững đạo đức cách mạng”, “Phải xung phong trong mọi công tác”, “Phải cố gắng học tập” và “Phải rèn luyện thân thể”.

Trong những dịp tiếp xúc với Đoàn Thanh niên, Bác Hồ thường đề cập đến vấn đề đạo đức cách mạng. Theo Người thì “đạo đức cách mạng là bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng, một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội”. “Rèn luyện đạo đức cách mạng tức là phải đánh thắng và tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân”.

Người cho rằng chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa xã hội vì chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích tập thể, nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu như lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa... Đạo đức cách mạng có thể tóm tắt trong mấy điểm: **trung thành**: trọn đời trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc, với Đảng, với giai cấp; **dũng cảm**: không sợ khó, không sợ khổ, gian khổ đi trước, hưởng thụ sau mọi người; **khiêm tốn**: không nên tự phụ mình là người tài giỏi, không khoe công, không tự phụ...”

Cho đến cuối đời, trong Bản Di Chúc để lại cho toàn Đảng, toàn dân Việt Nam, Người nêu rõ:

...“Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng ta cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cho họ, đào tạo họ thành người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.



TUỔI TRẺ TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

Hòa được các bạn rất hoan nghênh về phần trình bày vừa xong về Đoàn, từ đó càng thấy công lao to lớn của Bác Hồ đã gây dựng nên Đoàn Thanh niên mà tới năm 1999 này vừa kỷ niệm ngày thành lập 68 năm.

- Kỷ niệm Ngày Thành lập Đoàn ta - Hòa nói tiếp luôn - chúng ta nhắc lại một ngày kỷ niệm “chấn” khi vừa tròn 35 năm, đó là ngày 26 tháng 3 năm 1966. Thời điểm này đế quốc Mỹ đã điên cuồng mở rộng chiến tranh ra miền Bắc nước ta đã hơn một năm, dùng không quân rải bom đạn nhiều nơi; sau hơn mười năm cùng bọn tay sai tiến hành cuộc chiến tranh vô cùng tàn bạo, gây biết bao tang tóc cho đồng bào ta ở miền Nam.

Tuổi trẻ hai miền Nam, Bắc lập bao chiến tích. Trong lễ kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam năm 1966, Bác Hồ đã nói:

“Các cháu thanh niên yêu quý, nhân lễ kỷ niệm lần thứ 35 ngày Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam chính thức thành lập, Bác thân ái chúc mừng tất cả các cháu đoàn viên và thanh niên cả nước.

Bác đặc biệt gởi lời thân ái khen ngợi các cháu thanh niên và nhi đồng miền Nam đang cùng toàn thể đồng bào anh dũng chiến đấu và ngày càng giành được nhiều thắng lợi vẻ vang”.

Vì sao Bác nói Đoàn **chính thức** 35 tuổi? Vì khi nói đến lịch sử của Đoàn, chúng ta nên đi ngược lên đến năm 1925.

Năm 1925, Hội **Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí** thành lập, nhằm chuẩn bị điều kiện để tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay sau khi thành lập, Hội đã lo đến việc tổ chức và lãnh đạo đoàn thể riêng của thanh niên cách mạng. Hội đã chọn tám em Việt kiều ở Xiêm đưa sang Quảng Châu để bồi dưỡng thành hạt nhân của Đoàn thanh niên sau này. Trong số các em đó có Lý Tự Trọng, về sau là đoàn viên đầu tiên của Đoàn Thanh niên cộng sản nước ta, cũng là người Cộng sản đã oanh liệt đấu tranh đến hơi thở cuối cùng cho Đảng, cho sự nghiệp cách mạng.

Từ đó đến nay, có nhiều đoàn viên thanh niên đã noi gương chói lọi của Lý Tự Trọng, đã dũng cảm hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì chủ nghĩa Cộng sản, như các liệt sĩ Vô Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân và nhiều liệt sĩ khác.

Chúng ta có những thanh niên gan dạ, trung thành như Trần Thị Lý bị địch đánh khảo chết đi sống lại bao nhiêu lần. Như Nguyễn Thị Châu suốt 1300 ngày bị địch dùng cực hình tra tấn. Nhưng các cháu ấy kiên quyết không khuất phục kẻ thù, một lòng một dạ trung thành với Đảng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây, chúng ta có nhiều thanh niên anh hùng như Nguyễn Thị Chiên, La Văn Cầu v.v...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đã trưởng thành nhiều anh hùng thanh niên. Như Tạ Thị Kiều, tay không mà cướp được đồn giặc. Bùi Minh Kỳ 20 tuổi, trong 4 trận đã tiêu diệt 46 tên lính Mỹ và lính Pắc Chung Hi. Trương Văn Hoa, 24 tuổi, trong 4 tháng đã tiêu diệt 78 tên xâm lược Mỹ và 76 lính ngụy. Nguyễn Văn Diên, 22 tuổi, dù bị thương nặng, không chịu rời nắm pháo, tự lấy tay nhét ruột vào bụng, vẫn tiếp tục chiến đấu, quyết tâm hạ máy bay Mỹ, v.v...

... Vì vậy Bác rất tự hào, sung sướng và thấy như mình trẻ lại, thấy tương lai của dân tộc ta vô cùng vững chắc và vẻ vang.

Trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước, tuy chúng ta còn gặp nhiều gian khổ, khó khăn, nhưng cả nước ta đoàn kết nhất trí, thanh niên ta dũng cảm tiến lên, toàn dân, toàn quân kiên quyết chiến đấu, lại có các nước anh em và nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ. Cho nên, Mỹ nhất định thua, ta nhất định thắng...

Trước đó, mừng lần thứ 20 Cách mạng tháng Tám thành công và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 20 tuổi, ngày mừng 2 tháng Chín năm 1965, Bác Hồ có thư gửi thanh niên cả nước, có những đoạn như sau:

... Nhiều cháu thanh niên gái và trai năm nay cũng vừa đúng hoặc xấp xỉ tuổi 20...

... Hơn một năm nay, đế quốc Mỹ và bọn tay sai càng điên cuồng đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam và mở rộng chiến tranh đến miền Bắc, gây thêm đau thương tang tóc cho đồng bào ta. Quân và dân ta ở cả hai miền một lòng chống Mỹ, cứu nước, đã chiến đấu anh dũng vô cùng, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay, theo tiếng gọi của Tổ quốc, thanh niên cả nước ta càng gương cao ngọn cờ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lập nhiều thành tích xuất sắc...

Bác rất vui lòng khen ngợi các cháu thanh niên trong cả nước. Nhân dịp này, Bác muốn dặn thêm các cháu mấy điều:

- Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng **"trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"**. Không sợ gian khổ, hy sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

- Phải tin tưởng sâu sắc ở lực lượng và trí tuệ của tập thể, của nhân dân. Tăng cường đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau. Nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do.

- Luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn và giản dị. Chống kiêu căng, tự mãn. Chống lãng phí xa hoa. Thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh để giúp nhau cùng tiến bộ mãi.

- Ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa

học, kỹ thuật và quân sự để cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân.

- Luôn luôn chú ý dìu dắt và giáo dục thiếu niên và nhi đồng, làm gương tốt về mọi mặt cho đàn em noi theo.

Bác gửi lời thân ái đến:

- Các cháu thanh niên Việt kiều ở nước ngoài luôn luôn hướng về Tổ quốc...

- Các cháu thanh niên các nước hăng hái ghi tên tình nguyện cùng nhân dân Việt Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Các cháu thanh niên thân mến,

Các cháu là thế hệ anh hùng trong thời đại anh hùng. Bác mong các cháu đều xứng đáng là những anh hùng trong sự nghiệp cách mạng tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc và xây dựng xã hội mới.

Bác hôn các cháu

Ngày 2 tháng 9 năm 1965

BÁC HỒ⁽¹⁾

Những tháng cuối của năm 1965 ấy, một đoàn thanh niên nam nữ chiến sĩ của lực lượng vũ trang miền Nam ra thăm miền Bắc, được gặp Bác Hồ và đồng bào, chiến sĩ miền Bắc.

... “Cô Tạ Thị Kiều kể lại:

- Một buổi chiều nắng đẹp, đoàn chúng tôi được vào thăm Bác. Tất cả chúng tôi ai nấy reo lên vui sướng...

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.503-505.

Xe dừng lại trong sân vườn Phủ Chủ tịch. Trống ngực tôi đánh rộn lên trong giây phút chờ đợi gặp Bác.

- Bác! Bác! - Chúng tôi cùng reo lên khi Bác từ trong nhà bước ra. Phút đầu tiên gặp Bác, tôi lặng người bàng hoàng và tưởng như mình đang sống trong giấc mơ tuyệt đẹp.

Tôi cùng với anh hùng Vai quá xúc động chưa kịp đi tới, anh em khác trong đoàn cố đi chậm chậm, nhường đồng chí Vai và tôi lại gần Bác trước. Đồng chí Vai và tôi cứ ôm chặt Bác mà nghẹn ngào, nước mắt. Anh em trong đoàn bất ngờ cũng đến ùa vào quây lấy Bác thành một khối, sáu Bác cháu siết tay nhau không rời. Bác nhìn thật kỹ khuôn mặt từng người và triu mến hôn lên đầu, lên má chúng tôi. Chúng tôi ai cũng vui sướng, cảm động. Một lát sau, tôi mới bình tĩnh thưa:

- Bác ơi! Chúng cháu nhớ Bác quá. Đồng bào miền Nam nhớ Bác quá!

Bác âu yếm nhìn chúng tôi và nói bằng một giọng ấm áp:

- Bác mong các cháu lắm! Bác nhớ đồng bào miền Nam lắm! Kia sao các cháu lại khóc? Bác cháu ta gặp nhau thì phải vui chứ!

Những lời chan chứa yêu thương ấy của Bác càng làm chúng tôi xúc động, nghẹn ngào hơn.

Bác cùng chúng tôi đến một dãy bàn đặt ở giữa vườn, đã bày sẵn bánh kẹo, hoa quả, Bác thân mật nói:

- Bây giờ Bác cháu ta ngồi đây nói chuyện. Mời các cháu ăn kẹo.

Bác quay sang tôi và triu mến hỏi:

- Cháu có khỏe không? Mỗi bữa cháu ăn được mấy chén cơm?

Nghe Bác nói chén cơm tôi hơi thảng thốt vì không ngờ Bác thuộc tiếng gọi của địa phương Nam bộ. Tôi chậm rãi thưa với Bác:

- Dạ thưa Bác, cháu khỏe. Bình thường mỗi bữa cháu ăn được hai chén. Có hôm mệt cháu ăn được một chén.

Bác cười:

- Cháu ăn ít thế thôi à? Cháu phải ăn khỏe để đánh thắng giặc Mỹ chứ!

Bác chỉ chị Hồ Thị Bi ngồi bên:

- Cô Bi phải trông nom các cô, các chú ấy ăn, ngủ cho tốt nhé!

Chị Hồ Thị Bi đứng dậy:

- Thưa Bác vâng ạ!

Bác lại nói tiếp:

- Cô Út Tịch có khỏe không?

- Dạ, chị Út vẫn khỏe. Cháu xin thưa với Bác, chị Ba Định, chị Út Tịch và tất cả cô bác, anh chị trong mặt trận và bộ đội giải phóng cùng đồng bào quê hương kính chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu.

Bác vui vẻ hỏi:

- Châu xem Bác có khỏe không nào?

Tôi ngược lên nhìn Bác, thưa:

- Dạ, được gặp Bác, thấy Bác hồng hào, mạnh khỏe, cháu mừng quá. Ở trong Nam, bà con nghe đài Hà Nội, chỉ mong hoài nghe tiếng Bác nói, nhất là vào đêm giao thừa hàng năm, để theo dõi sức khỏe của Bác.

Bác cười:

- Mỗi năm thêm một tuổi Bác cháu ta càng lớn, càng mạnh. Các cô, các chú càng đánh thắng giặc Mỹ, Bác càng mạnh khỏe, sống lâu.

Bác tiếp tục hỏi chuyện từng anh em trong đoàn: anh Vai, các anh Huỳnh Văn Đáng, Trần Dương và Lê Chí Nguyên. Bác hỏi tỉ mỉ về tình hình chiến đấu, sản xuất của chiến sĩ và đồng bào, tình hình đời sống của các tầng lớp nhân dân ở vùng giải phóng, vùng tạm bị địch chiếm và cả vùng của đồng bào Thượng nữa...

... Bác nói:

- Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam ta chống giặc Mỹ xâm lược là toàn dân, toàn diện. Trẻ, già, gái, trai đều đánh giặc giỏi, sản xuất giỏi, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều giỏi...

Chiều mùng 2 tháng 12 năm 1965, Bác cho tôi cùng đi với Bác và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm Đại hội những người xuất sắc trong phong trào "Ba đảm đang" của phụ nữ Thủ đô Hà Nội.

Lời Bác đầm ấm thấm sâu vào lòng người:

... "Dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, thanh niên Việt Nam là thanh niên anh hùng, phụ nữ Việt Nam là phụ nữ anh hùng. Hai nghìn năm trước đây, ta có các nữ anh hùng: Hai Bà Trưng, Bà Triệu. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong kháng chiến chống Pháp trước kia và trong kháng chiến chống Mỹ ngày nay, ta cũng có nhiều anh hùng là phụ nữ. Trên thế giới chưa có nơi đâu phụ nữ làm Phó Tổng tư lệnh như ở miền Nam nước ta. Thi đua với phụ nữ miền Nam là đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh, khó khăn đến mấy chúng ta cũng vượt qua được và nhất định chúng ta đánh thắng giặc Mỹ xâm lược..."

Hòa ngưng giây lát, xin lỗi các bạn cho tiếp tục phân thuật lại đang còn dở dang về một số tư liệu trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ mà hình ảnh Bác Hồ luôn luôn xuất hiện ở khắp nơi, lúc thì ở một vùng ruộng đồng, khi thì ở khu công nghiệp; nay Bác thăm trận địa pháo cao xạ, ngày khác Bác đã có mặt ở hạm đội thủy quân... Ngày Tết, Bác đi chúc tết các gia đình, các cụ già, cho quà các cháu nhỏ. Bác đến cả buổi hòa nhạc, đứng ngay trên bục điều khiển như một nhạc trưởng. Bác xem kỹ từng bức tranh trong một cuộc triển lãm mỹ thuật. Bác tiếp khách quốc tế, có lúc lại phiên dịch giúp đồng chí phiên dịch còn đang lúng túng. Nhưng Bác cũng luôn tiếp các khách trong nước, trong đó không ít những "khách thanh niên", không chỉ là khách từ miền Nam ra, mà ngay khách ở những nơi sôi động nhất của tuyến lửa miền Bắc... Có thể nói nếu chúng ta ghi nhật ký, sẽ thấy Bác không có chút thời gian nào ngơi nghỉ.

Xin mời các bạn cùng nghe một số câu chuyện mà các diễn viên đoàn Văn công quân khu Bốn theo đoàn đại biểu anh hùng chiến sĩ thi đua của lực lượng vũ trang ra học tập và báo cáo với Trung ương về thành tích bốn năm chống Mỹ cứu nước.

"... Hôm đó là chiều mười bảy tháng năm năm 1969, năm chị em chúng tôi quê ở các tỉnh khu Bốn: Quảng Trị, Vĩnh Linh, Quảng Bình, Nghệ An... được đi gặp Bác Hồ.

- Chúng cháu xin phép được hát để Bác nghe một số bài theo điệu dân ca miền Trung mà đồng bào rất ưa thích.

Bác vui vẻ bảo các đồng chí ở cơ quan đến nghe. Khi tôi hát ví đồ đưa ... *"Ai biết nước Sông Lam rằng là trong, là đục, thì biết sông cuộc đời rằng là nhục là vinh..."*

Bác bảo:

- Ở Nghệ An, người ta nói là "nác" chứ không phải là "nước".

Tôi rất cảm động. Chị Bích Nông hát điệu "ru con", chị Minh Lý hò khoan. Đến lượt Mai Tư dặm đồ đưa. Mai Tư hát xong, Bác hỏi mấy đồng chí ngồi xung quanh:

- Có hay không các chú?
- Thưa Bác, hay ạ!

Bác nhắc:

- Thế thì vỗ tay đi chứ!

Cả Bác và tất cả chúng tôi đều vỗ tay giòn giã.

Niềm vui tràn ngập. Chúng tôi quây quần quanh Bác.

Bác hỏi Mai Tư:

- Cháu có biết hát phường vải không?
- Dạ, thưa Bác, có ạ!

Bác bảo Mai Tư chọn một câu mà các cụ ngày xưa thường hay hát. Mai Tư thưa với Bác:

- Dạ cháu biết hát phường vải, nhưng không biết lời cũ ạ.

Bác bảo:

- Thì cháu lấy câu "ai" để hát nhé: "*Khuyên ai chớ lấy học trò...*" cháu tiếp đi!

Mai Tư thưa:

- Dạ thưa Bác, có phải "*Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm*" không ạ.

Hát xong câu đó, Mai Tư dừng lại, Bác bảo:

- Cháu hát tiếp câu thứ hai đi.

Mai Tư lúng túng không biết, Bác nhắc:

- "*Lưng dài có vông đòn căng,*

Áo dài đã có lụa hồng vua ban".

Mai Tư hát câu Bác vừa nhắc theo điệu hát phường vải. Tuấn Mỹ xung phong "lấy" Kiều được Bác khen...

... Đến lượt tôi, tôi đứng dậy thưa:

- Thưa Bác, bây giờ cháu xin hát điệu "ru em" dân ca miền Trung theo lời cũ ạ.

Tôi cất giọng:

- “À ơ... ru em em ngủ cho muôi...”

Bác sửa lại:

- “Ru tam tam théc cho muôi...”

“Tam” là tiếng miền Trung dùng để chỉ “em”, “théc” là “ngủ”, lời hát lại:

- “Ru tam tam théc cho muôi.

Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu...”

Bác lại sửa:

- Để “mạ” chứ không phải để mẹ.

Tôi sung sướng hát liếp:

... “Để mạ đi chợ mua vôi ăn trầu

Mua vôi chợ Sài, mua trầu chợ Danh”

Bác cười và bảo:

- “Mua cau Cam Phô” chứ không phải “chợ Sài”.

Chúng tôi nhìn Bác mỉm cười. Mắt Bác rất vui như đang nhớ lại từng tên đất, tên người, và tiếng hát quê hương...

Đã sắp đến giờ chiều bóng, Bác đứng dậy lấy đĩa kẹo và bảo:

- Bác thưởng cho mỗi cháu ba chiếc kẹo.

Rồi Bác tự tay chia kẹo cho mỗi chúng tôi. Số kẹo còn lại, Bác trao cả cho Tuấn Mỹ:

- Cháu ni nhỏ nhất, Bác cho cả đĩa!

... Trên đường về, chúng tôi nói với nhau: “Hôm nay

chúng mình được vào gặp Bác để hát cho Bác nghe, nhưng chính Bác lại dạy chúng mình hát. Thật là vinh dự!”

Mãi mãi chúng tôi nguyện mang lời ca tiếng hát đến khắp các chiến trường, các đơn vị góp phần đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Lời nguyện ước quyết tâm đó: “đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược” là lời nguyện không gì lay chuyển được. Thời gian của tháng Bảy năm 1966, ai đã từng nghe “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước” đều không thể nào quên lời Bác Hồ nhắc nhở:

“... Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. CHIẾN TRANH CÒN THỂ Kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ!

Không có gì quý hơn độc lập tự do!

ĐẾN NGÀY THẮNG LỢI, NHÂN DÂN TA SẼ XÂY DỰNG LẠI ĐẤT NƯỚC TA ĐẲNG HOÀNG HƠN, TO ĐẸP HƠN?”

Ngày 3 tháng mười một năm 1968, Bác Hồ gọi đồng bào và chiến sĩ những lời kêu gọi khiến chúng ta càng thêm nức lòng, quyết tâm hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc:

...“Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói “hòa bình”, “thương lượng” nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng. Hơn một triệu quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu còn đang hằng ngày gây ra biết bao tội ác dã man đối với đồng bào miền Nam ta.

Vì vậy, nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Hể còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi...

Câu sau cùng vừa dứt, Hòa thật sự xúc động. Không riêng Hòa, các bạn khác cũng thấy thấm thía lời kêu gọi mà về sau này trong các buổi học tập nhiều người cũng luôn nhắc đến, vừa coi đó là kim chỉ nam hành động, vừa là mệnh lệnh chiến đấu thiêng liêng.



TÊN, BÍ DANH, BÚT DANH, CÙNG NHỮNG SÁNG TÁC THƠ VĂN CỦA BÁC

Để tranh thủ thời gian Hòa công bố luôn mấy phần tiếp theo, do Thủy sẽ nói về các **“tên, bí danh và bút danh”** mà Người đã dùng trải qua các thời kỳ; và bạn sinh viên khoa Văn lên là Chương giới thiệu một số nhận thức cá nhân về Truyện, Ký và Thơ của Bác Hồ sáng tác.

Đó cũng là điều mong đợi của tất cả các bạn. Có tiếng giục giã: “Bạn Thủy bắt đầu đi..”

Tác phong nhanh nhẹn, Thủy trình bày ngay phần tài liệu mà mình đã ghi chép được.

Trong cuộc đời hoạt động, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dùng nhiều tên, bí danh và bút danh khác nhau. Thủy tạm liệt kê theo thứ tự A,B,C đã và sẽ từ đó trình bày thêm một vài chi tiết của từng tên, từng bí danh, từng bút danh đó. Có thể bữa nay việc tra cứu này chưa đầy đủ, lúc nào tìm thêm được Thủy sẽ bổ sung sau.

Thủy xin đọc tổng thể trước:

– A.G, Ba (Văn Ba), Bác Hồ, C.B., C.K., Chen Vang, Chiến Sĩ, Chín (Thầu Chín), D.X., Đin, đồng chí Trần,

G., Già Thu, Hồ Chí Minh, Hồ Quang, L.M. Wang, L.T., La Lập, Lê Nhân, Lê Nông, Lê Quyết Thắng, Lê Thanh Long, Lin, Line, Linốp, Lý Thụy, N., N.A.Q., N.K., Ng.A.Q., Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn, Nguyễn A.Q., Ng. Ái Quốc, Nguyễn Ái Kbak, Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tất Thành, Nilốpxki, P.C. Line, Paul, Quac E. Wen, T.L., Tân Sinh, Thanh Lan, Thu Sơn, Tống Văn Sơ, Trần Lực, U.L., V. Victor, Vương (đồng chí Vương), Wang, X., X.Y.Z.

Có bạn vừa hỏi tại sao Bác Hồ phải dùng nhiều tên như vậy? Theo Thủy, có thể do chặng đường hoạt động của Bác là rất dài, trải qua nhiều nước trên thế giới, ở nhiều môi trường khác nhau, Bác cần đề phòng mọi sự bất trắc để đánh lạc hướng bọn mật thám luôn rình bắt bớ, giam cầm, sự đổi tên chỉ là một cách bảo đảm bí mật để hoạt động cách mạng. Ngoài ra, Bác có viết văn, viết báo, Bác ký nhiều tên khác nhau ở nhiều bài báo, dù rất nhiều bài đăng sau này khi Cách mạng tháng Tám đã thành công cho tới những ngày Bác viết xong bản Di Chúc... Bác ký nhiều tên khác nhau ở các bài báo đó, cũng là một cách “giữ bí mật” với độc giả chăng? Nhưng qua đó, chúng ta mới thấm thía sức làm việc phi thường của Bác. Dù việc nước, việc dân, việc trong nước, việc ngoài nước, trăm công nghìn việc mà lại tuổi già, sức yếu, Bác vẫn dành thời gian chăm chút từng bài báo, để lại cho các thế hệ chúng ta và mai sau cả một kho tàng văn hóa quý báu.

Thủy giới thiệu thời gian một vài bút danh đó nha:

Bút danh **A.G.**, Bác ký trong bài "Giữ bí mật" (30-7-1948). "Rút kinh nghiệm và trao đổi kinh nghiệm" ("Sự thật" 31-10-1949).

BA, tên Bác dùng khi làm phụ bếp trên tàu Amiral Latouche Tréville thuộc hãng Chargeurs Réunis để sang Pháp (1911).

C.B. bút danh Bác dùng trong khoảng 70 bài báo, phần nhiều đăng trên báo Nhân Dân từ 1951 đến 1957.

CK. (báo Nhân Dân ngày 20-1-1960).

CHEN VANG, tên ghi trên giấy đi đường của Bác do Đại diện đặc mệnh toàn quyền Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết Nga tại Berlin cấp ngày 16-6-1923 để Người đi từ Đức đến Petrograd (Leningrad).

CHIẾN SĨ, bút danh Bác ký trong gần hai mươi bài viết trong khoảng năm 1963 đến 1967, đăng trên báo Nhân Dân.

CHÍN, tên Bác dùng khi hoạt động ở Thái Lan (1928-1929). Kiểu bào kính tròng và thân mặt gọi Người là Thầu Chín (ông già Chín).

D.X., bút danh Bác dùng trong khoảng 50 bài đăng trong chuyên mục thường thức chính trị của báo Cứu Quốc từ 16-1 đến 23-9-1953 và một số bài trên báo Nhân Dân.

ĐIN, bút danh Bác đăng bài trên tạp chí "Vì Một Nền Hòa Bình Lâu Dài, Vì Một Nền Dân Chủ Nhân Dân" ngày 21-8-1953.

ĐỒNG CHÍ TRẦN, tên Bác dùng vào khoảng đầu

năm 1940 khi hoạt động ở Côn Minh (Vân Nam - Trung Quốc).

G., bút danh Bác dùng trong bài viết nhan đề “Bệnh khẩu hiệu”, (Sự Thật 15-3-1949).

GIÀ THU, bi danh Bác dùng trong thời gian ở Pác Bó (Cao Bằng) khi Bác vừa trở về Tổ quốc (2-1941).

HỒ CHÍ MINH, tên Bác dùng từ ngày 13 tháng 8 năm 1942 khi từ Cao Bằng sang Trung Quốc để liên lạc với lực lượng cách mạng ở đó. Tháng 10 năm 1944, Bác viết “Thư gửi đồng bào toàn quốc” xác định những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng Việt Nam để kịp nắm lấy thời cơ giải phóng dân tộc. Bức thư ký tên Hồ Chí Minh. Đây là lần đầu tiên tên gọi này lan truyền trong nhân dân cả nước.

HỒ QUANG, tên Bác dùng để hoạt động khi ở Côn Minh (Vân Nam, Trung Quốc - 1940)

L.T., bút danh Bác ký trong bài “Thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng” (Sự Thật - 15-4-1949)

L.M.WANG, tên Bác đề nghị Văn phòng Đại diện Đảng Cộng sản Đức ghi trong chứng nhận là phóng viên của báo “Thế Giới” (27-2-1930)

LA LẬP, bút danh Bác ký trong bài “Tổng Giôn đã phạm tội ác tày trời” (Nhân Dân - 10-8-1966)

LÊ NHÂN, bút danh Bác ký trong bài “Thất bại và thành công” (Sự Thật - 19-8-1949)

LÊ NÔNG, bút danh Bác ký trên báo Nhân Dân từ 15 đến 18-9-1964 và 7-4-1965

LÊ QUYẾT THẮNG, bút danh Bác ký ở báo Cứu Quốc từ 30-5-1949 đến 2-6-1949.

LÊ THANH LONG, bút danh Bác ký trên báo Nhân Dân ngày 4-2-1963.

LIN, tên Bác dùng trong bức điện được đánh đi ngày 14-4-1924 từ Jacutxơ tới Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, "Thư gửi Bộ Phương Đông" đề ngày 16-1-1935, khi tham dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản họp ở Moskva (25-7 - 20-8-1935)

LINE, bút danh Bác ký trong "Thư từ Trung Quốc. Hoạt động của bọn Tờrốttxki ở Trung Quốc" (Tiếng nói của chúng ta - Notre voix 28-7-1939 và 11-8-1939) (Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản - viết tháng 7-1939).

LÝ THỤY, tên Bác dùng khi làm phiên dịch cho phái đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô do Borodin dẫn đầu đến Quảng Châu giúp Chính phủ Quốc dân đảng Trung Quốc (1924).

N, bút danh Bác ký trong các bài đăng trên báo "Người cùng khổ" (Le Paria - số 11,13,14,15 năm 1923 và số 22 năm 1924).

N.A.9, bút danh Bác ký trong các bài đăng trên báo "Người cùng khổ" (Le Paria - 1-8-1922 - 1-2-1923 - 8-1923 - 7-1924).

N.K. bút danh Bác ký trong bài đăng ở "Thư tín Quốc tế", bản tiếng Pháp - 15-10-1927.

NG.A.9. tên Bác ký trong bài và tranh đăng trên

báo "Người cùng khổ" (Le Paria) (số 5 ngày 1-8-1922, số 2, tháng 6-1922).

NG. ÁI QUỐC, bút danh Bác ký bài đăng trên báo "Người cùng khổ" (Le Paria - tháng 4,5-1925).

NGUYỄN, tên Bác ký trong bức thư gửi cho các bạn cùng hoạt động ở Pháp (1923), trong bức tranh châm biếm, tựa đề "Sự phục thù của Toutan Kamon" (Người cùng khổ - Le Paria - Số 13 năm 1923).

NGUYỄN A.G., bút danh Bác ký trong các bài báo (Đời Sống số 233 - Nhân Đạo ngày 25-5-1922) và tranh châm biếm (Le Paria - số 5 tháng 8-1922).

NGUYỄN ÁI KBAK, tên Bác ký trong các thư gửi đại diện Tổng Công hội thống nhất Pháp ở Quốc tế Công hội đỏ, bằng tiếng Anh; gửi Quốc tế Công hội đỏ, bằng tiếng Anh; gửi văn phòng Đảng Cộng sản Mỹ ở Quốc tế Cộng sản, bằng tiếng Anh; gửi văn phòng đại diện Đảng Cộng sản Đức ở Quốc tế Cộng sản, bằng tiếng Pháp (27-2-1930).

NGUYỄN ÁI QUỐC, tên và cũng là bút danh Bác dùng từ 1919, ký lần đầu tiên trên "Bản yêu sách của nhân dân An Nam" gửi đến Đại hội Versailles (1919) và sau đó trên rất nhiều bài đăng trên các báo Pháp như "Nhân đạo" (L'Humanité), "Dân Chúng" (Le Populaire), "Tạp chí Cộng sản" (La Revue Communiste), "Tự Do" (La Liberté), "Đời Sống Công Nhân" (La vie ouvrière), "Nhân Dân" (Journal du Peuple), "Người Cùng Khổ" (Le Paria)... hoặc báo Liên Xô như "Quốc tế Nông Dân" (tiếng Nga)...

NGUYỄN SINH CUNG, tên Bác lúc còn bé. Về sau đổi tên là Nguyễn Tất Thành.

NGUYỄN TẤT THÀNH, tên Bác từ khi còn nhỏ; khi dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết), được Bác dùng đến trước khi làm việc trên tàu Latouche Tréville để sang Pháp (1911) và khi Bác sống tại Pháp (1917-1923). Sau năm này, Bác thay đổi tên họ nhiều lần để có thể dễ dàng hoạt động cách mạng.

NILÔPXXKI, tên Bác dùng trong thư từ liên lạc với Đoàn Chủ tịch Hội đồng Quốc tế Nông Dân ngày 3-12-1925 và 14-5-1926.

P.C.LINE, bút danh Bác dùng trong thời gian trở lại hoạt động ở Trung Quốc (năm 1938) và ở một số bài báo (năm 1939).

PAUL, tên Bác dùng ký trong bức thư gửi cho Satô (Liên Đoàn chống đế quốc) ở Berlin (27-2-1930).

QUAC E. WEN bút danh Bác ký trong bài "Uy quyền của đế quốc Pháp ở Đông Dương" ngày 5-3-1931.

T.L, bút danh Bác ký trong khoảng 30 bài viết đăng trên báo "Nhân Dân" từ năm 1955 đến năm 1969.

TÂN SINH, bút danh Bác ký trong tác phẩm "Đời Sống Mới" (20-3-1947).

THANH LAN, bút danh Bác ký trên báo Nhân Dân ngày 26-6-1963.

THU SƠN, bí danh Bác dùng trong thời gian ở Pác Bó (Cao Bằng, 2-1941)

TỔNG VĂN SƠ, tên Bác dùng lúc bị đế quốc Anh bắt

giám tại Hồng Kông (Trung Quốc 1931 - 1933).

TRẦN LỰC, bút danh Bác ký trong các bài đăng trên báo Nhân Dân (từ 1958 đến 1961)

U.L., bút danh Bác ký đăng trên báo "Người Cùng Khổ" (Le Paria - 1922)

V., tên Bác ký trong "Báo cáo gửi Bộ Phương Đông" của Quốc tế Cộng sản (8-2-1931) "Nghệ Tĩnh Đỏ" (19-2-1931)

VICTOR, bút danh Bác dùng trong một bài gửi cho báo Pháp "Thế Giới" (Le monde - 1934)

VIỆT HỒNG, bút danh Bác ký trong bài "Vừa đi đường vừa nói chuyện về Các Mác" trên báo Nhân Dân ngày 5-5-1968.

VƯƠNG, tên Bác dùng khi làm việc trong phái đoàn cố vấn Liên Xô giúp Chính phủ Quốc dân đảng Trung Quốc do Borodin làm trưởng đoàn (1924).

WANG, bút danh Bác ký trong một số bài đăng trên tạp chí, "Thư Tín Quốc Tế" 1927-1928.

X., tên Bác dùng trong "Bản báo cáo tin tức và thư từ Đông Dương gửi bộ Phương Đông Quốc tế Cộng sản (21-2-1931).

X.Y.Z., bút danh Bác ký trong các tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" (10-1947) và một số bài trên báo "Sự Thật" từ 1948 đến 1950.

Anh sinh viên khoa Văn có tên Chương đợi Thúy dứt lời là tiếp ngay phần được phân công của mình. Chương nói:

- Tôi không dám làm việc phân tích phân văn, thơ của Bác Hồ. Tôi sẽ gắng làm việc đó sau này, khi đã tốt nghiệp, được đi viết báo hay viết văn, trưởng thành hơn, chín chắn hơn. Hôm nay tôi chỉ xin làm nhiệm vụ “đọc” thôi, và chỉ đọc một vài bài mà tôi đã học, đã được các thầy giảng cho nghe. Còn thầy nói như thế nào, tôi ghi được vài ý chính, tôi đọc những ý đó. Mong rằng các bạn tìm đọc các tác phẩm văn, thơ của Bác Hồ nhiều hơn, kỹ hơn để hiểu thêm về Bác.

Trước hết các thầy đã giới thiệu tác phẩm **“Bản án chế độ thực dân Pháp”**, nguyên văn bằng tiếng Pháp, ký tên **Nguyễn Ái Quốc**, Thư quán Lao Động Paris xuất bản lần đầu tiên năm 1925. Tác phẩm này ra đời giữa lúc làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ ở khắp các thuộc địa của Pháp và giữa lúc Bác Hồ đang nỗ lực giáo dục, tổ chức lực lượng nòng cốt của Cách mạng Việt Nam theo con đường của Cách mạng tháng Mười Nga. Tác phẩm có 12 chương, là một đòn tiến công quyết liệt đánh vào chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Pháp, vạch ra con đường cách mạng và tương lai tươi sáng cho các dân tộc bị áp bức. Nó không những có giá trị lớn về lý luận, chính trị mà còn có giá trị lớn về văn học nghệ thuật.

Năm 1974, ở Việt Nam, Nhà xuất bản Văn Học có sưu tầm và xuất bản tác phẩm **“Truyện và Ký”** gồm 6 truyện và ký, viết bằng tiếng Pháp, dịch và in lần đầu. Bút pháp hết sức phóng khoáng và đầy sáng tạo. Truyện “Lời than vãn của Bà Trưng Trắc” phê phán tên vua bán nước Khải Định bằng cách dựng lên một cơn ác mộng của y, có hồn Bà Trưng hiện về sí nhục.

Truyện “Vi hành” tạo ra một tình huống nhằm lẫn rất vui, gián tiếp vẽ bức biếm họa chân dung Khải Định lỗ bịch và đê tiện. Truyện “Những trò lơ hay là Varen và Phan Bội Châu” một màn hài kịch tưởng tượng về cuộc gặp mặt giữa tên ba hoa vô liêm sỉ và nhà ái quốc Việt Nam uy nghi lẫm liệt. Truyện “Con người biết mùi hun khói” một truyện viễn tưởng chính trị độc đáo, v.v... Tất cả nhằm một chủ đề: chống đế quốc, phong kiến, cổ động lý tưởng cách mạng vô sản. “Truyện và Ký” chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc là một nhà viết truyện, ký hiện đại đầy tài năng và một ngòi bút châm biếm bậc thầy.

Chúng ta cùng nghe toàn văn truyện “Vi hành”. Truyện này viết nguyên văn bằng tiếng Pháp, ký tên Nguyễn Ái Quốc, đăng đầu lên trên báo “Nhân Đạo” (L’Humanité) ngày 19 tháng 2 năm 1923. Bác viết truyện này vào lúc vua Khải Định từ Việt Nam sang Pháp dự cuộc triển lãm thuộc địa do thực dân Pháp tổ chức tại Marseille. Bằng những lời văn châm biếm hóm hỉnh nhưng rất chua cay, Bác chế giễu Khải Định và đả kích những trò rình rập theo dõi của mật thám Pháp đối với những người hoạt động cách mạng.

VI HÀNH

(Trích “Những bức thư gửi cô em họ” do tác giả tự dịch từ tiếng Nam)

- Hấn đấy!
- Đâu phải!
- Đúng mà! Anh đã bảo là chính hấn đấy.

- Chắc thật à? Em thì em đã thấy hấn ở trường đua, trông hấn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quấn khăn, các ngón tay đeo đầy những nhẫn.

- Thế hay là hấn đã đem tất cả các thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kỹ xem kia! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xếch ấy, vẫn cái mặt búng như vỏ chanh đấy à?⁽¹⁾

- Ủ nhỉ? Thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hấn đến đây làm gì nhỉ, trong đường xe điện ngầm này, và tại các ông quan bà kiếc⁽²⁾ đi theo thì đâu cả?

- Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lý nhà ga, để đi chơi vi hành đấy.

Đấy, cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi: họ ngẫu nhiên trông tôi với cặp mắt ma mãnh, lò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn gì tôi cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

- Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? Người con trai hỏi, ngờ tôi là một đáng Hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

1 Quả chanh ở châu Âu vỏ màu vàng búng.

2 Chơi chữ, do trong tiếng Pháp, mandarin có nghĩa là ông quan, và mandarine có nghĩa là quả quýt trong khi theo quy tắc từ vựng thì, bình thường ra, muốn chuyển giống đực sang giống cái phải thêm e sau từ chỉ giống đực. Chỉ chuyển được phần nào ý đùa sang bản dịch tiếng Việt. Có thể dịch: ông quan bà quýt.

- Hấn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hấn đeo lên người hấn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm, người bạn gái anh ta trả lời.

- Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!

- Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ của chúng ta nào?

- Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găng-be đã bán rồi. Cái ruộng của Hê-ra Miéc-ten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc thì không thu hút được công chúng lắm vì không thuộc giới thượng lưu. Và thế là cái kho giải trí của chúng ta⁽¹⁾ sắp cạn ráo như B.Đ.D.⁽²⁾ vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì...

- Đổi xe ở đây chứ⁽³⁾ anh yêu đi?

- Không, ga sau. Đúng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta.

- Em thì em thích Sác-lô⁽⁴⁾ hơn. Với lại, vua thì tốn lắm.

1. Nhà cầm quyền các nước tư bản thường dùng những tin "thời sự" giắt gân để dẫn dắt quần chúng xao lãng đấu tranh chính trị. Mấy câu chuyện vừa nhắc đến là một số vụ giết người lấy của ít nhiều "ly kỳ" đã thật sự xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ.

2. Băng Đông Dương. Nguyên bản: B.I.C. (Banque d'Indochine).

3. Tiếng Pháp chỉ nói "đổi"; thường nói "đổi xe", nhưng thật ra là "đổi tuyến xe". Hệ thống xe điện ngầm ở Paris gồm nhiều tuyến gặp nhau ở một số trạm nhất định, ở đó có thể chuyển từ tuyến này sang tuyến khác.

4. Sác-lô, vai hề nổi tiếng của điện ảnh do diễn viên kiêm đạo diễn nổi tiếng Anh Sác-li Sáp-lin sáng tạo.

- Đâu có! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở Nhà hát Ca Vũ đấy chứ? Phải trả những nghìn rưỡi phơ-răng để xem vợ lẽ nàng hầu vua Cao Miên, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư thánh xứ Công-gô⁽¹⁾; hôm nay thì chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh? Nghe nói ông bầu Nhà hát múa rối⁽²⁾ cô định ký giao kèo thuê đấy...

Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ⁽³⁾. Lại nói chuyện vua Pi-e nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh⁽⁴⁾. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng vì hành đấy.

1. Cả danh hiệu sư thánh đạo Hồi ("Ma ra bu"), cả tên nước Công-gô ở đây chỉ là phiếm chỉ.
2. Ghi-rhon trong nguyên bản tiếng Pháp. Đó là tên vai chính trong trò rối, sau dùng rộng ra để chỉ con người ngây ngô hoặc câu chuyện lố lằng.
3. Thuấn, một trong những vua thần thoại Trung Quốc cổ, tiêu biểu cho con người đạo đức, vua chúa có lòng nhân.
4. Pi-e nước Nga, lúc Pi-ốt Đại Đế, vua Nga ở cuối thế kỷ thứ 17 đầu thế kỷ thứ 18, đã đi tham quan và lao động ở Tây Âu để rồi về nước kiên quyết thực hiện cải cách, làm cho nước Nga phong kiến trở nên hùng mạnh.

Tôi không được rõ ý đồ nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là A-lếch-xăng đê Nhất⁽¹⁾ có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài hay không? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thầy thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám “dân”⁽²⁾ bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, giờ ngài lại muốn ném thử cuộc đời các cậu công tử bé?⁽³⁾

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đấng Hoàng thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, lán tụng tôi, đi theo tôi.

Cô em thân mến, hẳn cô báo tôi rằng thế là cái bánh xe vô lương nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương có màu da trắng đều là những bậc khai hóa, thì bây giờ đến lượt tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

1. A-lếch-xăng Min-lơ-răng là Tổng thống Pháp lúc bấy giờ. Gọi Tổng thống Pháp theo kiểu chỉ vua chúa: “A-lếch-xăng đê Nhất” là để nhấn mạnh tính hài hước của đoạn văn, đồng thời là để nêu rõ sự lỗi thời của vua chúa, tức là để châm biếm Khải Định chưa cay hơn.
2. Dân được viết bằng tiếng Việt (có dịch) trong nguyên bản tiếng Pháp.
3. Tiểu công, hay công lược bé, trong nguyên bản tiếng Pháp. Ở đây, tác giả giễu cợt rất tinh vi và chơi chữ rất tế nhị: tiếng Pháp vốn có thành ngữ coi những ông hoàng Nga, mà tước hiệu là đại công (grand duc) là những tay ăn chơi bừa bãi.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quân chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng “hắn đấy!” hay “xem hắn kia!” là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.

Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, Chính phủ bèn đối đãi tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá tuốt! Đó là những người phục vụ thâm kín, rụt rè, vô tứ và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thử nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi niềm âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy đế giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật linh là các vị cuống cuống cả lên nếu mất hút tôi chỉ trong dăm phút! Có thử nghĩ, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?

Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nỗi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

NGUYỄN ÁI QUỐC

“Nhân Đạo”

Ngày 19-2-1923

Bạn Chương vừa đọc xong, tất cả các bạn đều cười thích thú. Truyện đầy tình cảm biếm, giọng điệu vừa dí dỏm vừa chua cay, không những vẽ nên chân dung một tên vua bù nhìn mà còn thấy cả những hành động bỉ ổi của bọn thực dân xâm lược.

Chương nói: "Các bạn cho tôi tiếp tục phân đọc một số bài thơ của Bác Hồ. Tôi xin trích đọc mấy bài ở tác phẩm **"Nhật ký trong tù"**, không theo trình tự, vì bữa nay chúng ta quá ít thời gian. Hơn nữa, chúng ta cũng cần đọc theo cách thưởng thức, cách nghiên cứu thật hệ thống.

Trước khi đọc, tôi xin trình bày đôi nét xuất xứ: - Tập thơ viết trong các năm 1942-1943, nguyên văn bằng chữ Hán. Sau một thời gian ở Cao Bằng, cùng với Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ngày 13 tháng 8 năm 1942, Người lấy tên là **Hồ Chí Minh**, lên đường đi Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Nam độc lập Đồng minh và Phân Bộ Quốc tế chống xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Quốc tế. Sau nửa tháng trời đi bộ, vừa đến Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc) Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giữ và bị giam cầm 13 tháng, bị đối xử tàn tệ và sống khổ cực trong khoảng 30 nhà tù của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này, Người đã viết tập thơ **"Nhật ký trong tù"**. Tập thơ gồm 133 bài phần lớn là tứ tuyệt, được ghi vào một cuốn sổ tay, bìa màu xanh, trang đầu ghi bốn chữ **"Ngục trung nhật ký"** có vẽ hai

cánh tay với bàn tay nắm chặt, bị xích kèm theo 4 câu thơ:

*“Thân thể lại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại;
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại”.*

bản dịch là:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần phải càng cao.*

“Nhật ký trong tù” trước hết là một tập nhật ký, ghi lại những nét sinh hoạt hàng ngày của tù nhân, tình cảnh và tâm tư của họ, những cảnh những việc Người gặp trên đường chuyển lao, suy nghĩ và cảm xúc của Người trong những ngày bị giam cầm...

“Nhật ký trong tù” thể hiện một tấm lòng nhân ái sâu xa, là một tập nhật ký riêng tư nhưng Người ít nói đến những nỗi đau khổ ghê gớm mà Người phải chịu đựng, nếu có nói đến thì thường bằng giọng đùa cợt.

Với nỗi thống khổ của người khác, Người viết nên nhiều bài thơ xúc động chứa chan tình người. Ngay cả đối với những tù nhân mà phần lớn thuộc lớp cận bá của xã hội Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch, Người cũng nhìn họ một cách bao dung, thật sự chan hòa, yêu thương và trân trọng, tin tưởng ở bản chất vốn

lượng thiện của họ. Nhưng dù vậy, tình cảm nhân đạo đó vẫn cô đọng giai cấp cụ thể.

“Nhật ký trong tù” thể hiện nỗi niềm thương nhớ đất nước. Niềm khao khát tự do để trở về chiến đấu luôn ám ảnh, day dứt Người. Lúc thức và lúc ngủ, khi tỉnh cũng như khi mộng, khi đi đứng, ngắm cảnh, khi đau ốm, lúc nghỉ ngơi... dường như không lúc nào Người nguôi tấm lòng nhớ nước.

“Nhật ký trong tù” thể hiện sáng ngời chất thép cách mạng, mà trong bài “Cảm tưởng đọc Thiên Gia thi” của Người thể hiện như một tuyên ngôn:

“Nay ở trong thơ nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”.

“Nhật ký trong tù” phản ánh trực tiếp một tâm hồn cao đẹp, đồng thời cũng thể hiện rõ một phong cách thơ độc đáo mà đa dạng, đạt tới sự hài hòa cao độ, vừa rất mực giản dị, hồn nhiên, vừa hàm súc, thâm trầm, vừa có dáng dấp cổ điển vừa mang tinh thần và sắc thái hiện đại, vừa có bút pháp hiện thực nghiêm ngặt vừa lãng mạn bay bổng, vừa sáng ngời chất thép, vừa thấm thiết tình người, chan chứa chất thơ.

Chương trình bày liền một mạch phần giới thiệu tác phẩm **“Nhật ký trong tù”** một cách bao quát. Sau đó Chương trích đọc một số bài mà Chương cảm thấy có thể chọn theo cách yêu thích của Chương và chỉ đọc phần đã dịch vì đọc cả phần chữ Hán chẳng mấy bạn có thể hiểu dù có bạn nói... “Cứ đọc cả đi, âm điệu nghe cũng thích lắm...”

Sau đây là bài **“Nhớ bạn”**:

"Ngày đi bạn tiên đến bên sông,
Hẹn bạn khi về lúa đỏ đồng;
Nay đã gặt xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung".

Đây là bài **"Mở đầu tập nhật ký"**

"Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do".

Bài **"Ngắm trăng"**

"Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ".

Bài **"Chia nước"**

"Mỗi người nửa chậu nước nhà pha
Rửa mặt, pha trà tự ý ta
Muốn để pha trà đừng rửa mặt
Muốn đem rửa mặt, chớ pha trà".

Bài **"Chiều tối"**

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết, lò than đã rực hồng".

Bài **"Nghe tiếng giã gạo"**

"Gạo đem vào giã, bao đau đớn
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông

Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công”.

Bài “**Bốn tháng rồi**”

“Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài?
Lời nói người xưa đâu có sai
Sống khác loài người vừa bốn tháng
Tiểu tụy còn hơn mười năm trời
Bởi vì:
Bốn tháng cơm không no
Bốn tháng đêm thiếu ngủ
Bốn tháng áo không thay
Bốn tháng không giặt giũ
Cho nên:
Răng rụng mất một chiếc
Tóc bạc thêm mấy phân
Gầy đen như quỷ đói
Chẻ lở mọc đầy thân
May mà: kiên trì và nhẫn nại
Không chịu lùi một phân
Vật chất tuy đau khổ
Không nao núng tinh thần”.

Bài “**Bệnh nặng**”

“Ngoại cảm” trời Hoa cơn nóng lạnh
“Nội thương” đất Việt cảnh lâm than
Ở tù mắc bệnh càng cay đắng
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn!”

Bài “Mới ra tù tập leo núi”

*“Núi áp ôm mây, mây áp núi
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ
Bồi hồi riêng dạo Tây Phong Linh
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa”.*

Chương đọc xong bài “Mới ra tù tập leo núi”, cúi đầu nói: - Tôi xin mạn phép ngưng ở đây phần trích đọc mấy bài trong hơn một trăm bài thơ ở tác phẩm “Nhật ký trong tù”. Mong các bạn tìm đọc kỹ hơn ý, tứ từng bài một để thấu hiểu

*“... Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần phải càng cao”.*

là phải sống như thế nào dù “thân thể ở trong lao”.

Riêng tôi, tôi rút ra được một bài học, đó là “Cuộc đời chẳng bao giờ hết khó khăn trở ngại, nhưng bất kỳ trong hoàn cảnh nào con người cũng không thể và không nên từ bỏ nghị lực niềm vui và niềm tin”.

Chương nói tiếp: - Thơ của Bác Hồ thì còn rất nhiều bài khác nhau, làm ở các thời điểm và hoàn cảnh hầu như xảy ra hàng ngày. Tôi xin đi lướt về hai nhóm thơ:

1. Những bài thơ kêu gọi đồng bào đấu tranh chống thực dân Pháp, phát xít Nhật, làm trong các năm 1941, 1942, như bài thơ “Ca công nhân”, “Ca dân cày”, “Ca binh lính”, “Lời kêu gọi phụ nữ”, “Kêu gọi thiếu nhi”, “Bài ca du kích”... hầu hết là những khúc ca gần với ca dao, gồm những câu lục bát với ngôn ngữ bình dân. Thành công của tác giả chính là ở chỗ sử dụng phương tiện rất phù hợp với mục đích nên đạt hiệu quả tuyên truyền rất cao.

Mời các bạn cùng nghe mỗi bài một vài câu để biết:

Ví dụ ở bài **"Ca công nhân"** (làm năm 1941):

...*"Càng nghĩ lại càng xót xa
Vì ta mất nước nên ta phải hèn
Để cho Pháp, Nhật lộng quyền
Thằng tay bóc lột thợ thuyền nước ta!
Thợ thuyền ta phải đứng ra
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình..."*

ở bài **"Ca dân cày"** (làm năm 1941)

...*"Muốn phá sạch mối bất bình
Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào
Để cùng toàn quốc đồng bào
Đánh Pháp, Nhật gây phong trào tự do..."*

ở bài **"Ca binh lính"** (làm năm 1941):

...*"Trong tay đã sẵn súng rồi
Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành
Tiếng thơn sẽ tạc sử xanh
"Quân nhân cứu quốc" rạng danh muôn đời".*

ở bài **"Lời kêu gọi phụ nữ"** (làm năm 1941):

... *"Bây giờ cơ hội đã gần
Đánh Tây, đánh Nhật, cứu dân, cứu nhà
Chị em cả trẻ đến già
Cùng nhau đoàn kết để mà đấu tranh..."*

ở bài **"Kêu gọi thiếu nhi"** (làm năm 1941):

... *"Người lớn cứu nước đã đành
Trẻ em cũng góp phần mình một tay*

*Bao giờ đuổi hết Nhật, Tây
Trẻ em ta sẽ là bấy con cưng”.*

ở bài **“Bài ca du kích”** (làm năm 1942):

*... “Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Già nào,
Trẻ nào,
Lính nào,
Đàn ông nào,
Đàn bà nào,
Kẻ có súng dùng súng
Kẻ có dao dùng dao
Kẻ có cuốc dùng cuốc
Người có cào dùng cào
Thấy Tây cứ chém phứt
Thấy Nhật cứ chặt nhào...”*

Thật là khí thế của một đoàn quân khổng lồ, đủ lớp, đủ loại luôn luôn xuất hiện trong những thời kỳ cấp thiết của lịch sử dân tộc.

2. Những bài thơ chúc Tết.

Từ năm 1942 cho đến khi Người từ trần (1969) hầu như năm nào Người cũng có thơ hoặc thư chúc Tết gửi đến nhân dân, cán bộ, chiến sĩ cả nước. Đó là lời chúc tốt lành, kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, hăng hái tăng gia sản xuất, hăng hái thi đua thực hiện các nhiệm vụ chính trị của từng năm, từng thời kỳ.

cùng nhau đưa nước nhà đến độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Năm 1942, trong bài thơ **“Mừng xuân”**, Người chúc đồng bào đoàn kết, đất nước được độc lập. Đó cũng là ước mong của Người, của cả dân tộc Việt Nam:

*“Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới.
Chúc toàn quốc ta trong năm nay,
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới”.*

Năm 1947, chúc mừng năm mới Đinh Hợi, Người viết một bài thơ biểu hiện lòng tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi của dân tộc. Đó vừa là thơ, vừa là khẩu hiệu hành động:

“CHÚC MỪNG NĂM MỚI”

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!*

Trong các bài thơ chúc Tết từ năm 1948-1954, năm nào Người cũng nhắc lại lòng tin tưởng sâu sắc vào thắng lợi cuối cùng và động viên đồng bào, chiến sĩ hăng hái thi đua cứu quốc, đưa kháng chiến đến thắng lợi. Người viết những câu thơ rất ngắn, ngắn như những khẩu hiệu và rất nổi tiếng:

“CHÚC TẾT 1949”

*“Kháng chiến lại thêm một năm mới,
Thi đua yêu nước thêm tiến tới
Động viên lực lượng và tinh thần
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi
Người người thi đua
Ngành ngành thi đua
Ngày ngày thi đua
Ta nhất định thắng
Địch nhất định thua”.*

Trong thư chúc mừng năm mới 1956, Người viết:

*... “Miền Bắc thi đua xây dựng,
Miền Nam giữ vững thành đồng,
Quyết chí bền gan phấn đấu,
Hòa bình, thống nhất thành công”.*

“MỪNG XUÂN 1961”

*“Xuân về xin có một bài ca
Gửi chúc đồng bào cả nước ta
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi
Tin mừng thắng trận nở như hoa”.*

Năm 1968, cao điểm của cuộc chiến đấu chống Mỹ, ngày **1-1-1968**, Người gửi thơ chúc mừng năm mới tới đồng bào và chiến sĩ cả nước. Cuối thư, Người có thơ mừng:

*"Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp mọi nhà,
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta!"*

Bài thơ thất ngôn tứ tuyệt hàm chứa một nội dung rất mới, một âm điệu lạc quan, hào hùng...

Đặc biệt là năm 1969, Người đã 79 tuổi, trước khi mất mấy tháng, Người viết thư chúc mừng năm mới tới đồng bào và chiến sĩ cả nước, một lần nữa Người khẳng định sự tất thắng của cuộc đấu tranh chống Mỹ:

"MỪNG XUÂN 1969"

*"Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to
Vi độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên!
Chiến sĩ đồng bào!
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn".*

Các bài thơ chúc Tết của Người không chỉ có một giá trị văn học mà còn có giá trị lịch sử to lớn; mỗi bài thơ là một cái mốc đánh dấu cho một giai đoạn chuyển biến của đất nước Việt Nam thể hiện các nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn. Những bài thơ của Người còn thể hiện một tinh thần lạc quan cách mạng, một

tư tưởng nhất quán như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt với một lòng tin tuyệt đối vào tương lai tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

*Buổi sinh hoạt đã tới giờ kết thúc. Hòa đề nghị các bạn cùng nghe trích đoạn một bài viết thật súc tích của cụ Vũ Kỳ - thư ký riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhân **"Kỷ niệm 100 năm (1890-1990) ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh"**.*

"Nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới thường gọi rất thân thiết, rất triu mến Chủ tịch **Hồ Chí Minh là Bác Hồ**.

Đó là lòng yêu mến, kính trọng một con người có công lao to lớn nhưng rất mực khiêm tốn, giản dị, biểu tượng một phẩm chất cao quý, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Con người và phẩm chất đó là tinh hoa của dân tộc Việt Nam, và của thời đại. Con người gắn liền với thời đại và góp phần vào sự nghiệp sáng tạo thời đại. Đó thật sự là con người của lý tưởng và lý tưởng thể hiện trong một con người.

Với cái vốn ban đầu của mình là truyền thống yêu nước của gia đình, của quê hương. Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy sự bế tắc của các bậc cha anh, đã dứt khoát ra đi tìm con đường đúng, trở thành người Việt Nam sớm nhất đến với trào lưu tiến hóa của loài người và đã dẫn dắt cả dân tộc Việt Nam vào trào lưu tiến hóa đó.

Người phải ra đi từ thời thanh niên, khi vừa tròn 20 tuổi. Với ý chí mãnh liệt thay đổi vận mệnh dân tộc,

trên con đường dài và khúc khuỷu, mười năm gian nan vất vả, từ lúc ra đi đến khi trở thành người Cộng sản, Người quan sát và suy nghĩ, so sánh và nhận xét tính cách nhân dân các nước mà Người đi qua. Nhất là khi được tư tưởng Lenin làm sáng tỏ, người thanh niên yêu nước ấy đã tìm được chân lý của thời đại...

... Đặc trưng nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những phẩm chất và phong cách của một lãnh tụ quần chúng. Trong mọi quan hệ và tiếp xúc, Người có sự chan hòa bình đẳng, thân thiết.

Đó là sự hòa hợp rất tự nhiên giữa các phong cách tưởng như mâu thuẫn: Nhà hiền triết châu Á với nhà chính trị sôi nổi hoạt bát của châu Âu; Người lãnh tụ nổi tiếng chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân của một dân tộc anh hùng với một người khiêm tốn, giản dị như mọi người dân bình thường. Người từ bỏ mọi ham muốn của riêng mình, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, thiếu thốn cho công việc của cách mạng. Giữa mùa đông ở Paris, Người sưởi ấm bằng hòn gạch nóng. Khi đã là người đứng đầu một Nhà nước, Người vẫn sống giản dị, neu gương cần kiệm. Ở chiến khu cũng như ở giữa Thủ đô, Người thích sống gần thiên nhiên, ở một gian nhà sàn nho nhỏ, bữa ăn thường ngày là những hương vị của quê nhà, nhiều khi do chính tay mình làm ra: trồng rau, nuôi cá. Công việc bận rộn cả ngày cho tới khuya mà vẫn tưởng như thanh thản, quan tâm đến việc lớn mà không quên việc nhỏ, xem rất đều cả các báo địa phương, thường gặp cán bộ cơ sở và trực tiếp thăm hỏi nhân dân. Dù

bạn vẫn dành thì giờ học thêm. Cuộc sống thật là ung dung, thư thái...

Phẩm chất cao quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không mấy may vướng vẩn tham vọng cá nhân, khinh ghét những thói nhỏ nhen, bất bình trước những lời tâng bốc. Đức độ của Người tỏa sáng khắp nơi, Người nêu cao đạo đức, lấy đức và sự khoan dung để đoàn kết, cảm hóa, không lấy uy để áp chế, và khuyên răn mọi người rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Bác Hồ được sự kính trọng và yêu mến rộng rãi bởi chính Người là hiện thân của những phẩm chất, đạo đức cao đẹp ấy. Khi đã làm chủ cuộc đời mình, đã có lý tưởng sống, hiểu mình, hiểu đời, người ta chủ động, thành thoi, không bao giờ bối rối trước những tình huống phức tạp và những hoàn cảnh éo le. Trong khi hoạt động ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã thần nhiên, bình tĩnh trước sự đe dọa của Bộ trưởng thuộc địa. Hai lần bị bắt và ở tù, tình mệnh lâm nguy, Người ung dung thanh thản ngâm thơ:

Thần thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao.

Người kiên trì, nhẫn nại chống lại sự suy yếu của tuổi già, của bệnh tật, và chuẩn bị từ biệt cõi đời. Người gửi lại những tình cảm thân thiết và những ước mong cao thượng đối với đồng bào, đồng chí và bầu bạn quốc tế. Người đi gặp những người thầy, người bạn của mình như vào cõi tiên. Trước lúc ra đi, Người

thân tình tâm sự: “Suốt đời tôi hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay đã phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”.

HỒ CHÍ MINH: một con người, một lẽ sống, một tấm gương là như thế!

HỒ CHÍ MINH: một sự nghiệp vĩ đại, một đạo đức cao cả, một tác phong khiêm tốn, giản dị là như thế!

HỒ CHÍ MINH: một con người trọn vẹn, cả cuộc đời trọn vẹn, trong sáng tuyệt vời là như thế!

Thời đại cần những con người như thế, thế kỷ cũng sản sinh những con người như thế: con người của hôm nay và của cả ngày mai...”



MỤC LỤC

Thời niên thiếu của Bác Hồ - Những người thân trong gia đình Bác	7
Những năm học quan trọng - Những ngày lên trở	23
Bác ra đi tìm đường cứu nước	33
Những năm tháng Bác ở nước ngoài	41
Bác Hồ về nước - Bác lãnh đạo cuộc kháng chiến	73
Tuổi trẻ trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước	102
Tên, bí danh, bút danh, cùng những sáng tác thơ văn của Bác	116



Nhà Xuất Bản Trẻ trân trọng giới thiệu
Tủ sách **DI SẢN HỒ CHÍ MINH**

- 1 Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- 2 Thực hành tiết kiệm & chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu
- Hồ Chí Minh
- 3 Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân
- Hồ Chí Minh
- 4 Sửa đổi lỗi làm việc - X.Y.Z
- 5 Đời sống mới - Tân Sinh
- 6 Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch - Trần Dân Tiên
- 7 Lời non nước - Đào Thản sưu tầm, giới thiệu
- 8 Hồ Chí Minh - Sự hình thành một nhân cách lớn - Trần Thái Bình
- 9 Tuyển tập thơ nhạc về Bác Hồ - Nhiều tác giả
- 10 Bác Hồ thời niên thiếu ở Huế - Nguyễn Đắc Xuân
- 11 Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ - Thy Ngọc
- 12 Bác Hồ với văn hoá Trung Quốc - Lương Duy Thứ
- 13 Chúng tôi học làm ngoại giao với Bác Hồ - Mai Văn Bộ
- 14 Bác Hồ kể chuyện Tây Du Ký - Trần Văn Giang
- 15 Bác Hồ giữa trái tim trẻ thơ - Nhiều tác giả
- 16 Bác Hồ với sự nghiệp trồng người - Phan Hiền
- 17 Bác Hồ viết Di chúc - Hồi ký của Vũ Kỳ (Thế Kỷ ghi)
- 18 Bác Hồ - Con người và phong cách - Nguyễn Văn Khoan
- 19 Hỏi & đáp về cuộc đời & sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- Bảo tàng Hồ Chí Minh, chi nhánh TP.HCM
- 20 Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh - Vũ Đình Hoè
- 21 Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh - Mai Văn Bộ
- 22 Những tháng năm tham gia giữ gìn lâu dài & bảo vệ thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh - Trần Kinh Chi
v.v..

VN đẹp nhất có tên Bác Hồ

